



# *Thánh Louis và Zélie Martin*

## *Cha Mẹ Thánh Têrêsa Hải Đồng Giêsu*

Nguyên bản Pháp Ngữ: *Louis et Zélie Martin: Les saints de l'ordinaire*

Bản dịch Anh Ngữ: *Sts. Louis and Zélie Martin: The Extraordinary Parents of St. Thérèse of Lisieux* của Marsha Daigle-Williamson

Tác giả: **Helene Mongin**

Dịch giả: **J.B. Thái Hòa**

Nguồn: <http://teresafamily.org>

Chương 1: Tuổi Trẻ

Chương 2: Hôn Nhân Vì Tình Yêu

Chương 3: Chúa Trên Hết

Chương 4: Ôn Gọi Làn Cha Mẹ

Chương 5: Việc Kinh Doanh

Chương 6: Vợ Chồng Truyền Giáo

Chương 7: Thời Gian Nan Thử Thách

Chương 8: Đau Khổ Của Bà Zélie

Chương 9: Dâng Hiến Của Ông Louise

Lời Kết

## **CHƯƠNG 1**

### **TUỔI TRẺ HAY LÒNG KHÁT KHAO THIÊN CHÚA**

Ngày 13-7-1858, Louis Martin và Zélie Guérin cùng hiện diện trong nhà thờ Đức Bà Alecon. Ông ba mươi tư tuổi và bà hai mươi sáu. Họ quen biết nhau mới ba tháng, nhưng không một phút nghi ngờ rằng cuộc hôn nhân này là do ý Chúa. Tuy nhiên, hôn phối không phải ơn gọi mà hai tâm lòng sốt mến này khao khát thời tuổi trẻ. Con đường đưa hai người đến với nhau cho chúng ta thấy ‘Thiên Chúa vẽ đường thẳng bằng những cong’ như thế nào.

Ông Louis sinh ngày 22-8-1782, tại Bordeaux. Cha của ông, Pierre-Francois Martin, là đại úy trong quân đội Pháp, đã tham gia các cuộc chiến của Napoleon, từng trú đóng ở nhiều nơi như Bordeaux, Avignon, và Strasbourg. Năm 1818, ông Pierre-Francois lấy bà Fanny Boureau, con gái một bạn đồng ngũ, và lo cả của hồi môn cho bà. Hai vợ chồng sinh được ông Louis và 4 người anh chị em (nhưng tất cả đều qua đời khi còn nhỏ).

Cha mẹ ông Louis có một đức tin mãnh liệt. Một ngày nọ, khi các anh lính hỏi đại úy Martin, tại sao trong thánh lễ, ông lại quỳ gối lâu đến thế, ông trả lời, ‘Bởi tôi tin.’ Bà con của ông cũng kinh ngạc trước cách ông đọc kinh Lạy Cha. Còn về Fanny, bà là một người phụ nữ cầu nguyện. Có thể thấy được điều này qua lá thư bà gửi cho con trai Louis của mình: ‘Mẹ thường nghĩ đến con khi linh hồn mẹ nâng lên với Chúa, nương theo làn sốt mến trong lòng khi ở dưới chân ngai tòa Chúa! Dưới chân Chúa, mẹ cầu nguyện với hết thiết tha linh hồn.’ Nhờ đó, Louis được biết đến đức tin Công giáo từ tuổi rất nhỏ.

Chúng ta không biết nhiều về những năm tháng đầu đời của thánh nhân. Chỉ biết là, từ doanh trại này chuyển qua doanh trại khác, những năm tháng ảnh hưởng đời sống quân ngũ đã cho Louis thiên hướng kỹ luật và du hành. Năm 1830, đại úy Martin về hưu và đến sống ở quê nhà của mình, thành phố Alençon ở Normandy. Louis không theo học trường trung học, nhưng ông được dạy dỗ đủ để thể hiện trí thông minh và nhận thức rõ ràng, đặc biệt là trong văn học. Ông có thể chọn binh nghiệp như cha mình, nhưng quân đội Pháp đã mất đi vinh quang từ cuối kỷ nguyên Napoleon rồi.

Louis ngày càng bớt tính du hành thám hiểm, và thiên nhiều hơn về nội tâm. Sau một chuyến viếng thăm người chú, một chuyên gia chế tác đồng hồ ở Rennes, Louis khám phá ra sự tinh xảo và tỉ mỉ của nghề này, ông đam mê yêu nghề chế tác đồng hồ và yêu cả vùng đất Brittany nữa.

Ông sống ở đó trong hai năm 1842 và 1843, vừa học nghề sơ cấp, vừa đắm mình trong tác phẩm của các tác giả lớn. Ông đã sao lại vô số đoạn văn vào sổ của mình, và nhờ đó chúng ta biết được ông đặc biệt thích các tác giả trường phái Lãng mạn, nhất là Francois - Rene Chateaubriand, ông cũng mến các tác phẩm của Jacques-Benigne Bossuet, Francis Fenelon, và các tác giả tương tự.

Thị hiếu văn học của ông Louis cho thấy một nét cá tính quan trọng: ông là người nhạy cảm với vẻ đẹp, dù trong văn học hay cảnh vật vùng Brittany. Thường khi đi dạo ở miền quê, ông hay dừng lại khóc trước vẻ đẹp tuyệt diệu của tạo hóa. Dù cảm thức lãng mạn đang thịnh hành trong thời kỳ này, nhưng sự nhạy cảm của Louis thật khác biệt, bởi ông luôn luôn khám phá thấy Đấng Tạo Hóa trong mọi sự ông chiêm ngắm. Không mấy việc có thể làm cho ông hạnh phúc cho bằng được xách cây gậy đi đường và rong ruổi khắp những nơi đẹp tuyệt diệu, vừa đi vừa cầu nguyện.

Lần đầu tiên ông làm một chuyến hành hương như thế, là vào tháng chín 1843, khi ông đi bộ qua dãy Alps thuộc Thụy Sĩ, và khám phá giấc mơ tuổi trẻ của mình: Tu viện Grand Saint Bernard. Công trình lừng danh này nằm ở độ cao hơn 2.500 mét, và đây là nơi Dòng Thánh Augustinô vừa chiêm niệm vừa chinh phục ngọn núi này. Cầu nguyện, vẻ đẹp, tinh thần anh hùng, những điều này quá mời gọi với linh hồn trẻ trung đang yêu mến sự tuyệt đối của ông.

Trong hai năm, vẫn tiếp tục học nghề chế tác đồng hồ ở Strasbourg, nhưng khát khao được vào dòng ngày càng chín muồi trong ông. Những năm tháng thật đẹp. Ông đã có những người bạn tuyệt vời, chia sẻ với ông một tuổi trẻ vui tươi và cầu nguyện. Năm 1845, ông đã quyết định chấm dứt thời kỳ này, và mong muốn trở lại Tu viện Grand Saint Bernard để trả lời cho tiếng gọi mà ông cảm nhận là từ Chúa mà đến. Nhưng ông bị thất vọng. Đan viện phụ, ban đầu nhiệt tình với sự sốt sắng và chính chắn của chàng trai trẻ này, nhưng rồi lại ngại ngùng khi biết là Louis chưa học trung học. Để vào tu viện, cần phải biết tiếng La Tinh. Đan viện phụ mời Louis trở lại một khi đã hoàn tất trung học trước đã. Ông về lại Alençon, và trong vòng hơn một năm, ông lao vào sách vở, theo học các khóa tiếng La Tinh. Nhưng một căn bệnh đã làm gián đoạn các nỗ lực của ông. Louis nhận định đây là dấu chỉ của Đấng Quan Phòng, và lòng nặng trĩu nhưng ông quyết định gác lại khao khát sống đời tu sỹ.

Rồi ông kiên quyết phải học cho trọn nghề chế tác đồng hồ ở Paris. Cuộc sống Paris đã thử thách ông thật khắc nghiệt, cho ông trải qua vô số cám dỗ, với những lối sống phóng đảng, một lời mời gia nhập hội kín, ảnh hưởng của suy nghĩ theo chủ nghĩa tự do của Voltaire, các khó khăn để giữ được đời sống cầu nguyện giữa chốn thủ đô hối hả và náo nhiệt... Theo lời kể của chính ông, thì cần phải rất can đảm mới thoát ra được nơi đó trong thắng lợi. Từ lúc đó, ông không còn chỉ dựa vào sức mình nhưng cậy đến sức mạnh của Chúa để dừng cảm sống. Chàng trai trẻ Louis cầu nguyện gấp đôi, và dâng mình cho Đức Mẹ tại Vương cung Thánh đường Đức Bà Vinh Quang, một nhà thờ mà ông đặc biệt yêu mến.

Như vàng thử trong lửa, Louis qua được thời gian ở chôn thủ đô phố hội mà vẫn giữ được sự trong sạch, từ đó cảm nghiệm thời gian này nâng đỡ cho ông suốt cả đời. Ông biết những cám dỗ mà cuộc đời có thể và không ngừng quyến dụ, và ông khuyên những người thân của mình đừng có rơi vào chúng.

An tâm khi có được một nghề trong tay, ông trở về Alencon, mở một tiệm chế tác đồng hồ ở Rue du Pont-Neuf, và về sau mở thêm một cửa hàng trang sức ngay nơi đó. Lúc ấy, Louis được hai mươi bảy tuổi, và tám năm cuộc đời tiếp theo của ông trôi qua êm đềm trong cầu nguyện, làm việc, đọc sách và giải trí. Bởi tính cách vui vẻ, dễ chịu và trầm ngâm của mình, ông nhanh chóng kết thân nhiều bạn. Họ thường ngồi ở câu lạc bộ Vital Romet, lập một nhóm nhỏ mang tên của người sáng lập (người bạn lớn của Louis), các thành viên trong nhóm cùng nhau chơi bi-da và đào sâu đức tin của mình.

Ông cũng dành nhiều thời gian ngang ngựa như thế cho thú vui yêu thích của mình, là câu cá.

Năm 1857, ông mua một ngôi nhà mang tên Pavilion. Ngôi nhà này có một tháp ngũ giác, được ông bài trí đơn giản, trang trí như trong tu viện, với các câu trích đầy sốt mền thể hiện tinh thần thiêng liêng của ông. ‘Chúa nhìn thấu tôi.’ ‘Sự bất diệt đến mà chúng ta không biết.’ ‘Phúc thay những ai giữ huấn lệnh của Đức Chúa.’ Ông thường lên tháp để đọc sách và cầu nguyện.

Cha Stephane-Joseph Piat có cho chúng ta một mô tả tuyệt vời về ông Louis trong giai đoạn này: Ông “có vóc người cao, với dáng điệu của một viên chức, dễ mền, vàng trán cao và rộng, nước da trắng, gương mặt dễ chịu với mái tóc màu hạt dẻ, cùng một ánh nhìn sâu sắc mà nhẹ nhàng trong đôi mắt màu nâu lục nhạt. Ông vừa giống một cảnh binh vừa như một nhà thần nghiệm, và luôn gây ấn tượng.” Ông cũng có sức hút với các cô gái trẻ trong thành phố. Nhưng Louis dứt khoát từ chối mọi ý tưởng về chuyện hôn nhân, ông vẫn đau đầu vì khao khát chưa trọn của ơn gọi tu trì. Ông còn bắt đầu học lại tiếng La Tinh một cách đều đặn. Cuộc sống của chàng trai ba mươi tư tuổi ngày càng giống như lối sống tu sĩ. Nhưng mẹ ông vẫn luôn dõi mắt theo con trai mình. Bà Fanny Martin không tưởng tượng nổi cảnh người con trai yêu dấu của mình chưa vợ suốt đời. Bà tìm đủ mọi cách để khiến ông kết hôn, và cuối cùng, đã tìm được một viên ngọc quý.

Marie-Azelie Guerin, hay còn gọi là Zélie, sinh ngày 23-12-1831, tại Saint-Denis-sur-Sarthon thuộc vùng Orne. Cũng giống như cha của Louis, cha của bà cũng là một quân nhân, từng tham chiến trong các cuộc chiến của Napolen, và rồi quyết định nghỉ hưu tại Alencon. Lương hưu của ông ít ỏi, nên cả nhà phải chật chiu từng đồng, Zélie chưa từng có được một con búp bê nào cả. Bầu khí gia đình không thật hạnh phúc. Cha bà, Isidore Guerin, là người tốt nhưng cáu kỉnh, và mẹ bà, Louise-Jeanne, thì ít tình cảm, thường hay xáo lẩn đức tin với luân lý khắc nghiệt. Có thể nói, tuổi thơ của Zélie ‘buồn như vãi liệm’ và do bởi sự nghiêm khắc của mẹ mà ‘lòng tôi đau khổ rất nhiều.’

Zélie không được mạnh về cảm xúc, và về mặt thể lý, bà cũng vậy. Từ năm bảy đến mười hai tuổi, bà đau bệnh suốt và thời niên thiếu không ngừng bị hành hạ vì chứng đau nửa đầu. Nhưng điều này không ngăn cản được bà học hành tốt đẹp trong trường của các sơ Dòng Châu Lược. Thật may mắn, khi Zélie có được một người em trai và người chị gái đóng vai trò rất lớn trong cuộc đời mình. Marie-Louise, còn gọi là Elise, người chị gái, và cũng là bạn tâm giao và nâng đỡ cho Zélie, luôn ở gần bà như hình với bóng, và Isidore, nhỏ hơn bà đến mười tuổi và được Zélie yêu thương với tấm lòng như một người mẹ.

Gia đình Guerin cũng có truyền thống Công giáo mạnh mẽ. Trong nhà thường hay kể lại các cuộc phiêu lưu của ông chú Guillaume, một linh mục trong thời kỳ Cách mạng Pháp. Cha Guillaume đi trốn vì bị nhóm ‘Xanh’ lùng bắt. Một ngày nọ, khi cha đang đưa Minh Thánh Chúa cho một gia đình, thì một nhóm du côn ập vào. Cha đặt Minh Thánh Chúa dưới một đồng đá, và nói rằng, ‘Lạy Chúa, xin tự lo cho

mình, trong lúc con lo mấy người này,’ rồi cha ném những kẻ tấn công xuống bờ hồ gần đó. Một lần nữa, cha sống sót nhờ trí khôn của của ông Isidore, cha của Zélie, thưở ông còn là một đứa trẻ đang chơi trên ngực chú mình, lúc cha đang chạy trốn quân lính. Ở nhà Guerin, đức tin bén rễ từ trong lòng, nay cả khi thuyết Jansen khắc nghiệt đang nổi lên dữ dội vào thời ấy.

Bởi vì tuổi thơ u sầu, nên Zélie trở nên một thiếu nữ bồn chồn, đa cảm, quá ngại ngùng và thiếu tự tin. Bà như thế, nhưng từ thưở nhỏ, bà cũng đã ghi khắc câu của thánh Phaolô ‘khi tôi yếu là lúc tôi mạnh’ (2Cr 12, 10) Nghi ngờ về năng lực của mình, Zélie từ thưở bé đã sớm dựa vào Chúa, biết rằng quyền năng Chúa không bao giờ thất bại. Mối gắn kết giữa bà với Chúa quá sâu sắc, đến mức trước khi được 20 tuổi, bà đã tin rằng ơn gọi của mình là đi tu. Cũng như trong trường hợp của Louis, dòng mà Zélie chọn để đi tu, cho thấy cá tính chung của bà. Zélie muốn gia nhập dòng Nữ tử Bác ái của thánh Vincent de Paul, dòng giáo hoàng, kết hợp đời sống cầu nguyện và phục vụ năng động cho người nghèo. Nhưng một lần nữa, Thiên Chúa, Đấng biết rõ lòng con cái Ngài, đã chặn lại con đường này. Mẹ bề trên nói rõ rằng mẹ không tin Zélie có ơn gọi tu trì. Với Zélie, đây thật là một cú sốc lớn, nhưng bà không phải là mẫu người chìm đắm trong bất hạnh. Bà quyết định theo học một nghề.

Trong những năm học nghề, bà có được căn bản ngành đan tinh xảo ở Alenin. Đăng-ten của vùng Arachne mà Napoleon yêu chuộng, cần có sự khéo tay và tinh xảo đặc biệt. Zélie quyết định theo học nghề này và đã thành thực xuất sắc. Lúc đầu bà làm việc trong một nhà máy ở Alencon, nhưng một người trong phòng nhân viên cứ thường xuyên soi mói bà, nên bà quyết định bỏ công việc này. Ngày 02-12-1851, lễ Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên tội, khi đang làm việc trong phòng, bà nghe thấy một tiếng vang lên trong lòng, nói rõ ràng rằng, ‘Con phải làm đăng-ten Alenin.’ Ngay lập tức, bà kể cho chị Elise, chị đã động viên và hứa sẽ ủng hộ cho cô.

Cả hai người mở công ty, một việc quá táo bạo, như lời bà thừa nhận về sau: ‘Làm sao mà chúng tôi, không có nguồn lực tài chính nào và cũng không có hiểu biết gì về kinh doanh, lại làm tốt và tìm được các cơ sở kinh doanh ở Paris tin tưởng nơi chúng tôi? Nhưng, đây là chuyện xảy ra quá nhanh, bởi chúng tôi đã bắt đầu ngay ngày hôm sau.’

Lúc đó, Zélie chưa tròn 20 tuổi. Nhưng bà đã khẳng định uy tín là người làm đăng-ten theo kiểu Alenin, và là chủ của việc kinh doanh này. Cha Piat lại cho chúng ta một mô tả tuyệt vời nữa, lần này là về bà Zélie: ‘Có vẻ hơi thấp, rất xinh và gương mặt đầy ngây thơ, mái tóc nâu và phong cách đơn sơ, mũi cao và đẹp, đôi mắt màu sẫm ánh lên vẻ quả quyết đôi lúc thoáng đượm buồn, bà là một thanh nữ quyến rũ. Cả người bà toát lên sự hoạt bát, tinh tế, và đáng yêu. Với một tinh thần vui vẻ và thanh nhã, ý thức tốt, nhân cách tuyệt vời, và trên hết là một đức tin can trường, thật là một phụ nữ xuất chúng có sức hút với tất cả mọi người.’

Qua nhiều năm, vừa cầu nguyện vừa làm việc, Zélie càng khẳng khái hơn với chị mình, qua những gian nan khởi nghiệp và cả thử thách của một ơn gọi khác dành cho chị Elise. Chị bà, Elise mong muốn được sống đời tu trì, nhưng đã gặp hết trở ngại này đến trở ngại khác, do bởi các vấn đề sức khỏe và nhiều lần ngần ngại. Ngày 07-4-1858, cuối cùng Elise cũng đến được trước ngưỡng cửa Tu viện Đức Mẹ Đi viếng ở Le Mans, với một khao khát sâu thẳm muốn làm thánh. Với Zélie, sự chia lìa này thật giằng xé trong lòng. Lúc đó, hai chị em đang khẳng khái với nhau như hình với bóng. Chị Elise hỏi cô, ‘Em sẽ làm gì khi chị không còn ở đây nữa.’ Zélie nói là bà cũng sẽ đi. Và ba tháng sau khi người chị yêu dấu vào tu viện, bà đã làm thế. Bà theo một hướng mới... kết hôn với ông Louis. Bà Fanny Martin, mẹ của Louis, đã theo học một vài khóa làm đăng-ten ở Alencon, và đã gặp Zélie, có cảm tình với cô gái trẻ này ngay

lập tức. Với bản năng của một người mẹ, bà thấy nơi Zélie một người con dâu lý tưởng. Bà kể cho Zélie về Louis, và chắc chắn cũng nói nhiều hơn nữa với Louis về lòng đạo và vẻ đẹp của cô gái này.

Louis đã không còn phản đối nữa, và ông muốn gặp mặt Zélie. Bà không có một người mẹ chu đáo để khuyên nhủ, nhưng bà có Chúa Thánh Thần: Zélie tình cờ gặp Louis lần đầu tiên trên một chiếc cầu. Ông tạo trong bà một ấn tượng sâu sắc, không chỉ là vẻ ngoài lôi cuốn, mà còn là cả con người ông, và một lần nữa, tiếng nói vang lên trong lòng đã khẳng định cho bà, ‘Đây là người mà Ta đã chuẩn bị cho con.’ Những người trẻ đang trong tiến trình nhận định chắc hẳn sẽ phải ghen tỵ với Zélie về sự rõ ràng thế này. Nhưng, đừng quên rằng, Zélie, cũng như Louis, đã làm tất cả để tìm được ơn gọi của mình, và đã từng băng qua nhiều hoang mạc cuộc đời để tìm được ơn gọi đó. Bà cũng có một tâm hồn đủ mở rộng để nghe được tiếng nói của Chúa Thánh Thần. Chúa Thánh Thần không cần phải tiết lộ cho Zélie tên của ‘người được hứa ban’ bởi chỉ vài ngày sau, bà Fanny Martin đã lo việc này rồi.

Hai người gặp nhau vào tháng tư 1858, và nhanh chóng quý mến nhau. Họ đính hôn, và với lời khuyên của linh mục chuẩn bị tiền hôn nhân, hai người quyết định làm phép hôn phối vào ngày 13 tháng bảy.

Ông bà Louis và Zélie sinh được chín người con. Hai người vừa nuôi dạy con cái, vừa tiếp tục nghiệp chế tác đồng hồ và đặng-ten của mình. Năm người con gái, là Marie sinh năm 1860, Pauline vào năm 1861, Leonie năm 1863, Celine sinh năm 1869, và Têrêsa sinh năm 1873. Bốn thiên thần nhỏ khác đã sớm về trời là: Helene vào năm 1870, được năm tuổi, Joseph vào năm 1866, Jean-Baptiste-Joseph vào năm 1867, và người con gái đầu cũng tên Têrêsa vào năm 1870.

## CHƯƠNG 2

### HÔN NHÂN VÌ TÌNH YÊU

Ông Louis và bà Zélie là cặp vợ chồng như thế nào? Chúng ta hãy cùng nhìn qua nền tảng vợ chồng của họ được xây lên trong Chúa vào ngày 13-7-1858.

Họ làm phép hôn phối vào một giờ rất lạ, lúc nửa đêm, theo truyền thống địa phương. Louis tặng vợ mình một bảng đồng với hình ảnh của ông Tobit và bà Sarah, cặp vợ chồng trong kinh thánh. Ông Tobit đã cầu nguyện trong đêm tân hôn: ‘Giờ đây, không phải vì lòng dục, mà con lấy em con đây, nhưng vì lòng chân thành. Xin Chúa đoái thương con và em con, cho chúng con được chung sống bên nhau đến tuổi già.’ (Tb 8, 7)

Mười lăm năm sau ngày này, bà Zélie kể cho con gái Pauline về những ngày đầu của ông bà sau khi cưới, thật không giống với tuần trăng mật điển hình của các bạn trẻ. Sau khi đến tu viện, để giới thiệu chồng của mình với chị gái (bây giờ đã là sơ Marie-Dosithee), bà Zélie khóc suốt cả ngày. Thấy chị mình trong chiếc áo dòng, làm cho nỗi đau chia lìa và cả nỗi tiếc nuối vì không được theo đời sống thánh hiến trở dậy đau đớn trong bà, đặc biệt là từ bây giờ bà đã dần thân ‘sống trong thế gian’ sau khi đã cử hành bí tích hôn phối. Nhưng còn có một cú sốc vi tế hơn nữa: một đêm trước đó, Louis đã giải thích cho bà biết ‘những chuyện cuộc đời’ kiểu nói trang nhã của hai người về những chuyện tình dục, điều

mà Zélie hoàn toàn chưa biết gì. Đây là một sự ngỡ ngác khiến chúng ta thấy sững sờ ở thời đại này, nhưng khá phổ biến vào thời đó.

Người ta có thể dễ dàng hình dung bà Zélie đã khó khăn chừng nào để tiế thu những tiết lộ bất ngờ này, và đây có thể cũng là lý do bà khóc nhiều vào ngày hôm sau. Chính vì chuyện này, mà ông Louis, với một nhạy cảm không dễ có, đã đề nghị hai người hãy sống như anh trai em gái. Lý do để ông làm việc này, không chỉ là sự tôn trọng ông dành cho vợ, nhưng còn là bởi khao khát của ông muốn làm thánh. Ông đã nghiên cứu về vấn đề trinh tiết trong hôn, và những quyền sở của ông có nhiều đoạn viết về hiệu lực của các cuộc hôn nhân không giao hợp, với Đức Mẹ và thánh Giuse là gương mẫu lý tưởng. Trong một thời đại mà sự trọn hảo của trinh tiết được Giáo hội đề cao, và với những người trẻ đang mơ ước thánh hiến bản thân cho Chúa, thì hôn nhân không giao hợp có vẻ là một giải pháp: kết hôn nhưng sống hôn nhân như tu sỹ.

Ngày nay chúng ta có thể mỉm cười vì chuyện này, nhưng cần phải hiểu được tâm lòng quảng đại và tôn trọng người phối ngẫu, vốn là căn bản cho chuyện này. Bà Zélie, dùng những lời uyển ngữ, để kể cho Pauline về những ngày đầu hôn nhân: ‘Cha con hiểu mẹ, và làm mẹ vui lòng hết sức có thể, bởi cha con có cùng chiều hướng như mẹ. Mẹ tin rằng tình cảm giữa cha mẹ ngày càng sâu đậm hơn nữa nhờ điều này, và cha mẹ luôn luôn cùng chung cảm giác.’ Louis và Zélie có cùng cảm nghiệm về đức khiết tịnh giống như những người trẻ ngày nay biết giữ trong sạch trước khi kết hôn, và họ đã chứng tỏ được điều này bằng hành động chọn lựa hình thức hôn nhân này. Trong thời gian đó, Zélie viết thư cho chị, nói rằng bà quá đổi hạnh phúc. Họ sống như anh trai em gái trong mười tháng, trong thời gian đó, vẫn mở ra với sự sống bằng cách nhận nuôi một bé trai vừa mất mẹ còn người cha thì quá sức không chăm lo nổi nên đã nhờ đến ông bà. Đây là một thời kỳ trưởng thành cho cả hai người trong đời sống vợ chồng, và họ hiểu rõ hơn về ơn gọi của mình.

Dần dần, Louis và Zélie khám phá ra rằng cuộc hôn nhân của mình, không phải là một sự mà Chúa thể cho dự định thánh hiến không thành của họ, nhưng là một lời kêu gọi đích thực, cần phải được sống cho trọn. Khi cha giải tội mời hai người xác định thời điểm chấm dứt thời gian kiêng khem này, ông bà Louis và Zélie sẵn sàng. Con cái đến trong cuộc đời càng cho họ thêm chắc chắn về ơn gọi của mình. ‘Khi chúng tôi có con cái, thì tư tưởng thay đổi đôi chút, chúng tôi sống chỉ vì con cái, chúng là toàn bộ niềm vui, và chúng tôi không thấy niềm vui nào khác ngoài con cái. Chúng tôi thấy không có điều gì là quá hao sức khi làm cho con cái mình, thế giới không còn là một gánh nặng nữa. Bà Zélie, tự nhận mình ‘được tạo thành để có con cái,’ nhưng vẫn vô cùng tôn trọng đời sống tu trì, dù không còn theo kiểu tiếc nuôi nữa, và chồng bà cũng vậy. Bà từng nói với em trai mình, ‘Ôi! Chị không hối tiếc vì đã lập gia đình.’

Thiên Chúa định hướng khát khao nên thánh của hai người về một tình trạng sống nầy nở nhất, là hôn nhân, đặc biệt là làm cha làm mẹ. Louis và Zélie nhận ra tiếng Chúa gọi phải có nhiều con cái, và nói thân thương là ‘đưa chúng lên thiên đàng.’ Ngược lại với các quan niệm ban đầu, không phải bắt chấp hôn nhân nhưng là qua hôn nhân, mà hai người nên thánh.

Louis và Zélie trở nên cặp vợ chồng dựa trên tình thân thiết bền chặt đầy triu mến và cộng tác, ngày càng sâu đậm qua năm tháng. Sau năm năm kết hôn, bà Zélie viết: ‘Tôi vẫn vô cùng hạnh phúc với ông ấy, ông làm cho cuộc đời tôi quá đổi dễ chịu. Chồng tôi là một người thánh thiện, và tôi ước sao mọi phụ nữ có thể được người chồng như thế.’ Bất kỳ lúc nào Zélie nói với ai đó về chồng mình, bà không thể không thêm vào một chữ, ‘Louis tốt lành của tôi.’ Một từ nhỏ bé thôi, nhưng cho thấy nhiều điều về mối quan hệ vợ chồng hai người. Hơn cả tình thân ái, mọi người có thể thấy ông bà có một chỗ vô cùng

lớn trong lòng nhau, qua những cảm giác mát mát của họ lúc thỉnh thoảng phải xa nhau. Các lá thư hai người viết cho nhau đã cho thấy sự rung động của một tình yêu đầy triu mến. Có lần đi cùng với con cái để thăm em trai và chị gái mình, bà Zélie viết thư gửi chồng:

Các con vui vẻ lắm, và nếu thời tiết đẹp chúng sẽ quá sức hạnh phúc đi thôi. Nhưng còn phần em, thì thấy hơi khó mà thoải mái được! Không có điều gì làm em thích thú! Em như một con cá rời khỏi nước, không còn môi trường của mình nữa, và đang héo tàn! Nếu chuyển đi kéo dài thêm nữa, thì chắc em sẽ như cá mắc cạn. Em không thoải mái và không ổn chút nào, nó ảnh hưởng đến cơ thể và em gần như bệnh mất thôi. Trong lúc này, em cố lý lẽ với chính em và vượt qua cơn bệnh. Lòng em dõi theo anh suốt ngày, em tự bảo mình, ‘Lúc này, anh ấy đang làm việc này hay việc kia.’

Em mong mỗi được ở gần anh, anh Louis yêu dấu. Em yêu anh với hết tấm lòng, và tình cảm em dành cho ngày càng mạnh, bởi em đang thiếu thốn sự hiện diện của anh đến mức túng quẫn, em không thể nào sống xa anh ... Em ôm anh, em yêu anh.’

Lá thư này có giống như tình cảm một phụ nữ vừa mới cưới còn đang ngập tràn tình yêu hay không? Nhưng mà, đây là lá thư được viết khi họ đã trải qua mười lăm năm chung sống. Louis đã trở nên ‘yếu tính’ của Zélie. Và khi ông phải lên đường vì công việc, ông cũng viết cho vợ những lời đáng suy ngẫm:

‘Bạn đời yêu dấu của anh, anh không thể về lại Alencon trước ngày thứ hai. Thời gian như quá dài, và anh háo hức mong được gần em. Anh không cần phải cho em biết là thư của em đã cho anh vô cùng vui sướng, ngoại trừ một việc là anh thấy em đang tự làm mình mệt mỏi quá nhiều. Nên anh khuyên em hãy bình tâm và điều độ, nhất là trong công việc. Anh có vài đơn hàng từ công ty Lyons. Một lần nữa, em đừng quá lo. Với ơn Chúa, cuối cùng chúng ta sẽ có một việc kinh doanh nhỏ thật tốt đẹp. Anh rất vui khi được rước Mình Thánh Chúa ở Nhà thờ Đức Bà Vinh Quang, một nơi thật như thiên đường hạ giới vậy. Anh cũng thấp nhen cầu nguyện cho cả nhà mình. Anh ôm em với hết trái tim anh trong khi anh chờ đợi niềm vui được đoàn tụ với em. Anh hi vọng Marie và Pauline khỏe!

Chồng và người bạn đích thực của em, người yêu em trọn đời.’

Những bức thư hiếm có này cho thấy một sự gắn kết qua nhiều năm tháng và những khó khăn nhỏ mà chúng ta đã đọc thấy. Bà Zélie từng viết, ‘Khi anh nhận thư này, em sẽ đang bận rộn sắp xếp ghé làm việc của em, nên khi về đừng cáo nhê. Em sẽ không làm lạc mất thứ gì đâu, một góc một mảy may cũng không. Và mọi thứ sẽ sạch sẽ tương tất! Anh sẽ không thể nói là, ‘Em chỉ chùi bụi quanh quần thôi’ bởi có bụi đâu mà ... Em ôm anh với hết trái tim em, hôm nay em quá hạnh phúc khi nghĩ đến việc sẽ được gặp lại anh đến mức em không làm việc gì được nữa. Vợ anh, người yêu anh hơn cả cuộc đời mình.’ Và những từ cuối thư mà bà Zélie viết cho ông Louis là, ‘Em hoàn toàn là của anh.’

Những lá thư của bà, và lời chứng của các con gái bà, cho chúng ta thấy hình mẫu một người vợ: vui vẻ, hoạt bát, cởi mở với tất cả mọi người, tin tưởng chồng mình, và đầy khiêu hài hước, với một ơn đặc biệt là tự biếm. Mà thật trái ngược khi bà lại xem mình là khổ não, suy nhược, và rất không thánh thiện. Cả đời bà mang nặng khổ não, và nhiều lần bà khẳng định đây thực sự là nỗi giày vò thực sự. Khi thử thách quá nặng nề, bà đành chịu thua những điều mà bà gọi là ‘suy nghĩ tâm tối,’ nhưng rồi, đức tin của bà và sự hiện diện nâng đỡ của ông Louis đã giúp cho bà vượt qua đau khổ này.

Zélie là một phụ nữ mạnh mẽ và thánh thiện, không phải bởi bà không có nỗi sợ và yếu đuối, nhưng là bởi bất chấp những điều đó, bà vẫn quảng đại trao đi bản thân cho tha nhân và Thiên Chúa, với một sự tin tưởng luôn luôn hết lòng. Sự nhạy cảm cao độ cho bà có nhận định tinh tế về người khác. Hơn nữa,



bà là một người phụ nữ hành động. Bà làm việc cho gia đình, và cả trong kinh doanh, đều không chút lười nhả và nuông chiều bản thân. Ý thức nhu cầu cần không ngừng trao đi bản thân, bà đáp lại với một sự quảng đại vô cùng đến mức bà đã qua đời với kim đan trong tay, có thể nói là bà không bao giờ nghỉ ngơi chút nào.

Trong quá trình phong chân phước cho thánh Têrêsa, chị Celine của thánh nữ đã kể về mẹ của mình là một người được ơn thông minh hàng đầu và sinh lực ngoại hạng. Bà Zélie thì tự tả về mình, dù bà không ý thức là đang làm thế, lúc bà muốn chỉ bảo cho em trai mình cách tìm được một người vợ tốt: ‘Điều chính yếu là tìm một người phụ nữ tốt, lo được nội trợ, không sợ bản tay mình vì làm việc, không dành thời gian traу chuốt vẻ ngoài ngoài trừ những gì cần thiết, và biết cách nuôi dạy con cái lớn lên biết làm việc và thánh thiện.’ Tất nhiên, tất cả những lời khuyên này không mấy lãng mạn. Ông Louis và bà Zélie không thiếu lãng mạn, nhưng vào một thời mà kết hôn vì tình yêu là chuyện hiếm, thì lời khuyên của Zélie cho thấy thương thức của một phụ nữ vùng Normandy. Zélie là người vợ tốt của Louis, và ông dành nhiều lời khen cho vợ mình.

Điềm tĩnh và chính chắn, ông nhận trách nhiệm chăm lo cho gia đình và nâng đỡ vợ với một sự ân cần vô cùng. Người ta thường nói ông là người hòa nhã, nhiều lúc có ý là ông hơi yếu mềm, nhưng ông hoàn toàn không yếu mềm, và cũng làm việc rất chăm chỉ như vợ mình vậy. Sự hòa nhã vô cùng của ông đến tận cuối đời, một điều khiến mọi người quanh ông đầy kinh ngạc, là một điều có được nhờ trung thành thực hành bác ái hơn là do bất kỳ tính cách bẩm sinh nào của ông. Thánh Têrêsa cũng nói thế, theo gương thánh Phanxicô đệ San, ông đã tìm cách làm chủ sự hiếu động tự nhiên của mình đến mức dường như trong ông là một bản tính ngọt ngào nhất trên đời.

Không thua gì Zélie, Louis cũng rất quan tâm đến người khác. Trên tất cả, ông là một người ngay thẳng, không nhượng bộ sự bất công lẫn thói giả hình. Khí chất kiên định của ông thể hiện rõ khi đối mặt với những vấn đề phải đấu tranh vì những chính nghĩa thiêng liêng hay để chống lại những bất công. Dù không thích viết lách, nhưng chỉ để giúp cho một người túng quẫn được nhận vào nhà dưỡng lão, mà ông đã không ngại gửi nhiều lá thư khiến các viên chức không thể làm ngơ được. Sự tốt lành của Zélie làm mềm đi những khía cạnh gay gắt của ông, chính tấm gương của bà khiến ông biết thương xót hơn cho một công nhân không được việc, cũng như ngăn ông không chìm quá sâu vào sự cô tịch. Hai ông bà chia sẻ cùng hoàn cảnh, có các quan niệm xã hội tương tự nhau, đều có tâm hồn quảng đại, đầy sinh lực cho những việc tốt, lại cùng làm việc trong những ngành đều cần có sự kiên nhẫn và tinh xảo, nhưng trên hết, cả hai người đều một lòng khát khao Thiên Chúa.

Theo lời chứng đồng lòng của bốn người con gái, và qua các thư tín trong gia đình, thì sự thông hiệp giữa hai vợ chồng rất sâu sắc, rất thật. Họ thẳng thắn nói chuyện với nhau, và thường biết được người kia đang nghĩ gì. ‘Cô ấy không cần phải nói, tôi biết rõ cô ấy đang nghĩ gì.’ Louis đã không ngần ngại kể với vợ về những cảm dỗ mình gặp phải ở Paris, để chuyện đời của ông có thể giúp gì đó cho cậu Isidore em trai cô, khi cậu đến Paris để học. Như các cặp vợ chồng, họ cũng nói ngàn lẻ một chuyện trên đời về cuộc sống hằng ngày và các cuộc phiêu lưu của con cái mình. Chủ đề trò chuyện yêu thích của hai ông bà là về đức tin, và họ thích cùng nhau đọc và thảo luận hạnh các thánh, chia sẻ những ấn tượng của mình và giúp cho nhau hiểu.

Họ cũng biết cách tôn trọng thời gian thảnh lạng của nhau, và cho nhau không gian để điều tiết các khác biệt giữa hai người. Louis thường xuyên đến nhà ngũ giác ở Pavilion hay lên đường hành hương. Zélie thì dành thời gian để viết thư cho chị và em trai mình, hoặc dự các buổi gặp gỡ cầu nguyện.

Về các lo toan thường nhật, dù lớn hay nhỏ, họ đều cùng nhau giải quyết. Với Zélie, người vốn đã có khuynh hướng lo lắng từ thuở nhỏ, ông Louis bảo đảm rằng: ‘Một lần nữa, đừng có hành hạ em quá nhé.’ Và đến cuối đời, bà viết về chồng mình như sau, ‘Ông luôn luôn là người an ủi và nâng đỡ tôi.’ Bản thân Zélie cũng là nguồn nâng đỡ cho chồng mình, ví dụ như khi ông Louis lo lắng cho sức khỏe của bà: ‘Tôi thấy chồng tôi thường hành hạ bản thân về vấn đề này thay cho tôi, nhưng tôi rất bình tĩnh. Tôi bảo anh, ‘Đừng sợ, Chúa ở cùng chúng ta mà.’ Khi trong nhà có điều gì lo âu, thì chính bà, trái tim của gia đình, phấn chấn tinh thần cho tất cả mọi người. Louis và Zélie là cột trụ chống đỡ cho nhau, hòa hợp đến tuyệt vời.

Tất nhiên, hai người có những va chạm gây nên những phiền muộn nhỏ không biết trước được. Ví dụ như, ông Louis, dù là một người chu du đều đặn, nhưng có một lần khi đi cùng với con gái từ Lisieux về Alecon, ông quên mất không xuống tàu đúng ga, để cho vợ ông chờ mãi với mâm cơm mà bà đã cất công chuẩn bị cả buổi sáng. Một khi sự khó chịu ban đầu đã qua, bà nhanh chóng cười đùa nói về chuyện này lúc viết thư cho cậu Isidore. Dù cũng có lúc họ cãi vã, nhưng nó không phá hoại mối quan hệ giữa hai người, có thể thấy qua giai thoại sau đây. Pauline, lúc đó bảy tuổi, đến với mẹ sau khi nghe tiếng to, và hỏi xem có phải đây là cái mà mọi người cho là ‘hòa thuận rất tẻ với nhau’ không. Zélie bật cười và kể cho chồng nghe, ông cũng cười. Từ lúc đó, câu hỏi của Pauline thành câu nói đùa trong nhà.

Cũng như các cặp vợ chồng khác, chủ đề bất đồng chính là về chuyện con cái. Dù cho Louis và Zélie hoàn toàn hợp ý tổng thể về việc giáo dục con cái, nhưng lại có ý kiến khác biệt về các quyết định nhỏ. Khi Zélie đưa Celine đi Lisieux cùng với mình, lúc bé còn quá nhỏ, Louis nghĩ việc này thật điên rồ. Còn ông từng gửi Marie đi học xa khi cô bé đang bệnh, đi ngược lại ý của Zélie (việc này đã gây bệnh sỏi lây khắp cả trường.) Những ghi chép của bà Zélie, không ghi lại bất kỳ phần uất nào về tất cả những chuyện này, mà ngược lại, cho thấy một sự cân bằng lành mạnh.

Ông Louis là người quyết định hầu hết mọi chuyện, theo kiểu mẫu đàn ông thời đó, hoặc cũng có thể nói là người đàn ông theo kinh thánh. ‘Người làm vợ hãy tùng phục chồng như tùng phục Chúa, Vì chồng là đầu của vợ cũng như Đức Kitô là đầu của Hội Thánh. Và như Hội Thánh tùng phục Đức Kitô thế nào, thì vợ cũng phải tùng phục chồng trong mọi sự như vậy. Vậy mỗi người trong anh em hãy yêu vợ như chính mình, còn vợ thì hãy kính sợ chồng.’ (Ep 5, 22-24. 33) Gia đình Martin thể hiện hình mẫu vợ chồng trong Tin mừng này.

Louis không thi hành thẩm quyền của mình theo kiểu đơn phương. Ông cởi mở với việc trao đổi bàn bạc, và ngay cả khi không thuận quan điểm của vợ mình, ông vẫn để bà làm theo cách của bà. Như câu châm ngôn có nói, ‘Ý của phụ nữ là ý của Chúa.’ Điều này thật đúng với gia đình Martin, như trong câu chuyện thú vị này được bà Zélie kể lại cho Pauline.

‘Khi Marie chuẩn bị đi tĩnh tâm ở Tu viện Đức Mẹ Đi viếng, con biết là cha con không thích xa bất kỳ ai trong các con, và ông lúc đầu đã nói rõ rằng Marie không được đi. Mẹ thấy cha con rất cứng rắn về chuyện này, nên cố gắng để xin cho chị. Mẹ cương quyết bàn lại về chuyện này. Đêm trước, Marie than với mẹ về chuyện này. Mẹ bảo chị, ‘Để mẹ lo, mẹ luôn có được những gì mẹ muốn nhưng không cần phải tranh chấp. Vẫn còn một tháng nữa mà, đủ thời gian để thuyết phục cha con đến mười lần nữa.’

Mẹ đã không làm, bởi chưa đầy một giờ sau khi về đến nhà, cha con bắt đầu ân cần nói chuyện với chị con. Mẹ tự nhủ, ‘Tốt, đúng lúc rồi đây ...’ Nên mẹ đặt lại vấn đề đó. Cha con hỏi chị Marie, ‘Con có thực sự muốn đi tĩnh tâm lần này không?’ Khi chị con bảo có, cha con bảo, ‘Được thôi, vậy, con có thể đi.’ Và con biết cha con là người không thích hai chuyện, một là vắng bóng các con và hai là các khoản chi

không theo dự định, nên hôm sau cha bảo với mẹ, ‘Nếu anh không muốn con đi, tất nhiên con sẽ không đi. Nhưng đừng như đi Le Mans và Lisieux là những chuyến đi bất tận, chẳng bao giờ chán.’ Mẹ đồng ý với cha con, nhưng mẹ có động cơ kín đáo để đồng ý, bởi từ lâu mẹ đã biết mọi chuyện sẽ thế nào. Khi mẹ nói với ai đó, ‘Chồng tôi không muốn thế,’ là bởi mẹ không muốn hơn là cha con không muốn. Nhưng khi mẹ có đủ lý do chính đáng, thì mẹ biết cách giúp cha con quyết định, và mẹ thấy là mẹ có lý do chính đáng khi muốn cho chị Marie đi tỉnh tâm.

Đúng thật là có tiền, nhưng tiền bạc không là gì so với sự thánh hóa và thành toàn của một linh hồn. Năm ngoái, sau đợt tỉnh tâm, Marie đã trở về được biến đổi hoàn toàn với các hoa trái lâu dài, nhưng bây giờ chị con cần được làm mới lần nữa. Ngoài ra, đây cũng là những gì mà cha con tin tưởng trong lòng, đó là lý do vì sao cha nhẹ nhàng thuận theo.

Isidore mua lại tiệm thuốc của ông gia ở Lisieux, và ngày càng dần thân vào đời sống giáo hội địa phương, cũng như giúp đỡ cho tờ báo Công giáo ở Lisieux.

Khi Isidore đã an cư ở Lisieux, tình cảm giữa cậu và chị Zélie càng vững chắc và ngang bằng hơn. Bà Zélie viết cho cậu, ‘Chị biết em từ lâu, và chị biết em yêu mến chị và có tấm lòng rộng lượng. Nếu chị cần em, chị chắc là em sẽ không để chị thất vọng. Tình thân giữa chúng ta chân thành, không phải ở những lời đẹp đẽ, nhưng là điều chân thực, vững vàng và được xây trên đá. Thời gian, hay bất kỳ ai, ngay cả cái chết, cũng không phá hủy được.’ Mọi lá thư bà Zélie gửi cho cậu Isidore đều có chung cảm xúc như vậy.

Zélie chia sẻ mọi tình cảm của em trai mình. Khi cậu Isidore mất một đứa con, bà đã khóc như vừa mất con của mình vậy. Bà thường mong ở lại vài ngày tại nhà cậu Isidore ở Lisieux, với bà, cũng như với các con bà, ở đó luôn là một kỳ nghỉ vui thú. Cậu Isidore cũng là cố vấn y tế cho gia đình, dù không phải lúc nào cậu cũng vui vì việc này. Bất kỳ triệu chứng sức khỏe nhỏ nào, cả nhà cũng nhờ cậu chuẩn đoán, và nghe theo với sự tin cẩn.

Về phần mình, gia đình Martin cũng làm tất cả có thể để giúp gia đình Guerin, với những lời khuyên, cho mượn tiền, và giới thiệu bệnh nhân. Khoảng cách giữa các gia đình không dễ gì vượt qua được, đặc biệt là khi mỗi gia đình đều làm việc cật lực và có con cái, nhưng mỗi dây ràng buộc giữa họ được gìn giữ qua các lá thư đều đặn và luôn nồng ấm. Các lá thư của cậu Isidore từ Lisieux, được đọc, đọc đi đọc lại, và chuyền tay trong nhà. Nhiều lúc Zélie không ngần ngại thức dậy lúc bốn rưỡi sáng để trả lời thư. Mỗi dây tình cảm quá mạnh mẽ, đến mức năm 1875, Zélie viết thư cho cậu Isidore và gia đình: ‘Nếu chị không có gia đình và con cái, chị sẽ chỉ sống cho con của em, và sẽ cho chúng hết số tiền chị kiếm được. Nhưng bởi chị không thể làm như thế, nên Chúa sẽ ban cho em.’

Cuộc sống của Louis và Zélie, gắn chặt với giáo xứ và các nhóm Công giáo, những người họ thường lui tới thăm viếng, dù ít thôi, nhưng rất thân. Nhà Romet, Maudelonde, Boul, và Leriche, cũng như bà Leconte, thường xuyên đến thăm nhà họ ở Rue du Pont-Neuf, và sau năm 1871, là số 34 Rue Saint-Blaise. Ngôi nhà thứ hai này, một ngôi nhà nhỏ trung lưu đẹp đẽ, đối mặt tòa thị chính, và vẫn còn đến ngày nay, là mái nhà đầu tiên của Têrêsa, cũng là mái nhà cuối cùng của bà Zélie. Zélie nói về ngôi nhà này: ‘Thật tuyệt khi chúng tôi được ở đây. Chồng tôi đã xếp đặt mọi thứ thật hợp ý tôi.’

Cả nhà ít có những cuộc đi chơi thuần túy chuyện đời. Không lâu sau khi kết hôn, đôi vợ chồng trẻ thích các cuộc gặp gỡ chuyện trò thân mật hơn là các buổi tiệc lớn. Zélie mô tả sự lố bịch của xã hội thượng lưu khi viết về một dạ tiệc sắp được tổ chức: ‘Tôi biết nhiều phụ nữ trẻ, với cái đầu quái lạ. Có nhiều

người - em có tin nổi không! - mời thợ may từ Le Mans đến để thêu váy, bởi sợ các thợ ở Alecon sẽ làm lộ mẫu váy của họ trước dạ hội. Chẳng quá lỗi bịch hay sao?’

Các lá thư của bà đôi khi theo cung cách như Madame de Sevigne: thích các chuyện vặt vãnh về những cảnh ở Alecon đập vào mắt bà, và kể cho gia đình ở Lisieux nghe làm vui. Nhưng bà luôn luôn có thể nhận ra lỗi lầm của mình. ‘Chị đã hèn nhát khi giễu bà Y. Chị vô cùng hối hận vì chuyện này. Chị không biết tại sao chị không cảm thông cho bà, bởi bà rất tốt và giúp chị nhiều.

Chị ghét cay ghét đắng sự vô ơn, và chị chỉ có thể ghét mình lúc này, bởi chị đã phản bội chính mình. Chị nghiêm chỉnh muốn thay đổi, và đã bắt đầu làm rồi, lúc nào có dịp là chị nói những điều tốt đẹp về bà Y. Như thế thật dễ làm hơn nhiều, bởi bà là một người hoàn hảo, xứng đáng hơn tất cả những người dám giễu bà, và trong số đó có chị trước hết!’

Louis và Zélie không chăm chăm phần mình nhưng để tâm đến những gì xảy ra chung quanh họ. Họ đọc báo La Croix đều đặn, biết tin tức về các biến động chính trị của địa phương và quốc gia, bởi chủ trương bài giáo sỹ thời đó đặt người Công giáo vào tình trạng nguy hiểm. Zélie rất sốc khi biết vụ ám sát tổng giám mục Paris và sáu mươi tư linh mục trong thời Công xã. Nghe thầy bói nói về các điềm gở, suốt vài tháng, bà lo sợ sẽ lại có một cuộc cách mạng nổi loạn. Nhưng cảm giác tốt của bà đã thắng được. ‘Vấn đề không như dự đoán. Chị không nghĩ sẽ có cuộc nổi loạn nào trong năm nay, và chị kiên quyết là sẽ không nghe bất kỳ lời chiêm tinh bói toán nào nữa. Chị bắt đầu trở nên một người rất hoài nghi.’ Sau chuyện này, như mọi người phụ nữ thời đó, bà để mặc chuyện chính trị cho chồng. ‘Các sự kiện bên ngoài không còn làm chị quan tâm cho bằng Têrêsa bé nhỏ.’ Bà viết lời này vào năm 1874, khi Têrêsa được một tuổi.

Ông Louis thảo luận chuyện chính trị với bạn bè và em vợ, về sau còn cố gắng truyền đạt quan điểm chính trị của ông cho Têrêsa nữa. Thánh Têrêsa kết luận -dù có thể nghi ngờ tính khách quan- rằng nếu cha của thánh nữ là vua nước Pháp, mọi chuyện sẽ tốt đẹp nhất toàn thế giới. Nhưng ông Louis không dẫn thân vào chính trị. Nỗ lực chiến đấu của ông đặt vào việc khác. Ông thiên về các hỗ trợ cụ thể cho người nghèo quanh mình, hơn là những lời đao to búa lớn của cấp lãnh đạo, và ông thích cầu nguyện hơn là biểu tình. Đây là lý do vì sao sau chiến tranh 1870, ông đi cùng với 20.000 người hành hương đến Chartres để cầu nguyện cho quốc gia. Ông đã ngủ trên nền nhà nguyện, nơi cử hành các thánh lễ suốt cả đêm. Ông lại đến Chartres lần nữa vào năm 1873, và viết cho Pauline, ‘Con bé bỏng của cha, nhớ cầu nguyện nhiều cho cuộc hành hương đến Chartres của cha, sẽ có rất nhiều người hành hương ở nước Pháp xinh đẹp này tìm đến dưới chân Đức Trinh nữ Rất thánh để xin những ơn mà đất nước chúng ta đang rất cần để biết trân trọng quá khứ của mình.’ Chắc chắn, là ông cũng đồng điệu với câu nói của thánh Gioan Phaolô II, ‘Nước Pháp, trường nữ của Giáo hội, con đã làm gì với phép rửa của con?’

Louis và Zélie là những người Công giáo theo thời của mình, với đức tin và lòng ái quốc hòa quện, e ngại phái cánh tả bài giáo sỹ, và có niềm xác quyết vững vàng rằng Chúa gìn giữ đất nước mình. Chủ nghĩa bài giáo sỹ là một chuyện có thực, dù ngày nay chúng ta chỉ biết sơ về nó.

Khi trở về sau chuyến hành hương Lộ Đức năm 1873, ông Louis bị một kẻ chế giễu tại ga tàu hỏa ở Lisieux, bởi vì ông đang mang một thánh giá nhỏ màu đỏ, và ông suýt bị đưa lên đồn cảnh sát, bởi vì thị trưởng đã từng ra lệnh cấm những người hành hương không được trở về nhà với trang phục thể hiện lòng đạo. Sự bất hòa giữa người Công giáo và các nhóm bài giáo sỹ ngày càng tăng, nhưng trước thực tế này, nhà Martin luôn luôn khẳng định đức tin của mình theo đường lối không bạo lực.

## **CHƯƠNG 3**

### **CHÚA TRÊN HẾT**

Bạn đọc ắt sẽ ngạc nhiên khi tôi tập trung vào đức tin của gia đình Martin trước khi xem qua cuộc sống gia đình và công việc. Tuy nhiên, khi làm như thế, chúng tôi đang theo “tinh thần” của nhà Martin, vốn có thể gói gọn trong ba chữ: “Chúa trên hết.” Thật không thể nào hiểu được các khía cạnh sống khác của nhà Martin mà không quy chiếu về nguồn hướng dẫn họ trong mọi sự.

Mục đích của Louis và Zélie Martin, giấc mơ tuổi trẻ, và những gì hai người theo đuổi suốt cả đời, chính là sự thánh thiện. “Tôi muốn làm thánh,” Zélie đã xác quyết như thế, còn Louis thì tâm tình với các cô con gái, “Phải, cha có một mục đích, đó là yêu Chúa hết lòng.” Với những người thời đó, thánh thiện nghĩa là gì? Cách tốt nhất để nên thánh là theo đời sống thánh hiến, hoặc làm các phép lạ, hoặc chết tử đạo, hoặc cả ba điều trên. Nhờ người con gái của nhà Martin và Công đồng Vatican II, mà chúng ta được nhắc nhở rằng: mọi người đều có thể và đều cần phải nên thánh. Nhưng ngay cả thời nay, mọi người vẫn chưa hoàn toàn rõ ràng về ý thức này.

Ông bà Louis và Zélie là minh chứng cho thấy có thể nên thánh qua đời sống vợ chồng. Nếu trong cơn sốt mên tuổi trẻ, hai người lúc đầu hướng đến lý tưởng đời sống thánh hiến, nhưng dần dần họ học biết được nhờ ơn Chúa rằng: sự thánh thiện không chỉ hệ tại ở tình trạng sống, nhưng là ở nơi lời đáp tín thác và yêu thương với tiếng gọi của Chúa trong đời sống hằng ngày. Trong đời sống thường nhật, nơi niềm vui và thập giá đan xen lẫn nhau, ông bà Martin trao trọn bản thân cho Chúa và tha nhân, bỏ mình để vâng theo ý Chúa trong mọi sự. Họ được nên thánh theo một cách khác với hình mẫu hạnh các thánh thời đó. Sự thánh thiện của họ gắn liền với thực tế và thường nhật, điều mà Giáo hội ngày nay đang đề cao.

Lòng khát khao nên thánh của vợ chồng nhà Martin, không phải kiểu ý muốn thất thường. Để nên thánh, hai người không bỏ lỡ khí cụ nào trong tầm tay, đặc biệt là các khí cụ nên thánh khả dụng cho mọi người Công giáo, là các bí tích, cầu nguyện, và đời sống giáo xứ.

Trước hết, Phép Thánh Thể là trung tâm đời sống của họ và cũng là hoạt động đầu tiên trong mỗi ngày sống. Thời đó, rước Mình Thánh Chúa trong thánh lễ không phải là điều hiển nhiên như bây giờ. Để rước Mình Thánh Chúa trong ân sủng, chắc chắn cần có xưng tội đều đặn và trung thành theo các giới răn của Chúa, nhưng thời đó ý thức đón nhận Chúa Kitô cho xứng đáng được đẩy lên cực độ và khiến cho nhiều người bị mất đi ơn rước Chúa hằng ngày. Đói khát Mình Thánh Chúa vô cùng, Louis và Zélie rước lễ thường xuyên hết sức có thể: mỗi tuần ít nhất một lần hay nhiều hơn, và trong mọi ngày thứ sáu đầu tháng. Thánh lễ ban sáng lúc năm giờ rưỡi, Louis và Zélie là những người đến nhà thờ sớm nhất. Cứ đến giờ là họ tự động thức dậy, như có đồng hồ hẹn giờ vậy. Khi hàng xóm nghe tiếng đóng cửa đầu tiên trong dãy phố, họ biết ngay, “Vợ chồng Martin đi nhà thờ đó, vậy thì chúng ta vẫn còn thời gian để ngủ tiếp.” Tham dự thánh lễ không hẳn là bổn phận cho bằng là một thời gian đặc ân trong cuộc sống Kitô hữu của hai người.

Trên hết, được rước Mình Thánh Chúa cho họ niềm vui, và hai ông bà đã truyền sự say mê này cho con cái từ tuổi nhỏ. “Trong vài tuần qua, chúng ta đã đưa con bé [Têrêsa bé nhỏ] đi chơi ngày chúa nhật. Bé đã không được đến Matthe (nhà thờ) theo cách gọi của bé. Về đến nhà sau khi đi dạo, bé kêu thét và nói rằng muốn đến Matthe. Bé mở cửa và chạy mặc kệ trời mưa như thác, hướng thẳng về phía nhà thờ.

Chúng tôi chạy theo để đưa bé về nhà, và bé khóc suốt cả tiếng đồng hồ... Lúc trong nhà thờ, bé nói to rằng, “Con chỉ đến Matthe. Con cầu nguyện với Chúa.”

Tham dự thánh lễ không chỉ là một lệ thường, nhưng là một điều thiết yếu sống còn với vợ chồng Martin, một tỉnh dưỡng và lễ hội, dù cho họ cũng ý thức được là có những mệt nhọc và lo lắng. “Sáng nay, chị vừa gặt gà vừa thay đồ, chị gần như vừa ngủ vừa đi, chị cũng mơ ngủ trong thánh lễ, lúc quỳ, đứng, ngồi và cả lúc cầu nguyện.” Một lần khác, Zélie cho biết, “Có bài giảng, nhưng chị không chắc là đang giảng gì, bởi chị đang miệt mài với những suy nghĩ của chị.” Sự xao nhãng và mơ ngủ không phải hiếm với Zélie, nhưng ơn Chúa vẫn hoạt động trong thánh lễ, và bà cảm nhận được dù không có những tình cảm xuất thần. “Sáng nay, trong thánh lễ, chị đã có những suy nghĩ tâm tối về chuyện này [sợ mất đứa con mới sinh] và chị cực kỳ đau đớn,” tuy nhiên, khi tả về hoa trái của thánh lễ, bà thêm rằng, “Điều tốt nhất nên làm là đặt mọi sự vào tay Chúa và bình tâm chờ đợi mọi sự xảy đến theo ý Ngài.”

Sự thánh thiện của vợ chồng Martin gắn liền với Phép Thánh Thể, và được biểu lộ nơi tâm quan trọng mà họ ý thức, chứ không phải nơi những tình cảm sót mẩn nhìn thấy được. Chúng ta thấy Phép Thánh Thể quan trọng thế nào với hai người, trong sự chuẩn bị nồng nhiệt trước mỗi lúc chuẩn bị rước lễ, cho mình và cho cả các con. Họ không ngần ngại tách mình khỏi con gái Leonie, bằng cách gửi bé đến trường nội trú ở Tu viện Đức Mẹ Đi viêng, với một mục đích duy nhất là để cô bé chuẩn bị thật tốt cho Rước lễ lần đầu. Chuẩn bị để đón Chúa cần đến tất cả mọi khí cụ nhỏ trong cuộc sống thường nhật - theo Zélie, “Cần có sự chuẩn bị không ngừng trong suốt mọi ngày” - cũng như cần đến các phương thức hệ trọng hơn nữa. “Chị đưa bé [Leonie] đi hành hương Đền thánh Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên tội ở Seez, hôm thứ ba tuần trước, để bé có thể được ơn mà Rước lễ lần đầu cho thật tốt.” Zélie biết rằng đón nhận sự chuẩn bị này tự thân đã là một ơn, và bà tạ ơn Chúa thiết tha khi thấy Leonie chuẩn bị với hết lòng sốt sắng. Bà không gán sự chuẩn bị này với tác động ân sủng qua mỗi lần rước lễ, tuy nhiên: “Sáng nay, chị dự ba thánh lễ. Chị đi lễ lúc sáu giờ sáng, rồi dâng lời tạ ơn và cầu nguyện theo ý mình trong thánh lễ lúc bảy giờ, rồi trở lại dự Lễ chính ngày.”

Thánh lễ là ưu tiên hàng đầu, nên mọi hoạt động khác được sắp xếp tùy theo việc đi lễ. Cần có những chuẩn bị khác nữa, và chúng ta hẳn sẽ ngưỡng mộ cách chuẩn bị cẩn thận của bà Zélie trước khi rước lễ. “Pauline yêu dấu của mẹ, khi con về nhà sẽ khó hơn, con thích đi ngủ trễ và nướng thêm ban sáng. ... Mẹ sẽ tìm ra cách để cả hai con [Marie và Pauline] đi lễ theo các giờ khác nhau. Nếu lúc đó mẹ không còn làm đặng-ten Alecon, thì sẽ rất đơn giản, nhưng không được vậy, nên mẹ đang rất băn khoăn. Được rồi, chúng ta sẽ tìm ra cách mà.” Cả hai ông bà đều giữ lòng trung thành với Bí tích Thánh Thể đến mức độ anh hùng, ngay cả trong cơn hấp hối, hai người vẫn dành hết sức lực cuối cùng để rước Mình Thánh Chúa dù cho đau đớn. Ông bà Martin không đi lễ như kiểu “khách hàng” nhưng với một lòng tôn kính cực độ của những người hiểu và yêu mến bí tích cực trọng, mầu nhiệm Thiên Chúa hạ mình trao thân Ngài cho chúng ta.

Nhận thức Bí tích Thánh Thể là lời cầu nguyện mạnh nhất, hai người luôn luôn cậy dựa vào Mình Thánh Chúa cho cuộc sống lẫn giờ chết của mình. Bà Zélie, với một chút hài hước, đã bảo em trai là các bài thi của cậu qua được là nhờ bà đã đi lễ cầu nguyện cho. Thay vì hoa, gia đình Martin thường dâng thánh lễ cầu nguyện cho người đã khuất, và mọi ý định quan trọng họ đều phó thác lên bàn tiệc thánh. Với một nhóm bạn ở Alecon, ông Louis cũng dự buổi Châu Thánh Thể Đêm hàng tháng, và thật ý nghĩa với bản thân ông khi chính ông là người tổ chức Châu Thánh Thể Đêm ở Lisieux.

Nhà Martin tôn kính hết mực mọi bí tích. Họ mong muốn cho con cái mới sinh được rửa tội ngay tức thì. Từ đáy lòng, hai người tin rằng phép rửa tội đem lại ơn cứu độ cho linh hồn, khi đứa trẻ mới sinh

được đi qua cái chết và sự phục sinh của Chúa Kitô, và với hai người đây còn giá trị hơn cả cuộc đời của bé. Thiên Chúa luôn luôn trước hết và trên hết. Và họ vui mừng khi được phát hơn hai cân nến thơm cho mọi đứa trẻ cùng hiện diện trong niềm vui rửa tội này.

Ông Louis và bà Zélie xung tội đều đặn và xem Bí tích Hòa giải là khí cụ đặc ân của lòng thương xót Chúa, chứ không phải là gánh nặng.

Cả hai người đều gắn kết chặt chẽ với giáo xứ của mình. Môi trường Công giáo ở Alençon cùng với bối cảnh bài giáo sỹ mang tính chính trị gây ra sự lẫn lộn giữa lợi ích quốc gia và lợi ích thiêng liêng. Nhìn chung, sống đức tin Kitô thời đó hầu như mang tính bên ngoài, hơn là một thực tế nội tâm. Nhưng, vợ chồng nhà Martin, trong khi luôn xác quyết đức tin của mình, lại không bao giờ sa vào những cuộc tranh cãi, và chỉ đơn giản tham gia các hoạt động thông lệ trong giáo xứ. Họ dự các lễ nghi phụng vụ, rước kiệu, tĩnh tâm và các buổi hội truyền giáo mà không cần cân đo đong đếm người giảng. “Tám ngày qua, ở chỗ chị có hai nhà truyền giáo, giảng ba bài mỗi ngày. Theo chị thì không ai giỏi hơn ai. Nhà chị đi nghe giảng vì bổn phận, và ít nhất với chị, thì đây cũng là một việc đền tội thêm.” Zélie vẫn có một tinh thần phê phán, nhưng bà luôn nhìn về khía cạnh tốt nhất của mọi sự.

Ngày thứ bảy, cả nhà đi dự thánh lễ chính, kinh chiều, và có khi là các buổi kinh nhật tụng ban tối. Louis và Zélie cảm mến các nghi thức phụng vụ đẹp đẽ. Zélie có lần thất vọng với một buổi nghi lễ tháng năm, bà viết: “Nhà chị nghe những bài hát không chấp nhận nổi, như thể tiếng bò câu gù gù chẳng ai hiểu gì, giống như đang ở quán cà phê chơi nhạc vậy, làm chị thấy thật phiền. Thời trước, lời hát sốt sắng hơn nhiều, nên bây giờ có vẻ như chúng ta hơi bị cấp tiến.” - một suy nghĩ khá giống với nhiều người thời nay!

Ông bà Louis và Zélie gia nhập nhiều hiệp hội sốt sắng, và cũng đăng ký cho con cái mình nữa. Các hiệp hội và hội huynh đệ này, hàng tháng nhóm họp để cầu nguyện theo các ý xin nhất định. Bà Zélie nói rằng bà không phải lúc nào cũng trung thành hết các bổn phận này, nhưng không ngừng cố gắng để chu toàn. Bà cũng đến thăm tu viện của các xơ Dòng Clara Hèn mọn kể cận để xin lời khuyên và cầu nguyện. Là thành viên Dòng Ba Phanxicô, bà khá hợp với linh đạo của il Poverello (thánh Phanxicô thành Assisi) và sự tự tại vui tươi của thánh nhân đã giúp bà tránh được những khắc nghiệt trong đức tin mà bà nhận từ cha mẹ mình, bà cũng đi hội họp với các thành viên Dòng Ba. Bà Zélie phần khởi nói rằng cách nhìn đơn sơ của một thầy dòng Phanxicô đã biến đổi bà, nên bà không ngần ngại cứ mỗi hai tuần lại dậy từ lúc bình minh để đến dự buổi giảng thuyết của dòng Phanxicô, ngay cả lúc đang bị sốt hay áp lực công việc. Để chia sẻ tình thân mà vợ dành cho gia đình dòng Phanxicô, ông Louis có cách riêng của mình, là đem hết số cá ông câu được tặng cho các xơ Clara Hèn mọn.

Với gia đình Martin, cầu nguyện không chỉ có nghĩa trong phạm vi nhà thờ. Nghề nghiệp mang tính thính lặng và cô tịch của cả hai người rất thuận tiện cho sự tĩnh trí, và nhịp điệu một ngày sống được định hình qua nhiều lần cầu nguyện. Thánh lễ vào ban sáng, phép lành Minh Thánh Chúa, cầu nguyện trước mỗi bữa ăn, và mỗi tối cả gia đình cùng đọc kinh chung. Khi con cái đã đi ngủ, những công việc cuối cùng trong ngày cũng xong, ông bà Louis và Zélie dâng thời gian cuối cùng trong ngày cho Chúa trước khi ngủ.

Với những dịp đặc biệt, Zélie thường dâng tuần cửu nhật kính Trái tim Rất Thánh Chúa Giêsu, thánh Giuse, hay các thánh khác, tùy vào hoàn cảnh. Biết rằng sức mạnh của lời cầu nguyện chung làm đẹp lòng Chúa, bà thường bảo các thành viên khác trong gia đình cầu nguyện với bà.

Hai người tôn kính chuối mân cô, và có lần Zélie tâm sự với một người bạn, Philomene Tessier, rằng bà muốn làm một người phụ nữ nhỏ bé đơn sơ, lặn lội ở cuối nhà thờ và không muốn ai biết. Kẹt giữa công việc và con cái, Zélie thiếu thời gian để cầu nguyện, một điều khá buồn lòng con người khao khát Thiên Chúa hết lòng này. Về phần Louis, ông thích cầu nguyện trong các chuyến hành hương xin ơn cũng như tạ ơn Thiên Chúa. Cầu nguyện ngày càng lớn dần trong cuộc sống của ông, cũng như của vợ ông.

Sự khổ hạnh thể hiện rõ ràng trong đời sống cầu nguyện đặt mình trước Chúa của hai người. Theo linh mục Marie-Eugene của dòng Carmen, thì khi một linh hồn đặt mình dưới ánh sáng Chúa, linh hồn đó khám phá ra những cần thiết của sự thánh thiện tinh tuyền. Tinh thần khổ hạnh của vợ chồng Martin đến với họ qua đời sống phụng vụ và các sự kiện trong ngày sống. Hơn nữa, họ tuyệt đối giữ mọi lần ăn chay theo luật Giáo hội, ngoài ra còn thêm một cách ăn chay của riêng mình: là không ăn gì cho đến tận buổi trưa, và buổi tối chỉ ăn nhẹ, tất nhiên là trừ lúc Zélie mang thai. Nếu có người mời hai vợ chồng ăn tối không báo trước, thì chắc hẳn phải tự mình ăn hết bữa ăn thịnh soạn đó thôi. So với người khác, với ông bà, ăn chay cũng không phải là việc dễ dàng gì. Zélie thẳng thắn thừa nhận: “Anh chị làm việc đền tội trọn ngày. May thay, đợt này sẽ sớm qua, bởi chị chịu khổ nhiều khi ăn chay và kiêm khem! Không phải là hành xác quá, nhưng chi lo cho dạ dày của chị, và trên hết chị quá yếu nên nếu nghe theo tự nhiên hẳn chị đã không ăn chay rồi.”

Ngày nay, từ “khổ hạnh” dường như đã lỗi thời. Nhưng Giáo lý của Giáo hội Công giáo vẫn thể hiện những lợi ích của khổ hạnh. “Con đường hướng đến sự toàn hảo là qua con đường Thập giá. Không có sự thánh thiện nếu không có bỏ mình và chiến đấu trong linh hồn. Tiến bộ đường thiêng liêng đi kèm với sự khổ hạnh và hành xác dần dần hướng đến sự sống bình an và vui mừng của các Mối Phúc thật.” Với tinh thần này, ông Louis thực hành khổ hạnh khá thận trọng nhưng bền vững, ông tự cấm mình không hút thuốc, vắt chéo chân, uống rượu trong bữa ăn, và không lại gần lò sưởi nếu không cần thiết. Ông đi tàu bằng vé hạng ba, và ăn bánh mì chất lượng thấp mà người nghèo thường ăn. Đây là những hi sinh nhỏ, tự chúng không là gì, nhưng cho ông tách mình khỏi vật chất. Khi con gái Marie thắc mắc về những việc khắc khổ này, ông giải thích việc này là bởi ông rước lễ thường xuyên. Lập luận của ông Louis là: Thiên Chúa luôn luôn trước hết và trên hết. Hai vợ chồng mưu sinh với Thiên Chúa. Không những không có hại cho công việc, cho thời gian với con cái, và đời sống xã hội, cách sống của họ lại càng làm phong phú thêm các hoạt động này. Không cần phải nhìn đâu xa để giải thích nguồn cội tình yêu họ dành cho nhau, cho các con gái, cho người lân cận, và cho cả công việc thành công của họ. Có thể nói, phương châm sống của vợ chồng nhà Martin là, “Tâm hồn với Chúa trên cao, đôi chân đặt trên mặt đất.”

Có thể xác định linh đạo của ông Louis bằng ba nguyên tắc này: quyền tối cao của Thiên Chúa, tin tưởng vào Đấng Quan Phòng, và bỏ ý riêng mình.

Chắc chắn, Chúa là trước hết và trên hết, trong lòng và cuộc sống của họ. Ông và Louis và Zélie, ý thức sâu sắc về sự cao cả và tình yêu thương của Thiên Chúa, trong đầu luôn nghĩ rằng Chúa là nguồn cội, là hiện thực, và là mục đích của mình. Có một đoạn văn của Felicite Robert Lammenais mà bà Zélie thuộc lòng và thường đọc cho các con gái nghe: “Ôi! Nói với tôi những mâu nhiệm của thế giới mà tôi khao khát, khi linh hồn tôi chán chường những bóng mờ của địa cầu, khao khát được chìm đắm trong thế giới đó. Nói với tôi về Đấng tạo thành và đổ đầy thế giới đó bằng chính Ngài, và là Đấng độc nhất có thể đổ đầy hố thăm cực cùng mà Ngài tạo nên trong tôi.” Hai vợ chồng, mỗi người có cách riêng để sống câu nói lừng danh của thánh Augustinô, “Chúng con được tạo thành cho Chúa, và lòng chúng con không



ngihtên cho đến khi được nghỉ ngơi trong Chúa.” Ngay cả khi vui thú với những chuyện ở đời, Louis và Zélie vẫn đặt sự thành toàn hạnh phúc của mình nơi thiên đàng, nên ánh mắt của họ không ngừng ngược lên trời. Têrêsa về sau đã xác nhận rằng: “Thiên đàng là nơi mà mọi hành động và khát khao của cha mẹ tôi hướng đến.”

Trong các lá thư của bà Zélie, chúng tôi thấy được tác động của niềm hi vọng, đức cậy này trong cuộc sống của hai vợ chồng. Lúc mới kết hôn, bà sống một cuộc sống đầy hạnh phúc và viết thư kể cho em trai rằng Mẹ Diễm phúc “sẽ giúp em thành công trong thế giới này, và cho em hạnh phúc bất diệt.”

Zélie không phải là người theo tinh thần thiêng liêng bất nhập thế, kiêu chối bỏ mọi dạng niềm vui thế gian. Như mọi con người, bà mong muốn được hạnh phúc. Nhưng đến cuối đời, trĩu nặng bởi những buồn phiền, lo lắng và bệnh tật, bà viết, “Đức Trinh nữ Chí thánh đã nói với chúng ta, như khi Mẹ nói với Bernadette, “Ta sẽ làm cho con hạnh phúc, không phải trong đời này nhưng là đời sau.” Zélie trải nghiệm sức nặng của thập giá trong đời mình, và bà không tin rằng thực sự có thể có được hạnh phúc trong đời này. Bà triết lý rằng, “Hạnh phúc đích thực không phải ở đời này, và chúng ta đang lãng phí thời gian để tìm kiếm nó trong đời này.”

Đây là chủ đề không ngớt trong các lá thư của bà.

Như thế có phải là bi quan hay không? Hay đây là chủ nghĩa hiện thực của một người đánh giá rất cao ý niệm hạnh phúc đến nỗi nghĩ rằng mình không thể tìm được hạnh phúc nơi những sự sẽ phai mờ? Trong ba câu nói của bà vừa nêu ở trên, luôn có một yếu tố bất biến: đó là hi vọng hạnh phúc trên thiên đàng. Nếu không thể tìm được hạnh phúc nơi đời này, là bởi “Thiên Chúa, với sự khôn ngoan của Ngài, muốn như thế để chúng ta nhớ rằng đời này không phải là mái ấm đích thực.” Về sau, thánh Têrêsa cũng nói như thế. Như con gái mình, vợ chồng nhà Martin nhắc nhở cho thế giới duy vật của chúng ta rằng, định mệnh của chúng ta không phải ở đời này, và con người ta đừng lầm lẫn về những gì đáng phải tìm kiếm. Tìm kiếm hạnh phúc, đúng, nhưng là trên thiên đàng, nơi có hạnh phúc đích thực. Têrêsa cũng nói rõ rằng thiên đàng không phải là một thực thể xa vời hay xa lạ, nhưng là chính sự sống của Thiên Chúa, Đấng đã ở giữa chúng ta.

Thiên Chúa của vợ chồng nhà Martin không phải là một Thiên Chúa xa cách. Như bà Zélie đã tuyên xưng rằng: “Khi chị nghĩ về những gì mà Chúa, Đấng mà chị đặt hết tin tưởng và phó thác mọi sự, đã làm cho chị và chồng chị, chị không thể hoài nghi về việc Chúa Quan Phòng dõi theo con cái của Ngài với một sự ân cần đặc biệt.” Một dịp khác, bà nói, “Chị biết Chúa đang chăm lo cho chị.” Với vợ chồng Martin, Thiên Chúa là một “Người Cha tốt” thực sự là một phần của gia đình. Hai người cậy vào Chúa và biết không chuyện gì xấu xảy đến cho họ khi có Chúa bảo vệ, ngay cả trong những cơn gian nan đau buồn nhất. “Người hi vọng nơi Chúa, sẽ không bao giờ hổ ngươi” là câu nói của cả nhà, và còn câu nữa là “Chúa chỉ cho chúng ta những gì chúng ta có thể chịu được.”

Và vợ chồng Martin biết rằng Thiên Chúa, không phải là một Đấng khi bị xúc phạm thì giận dữ và báo oán, nhưng ngược lại, là một Thiên Chúa dõi theo họ với yêu thương. Họ nhận thức bàn tay Chúa trong những ơn trọng trong đời, là cuộc hôn nhân, con cái, thành công nghề nghiệp, và cả những quyết định của họ. Khi một chọn lựa hệ trọng được sáng suốt theo ý Chúa, thì họ tạ ơn Chúa, tin rằng Chúa đã hứng khởi và hướng dẫn cho hai người. Thiên Chúa quá gần gũi nên không làm ngỡ họ.

Ngài sẽ không để họ ngã . . . và theo Zélie, là ngay cả ngã theo nghĩa đen. Một ngày nọ, khi chuẩn bị đi lễ, bà Zélie đặt bé Têrêsa vào giường của mình, như thường vẫn vậy, nhưng lại quên chêm cạnh giường để bé không lăn ra ngoài. Thật ngạc nhiên, khi hôm đó trở về nhà, bà thấy bé Têrêsa đang ngồi yên trên

chiếc ghế bên giường, một chuyện không thể xảy ra dù theo suy đoán kiểu nào chẳng nữa. “Chị không thể hiểu được bé ngã kiểu nào mà lại ngồi trên ghế, bởi trước đó bé ở trên giường. Chị tạ ơn Chúa là đã không xảy ra chuyện gì cho bé. Thật sự là ơn quan phòng, bé đã có thể lăn ngã xuống sàn rồi. Thiên thần hộ thủ dõi theo bé, và các linh hồn trong luyện ngục mà chúng ta cầu nguyện mỗi ngày đã bảo vệ bé. Đây là cách giải thích duy nhất cho chuyện này... Em có thể nghĩ tùy theo ý em!” Nơi các sự kiện nhỏ trong cuộc sống, Louis và Zélie nhận ra sự tốt lành của Thiên Chúa và tạ ơn Ngài. Họ cảm nghiệm được Đấng Quan Phòng, và cậy dựa vào Ngài.

Hai người bỏ mình vâng theo ý Chúa, là bởi lòng tin tưởng này nơi sự tốt lành và ân cần của Thiên Chúa. Ông bà Louis và Zélie đặt trọn cuộc sống của mình trong tay Chúa, và để Chúa hướng dẫn mình. Thái độ này không phải từ bẩm sinh, không một ai sinh ra đã là thánh, nhưng là phải trở nên thánh. Zélie đã có nói về sự tiến triển này: “Chị không quên ngày mồng tám tháng mười hai năm 1860,” bà viết thư mười lăm năm sau biến cố này. “Hôm đó chị đã cầu nguyện xin Đức Mẹ cho chị bé Pauline. Nhưng chị không thể nghĩ đến chuyện này mà không bật cười bởi vì chị như đứa trẻ đòi mẹ cho mình con búp bê vậy, và chị vẫn cứ thế. Chị muốn có bé Pauline đúng như hiện nay vậy, và chị nhấn mạnh từng điểm, bản khoăn sợ không biết Đức Mẹ có hiểu đúng những gì chị muốn hay không.” Năm 1860, bà vẫn xin Chúa ban ơn theo ý mình, nói với Chúa như thể Ngài là người ban phát hồng ân, Đấng quá xa để thực sự hiểu được mình.

Nhiều năm trôi qua cùng nhiều sự kiện trong đời, bà dần ý thức hơn rằng Thiên Chúa, Đấng biết rõ bà còn hơn bà biết mình, Ngài hiểu những cần thiết của bà mà không cần bà giải nghĩa chi tiết và “nhấn mạnh từng điểm.” Càng ngày bà Zélie càng cảm nghiệm được sự tốt lành của Chúa.

Người phụ nữ đầy sinh lực này, vốn khá đủ khả năng điều phối cuộc sống của mình, bắt đầu bớt tìm kiếm ý riêng, bỏ mình mà theo ý muốn của Thiên Chúa “tốt lành” của bà. Từ một lời cầu nguyện khá ngây thơ và đòi hỏi ích kỷ, bà Zélie biến đổi thành một lòng Xin vâng như Đức Mẹ vậy. Bà không còn tỏ ra là một đứa con lo lắng và đòi hỏi trước Chúa - “Con muốn cái này, con muốn cái kia” - nhưng là một đứa con hạ mình, tin tưởng biết mình có thể cậy nhờ sự tốt lành của Cha mình. “Xin làm cho tôi như lời ngài.” (Lc 1, 38) Đây cũng là tinh thần của thánh Têrêsa, và thánh nữ học được qua mẫu gương của cha mẹ mình.

Ông bà Louis và Zélie không ngừng gác bỏ ý mình mà theo ý Chúa, và muốn ý Chúa được biểu lộ trong mọi sự kiện và trong cả quyết định của những người thân thuộc. Từ bỏ ý riêng mình không phải là chuyện thịnh hành thời nay, và xã hội chúng ta nhằm lẫn điều này với việc mất tự do. Chuyện của vợ chồng nhà Martin sẽ soi sáng cho thấy. Hai người dạy cho chúng ta biết rằng tự do không phải là thực thi độc đoán những ý muốn và khao khát theo cái tôi tự đại của mình, nhưng tự do là trong sự quy phục ý của Cha chúng ta. Được giải thoát khỏi ách nô lệ của sự tội, ông bà Louis và Zélie được tự do yêu thương và đã không để mình bị tước mất yêu thương. Từ bỏ ý riêng mình nghĩa là chúng ta nhận ra chúng ta không toàn năng và không kiểm soát mọi sự.

Vợ chồng nhà Martin đã từ bỏ tuyệt vời, nên cả khi đối diện với những đau khổ lớn trong đời, như chúng ta sẽ thấy và thấy nhiều lần, họ vẫn tiếp tục nói “Xin vâng.” Chấp nhận sống trải nghiệm đau khổ không có nghĩa là chấp nhận đau khổ, mà là chấp nhận đi từ thực tế đau khổ đến sống thực tế đó trong yêu thương. Bà Zélie đã viết, “Khi có vấn đề thực sự bất hạnh, chị hoàn toàn chịu đựng và tin tưởng chờ đợi Chúa giúp sức.”

Nghiên cứu của tiến sỹ Robert Cadeot về việc nhà Martin sử dụng thường xuyên từ “chịu đựng” sẽ cho chúng ta thấy rõ hơn: Thời nay, từ này có thể bị hiểu lầm, bởi ý nghĩa của nó đã thay đổi qua nhiều thế kỷ rồi.

Bà Zélie chấp nhận thực tế của đau khổ trong sự hiệp nhất với thập giá Chúa Kitô. Để diễn tả điều này, bà dùng từ “chịu đựng” vốn được dùng nhiều trong thế kỷ XIX.

Nhưng ngữ nghĩa học có thể khiến bạn lầm. Trong tự điển, chúng ta có thể tìm thấy các từ đồng nghĩa như “từ bỏ, phục tùng, thờ ơ, buông bỏ, mặc cho số phận.” Với bà Zélie, từ này không gọi lên sự ù lì của người trốn tránh hay kiểu đau buồn của người tin vào nỗi buồn để buồn mà thôi, và từ “chịu đựng” của bà cũng không mấy cùng nghĩa với thờ ơ, buông bỏ, và mặc cho số phận. Với bà, cũng như với con gái Têrêsa của bà, người về sau cũng nhiều lần dùng từ này, thì “chịu đựng” là tự nguyện bỏ đi ý mình để nhường cho tình yêu Thiên Chúa, qua đó chấp nhận trải qua đau khổ trong hi vọng thiên đàng.

Với vợ chồng nhà Martin, từ bỏ để theo ý Chúa và chịu đựng giữa gian nan, không đơn thuần là thái độ thụ động. Trung tâm linh đạo của hai người là một thái độ dâng hiến. Tất cả mọi đau khổ của họ được dâng lên Chúa, giống như những gì mà Đức Bê-nê-đi-ctô XVI đã diễn tả trong tông thư Spe Salvi (Được cứu rồi trong Hi vọng).

Tùng có một dạng tận hiến, có lẽ ít được thực hành ngày nay nhưng cách đây không lâu khá phổ biến, trong đó có khái niệm “dâng hiến” những khó khăn nhỏ nhất thường nhật cứ không ngừng thọc vào chúng ta buốt nhói, và bằng cách đó cho chúng một ý nghĩa...

Dâng hiến nghĩa là gì? Những ai dâng hiến, tin tưởng rằng họ có thể lòng những phiền toái nhỏ nhất của mình vào trong cuộc thương khó cao cả của Chúa Kitô, và như thế bằng cách nào đó họ trở nên một phần của kho báu cảm thương mà nhân loại đang rất cần kíp.

Như thế, ngay cả những bất tiện nhỏ nhất của cuộc sống thường nhật cũng có thể có được ý nghĩa và góp phần vào kho báu sự thiện và yêu thương của nhân loại. Có lẽ chúng ta nên cân nhắc liệu phục hồi việc thực hành này cho mình có phải là việc sáng suốt nên làm hay không.

Khi phát triển thói quen dâng hiến những phiền toái nhỏ bé của ngày sống - cách riêng là vì ơn cứu độ các linh hồn - vợ chồng nhà Martin dần dần có thể dâng hiến các gian nan lớn hơn cũng như dâng cả chính bản thân mình. Đường thiêng liêng của ông bà Louis và Zélie bao gồm một linh đạo tận hiến đến mức trọn vẹn nhất, và hai người truyền lối sống này cho con cái mình.

Thánh Têrêsa là ví dụ hoàn hảo cho điều này. Không thể khép lại một chương về linh đạo của vợ chồng nhà Martin mà không nhắc đến vị trí của Đức Mẹ trong lòng hai người. Họ có một tình con cái đầy sốt mến với Đức Mẹ, cầu nguyện với Mẹ mỗi ngày, và mừng kính Mẹ bằng mọi cách có thể. Cả hai người đều đeo dây áo Đức Bà, mảnh vải duy nhất còn nguyên vẹn khi đời mộ ông bà. Và ông bà Martin cũng cho con cái đeo dây áo Đức Bà, bởi họ muốn các con được che chở dưới tà áo Đức Trinh nữ Diễm phúc. Mọi buổi tối, hai người đều cùng nhau cầu nguyện bên tượng Đức Mẹ. Tượng này, được biết đến là tượng Đức Mẹ Mím cười, vẫn còn ở đền thánh Têrêsa ở Lisieux. Tượng cao gần một mét, hình Đức Mẹ không có mạng che mặt và đôi tay mở ra đón nhận con cái và ban ơn. Ông bà Louis và Zélie yêu mến Đức Mẹ Mím cười cách đặc biệt - ông bà đã phải thay các ngón tay của tượng, vì được hôn kính quá nhiều. Con gái Marie, nghĩ bức tượng quá lớn, đã có ý muốn thay tượng khác, nhưng Zélie kêu lên bao lâu bà còn sống, thì Đức Mẹ sẽ không rời nhà Martin. Đầu tháng năm, tháng Đức Mẹ, cả nhà trang trí tượng thật đặc biệt. Ông Louis muốn có các vòng kết bằng cánh hoa. Marie, chịu trách nhiệm chính cho

việc trang trí, có lần nhấn nhó: “Mẹ mình quá khó, khó hơn cả Đức Mẹ! Chúng ta cần phải làm cho có cây táo gai vươn lên đến trần nhà, tường phải phủ đầy cây cỏ, vv ...” Với ông bà Louis và Zélie, không có gì là quá đẹp khi được dành để dâng kính Mẹ mà ông bà yêu mến rất nhiều.

Ý định của tôi khi kể lại chuyện trên không phải là để so sánh đường thiêng liêng của ông bà Martin với các con gái, nhưng là để nhìn ra thừa kế thiêng liêng của thánh Têrêsa. Những định hướng chính cho “đường nhỏ bé” của thánh nữ không gì hơn là chính đường thiêng liêng của cha mẹ được Têrêsa áp dụng cho mình. Như chúng ta sẽ thấy, nền giáo dục của các cô con gái nhà Martin, hoàn toàn được định hình theo đường thiêng liêng của bậc cha mẹ thánh thiện.

## CHƯƠNG 4

### ƠN GỌI LÀM CHA LÀM MẸ

Việc giáo dục con cái vừa là ơn gọi vừa là niềm vui của vợ chồng nhà Martin. Zélie từng thốt lên, ‘Chị điên lên vì con cái, chị được sinh ra là để sinh ra các con.’ Ông Louis cũng thế, và ngay từ đầu, hai người đã muốn có nhiều con cái. Năm 1868, bà Zélie viết, ‘Chúng tôi đã có năm mặt con, chưa kể những đứa con trong tương lai, bởi chúng tôi hi vọng có thêm ba hay bốn đứa nữa.’ Mỗi lần mang thai là một niềm vui, mỗi đứa con mới sinh là ơn Chúa ban. Hai người cũng có vui mừng và tự hào như tất cả mọi bậc cha mẹ: Bà Zélie viết về Pauline: ‘Em không biết bé dễ thương đáng yêu đến thế nào đâu. Bé cứ ôm chầm lấy vợ chồng chị mà không cần hỏi, bé hôn gió ‘Giêsu dễ thương’ bé chưa nói được, nhưng hiểu được mọi thứ, thật là đứa trẻ có một không hai.’ Các lá thư của bà Zélie ngập tràn sự hạnh phúc mầu tử không bao giờ ngơi: ‘Giá mà em thấy hai bé lớn nhà chị bây giờ, và thấy chúng trông dễ thương đến thế nào, tất cả mọi người đều hâm mộ hai bé và không thể rời mắt khỏi chúng được. Và chị cười rạng rỡ tự nhủ, ‘Chúng là con của mình!’”

Bà Zélie là một người mẹ hoàn toàn hạnh phúc. Các lá thư trong gia đình ghi lại quá nhiều cảnh vui vẻ trong nhà: ‘Chị quá mừng khi được gặp lại bé Joseph trong ngày đầu năm [sau khi phải tạm xa bé để bé được bảo mẫu chăm và cho bú]. Quà năm mới là chị mặc cho bé như một hoàng tử. Giá mà em được thấy bé đẹp trai và cười nhiệt tình đến thế nào! Chồng chị bảo, ‘Em đang đem bé đi khoe như thể trong tay là tượng một vị thánh vậy.’ Ông bà Louis và Zélie đều biết những khó khăn của người làm cha làm mẹ, chịu đựng tiếng khóc con nít suốt ‘ba mươi sáu tiếng đồng hồ không nghỉ,’ các chị em cãi quấy nhau, những đêm chỉ ngủ được hai tiếng. Nhưng họ xem đây là những giá quá rẻ so với hạnh phúc họ có được. Theo Zélie, ‘Chăm sóc đoàn con nhỏ thật là một bổn phận ngọt ngào.’

Một bổn phận ngọt ngào, nhưng là một bổn phận không phải không có đau đớn, khi vợ chồng Martin luôn vì con cái hơn là bản thân. ‘Nếu em có nhiều con như chị, thì sẽ cần phải bỏ mình rất nhiều và cần cả khao khát muốn các bé sẽ làm đẹp thêm thiên đàng.’ Sau khi sinh hạ Têrêsa chị (chị lớn, chứ không phải thánh Têrêsa), bà Zélie kể lại chuyện thức dậy lúc sáu giờ sáng để giúp một tay với bà bảo mẫu, và rồi tự mình chăm sóc cho những đứa con khác trước khi lại bắt tay vào công việc với các đơn hàng mới. Bà kết thư rằng, ‘Nói với chị lần nữa là chị không mạnh mẽ gì!’

Bất chấp công việc căng thẳng, bà vẫn dành thời gian chơi đùa với con cái. ‘Chị vui ... Nhưng chị phải hoàn tất đơn hàng đăng-ten đang gấp, nên chị phải bù thời gian cho công việc bằng cách thức khuya mà làm đến một giờ sáng.’ Bà sẵn sàng hi sinh thời gian nghỉ ngơi ít ỏi của mình, khi dẫn các con lớn đến Hội chợ Alencon, dù bà thừa nhận là hội chợ cực kỳ đáng chán. Ông Louis cũng tích cực không kém vợ trong chuyện chăm con cái. ‘Hi sinh mà chồng chị làm cho bé Têrêsa, cả ngày lẫn đêm, thật không thể tin nổi.’ Ông bà Louis và Zélie trao đi bản thân mình không chút tính toán. ‘Hai vợ chồng chị chỉ sống vì chúng mà thôi.’

Trong chín bé đã sinh hạ, ông bà chỉ có thể nuôi dạy được sáu bé, bởi ba bé đã mất quá sớm vì bệnh. Con đầu là Marie, cũng là ơn Chúa bày tỏ cho họ thấy ơn gọi làm cha mẹ của mình. Marie sinh ngày 22 tháng hai, 1860. Ngay từ nhỏ, Marie đã thể hiện một tinh thần ngoài khuôn khổ, mà cha Piat đã mô tả đầy mến mộ: ‘Độc lập và nhiệt thành vì sự tự do của mình, nhưng với một sự nhạy cảm tinh tế, không thích bất kỳ thứ gì phức tạp, ngay thẳng và bộc trực, với tính dí dỏm độc đáo, và nhiều khi hơi rụt rè làm cho mọi người cảm giác bé hơi khiêm nhã và khó hiểu.’

Ngày 07 tháng chín, 1861, Pauline đến trong gia đình, cũng là một đứa trẻ dễ thương: ‘Với tính hoạt bát có chừng mực, bé có lòng cảm thông và sôi nổi như mẹ mình vậy, với sự kết hợp hòa hợp của các phẩm chất thông minh và kiên quyết, phù hợp với một người có thẩm quyền.’ Hai con gái lớn của bà Zélie sớm gắn với nhau như sam. Theo tính khí, ông Louis thấy gần gũi hơn với Marie, còn các lá thư của bà Zélie cho thấy bà có tình cảm đặc biệt cho Pauline. Vợ chồng Martin không giấu được sự ưu ái riêng này, và nhiều khi điều này làm cho các đứa con khác thấy đau lòng, kể cả hai chị Marie và Pauline. Thời niên thiếu, Pauline là người bạn tâm tình của mẹ, một việc cũng không dễ dàng gì.

Nhưng Louis và Zélie có đủ tình thương yêu cho tất cả con cái, chứ không chỉ hai con gái lớn của mình. Điều này thể hiện rõ ràng trong những nỗ lực của họ dành cho Leonie, con gái thứ ba, sinh ngày 03 tháng sáu 1863. Không như hai người chị đầu, từ khi mới sinh, Leonie đã không được mạnh, cả về sức khỏe lẫn tính cách, nhưng ông bà Martin chưa bao giờ hết kiên trì với bé.

Ngày 13 tháng mười, 1864, bé Helene ra đời, một đứa trẻ quá sức xinh đẹp, là niềm tự hào của ông bà. Ba đứa trẻ kế tiếp (Joseph-Louis, Joseph-Jean-Baptiste, và Melanie-Therese) không sống được qua một tuổi, nên khi Celine ra đời ngày 28 tháng tư 1869, trong lòng ông bà Louis và Zélie, niềm vui và lo lắng đan xen lẫn nhau. Celine ốm yếu, nhưng bé thông minh và nhạy cảm, gắn kết chặt chẽ với em gái Têrêsa, sinh ngày 02 tháng giêng 1873.

Có cả một câu chuyện về việc chọn tên cho Têrêsa. Trong gia đình Martin, dù là trai hay gái, thì đều được đặt tên là Marie, bởi ông bà muốn Đức Mẹ đỡ đầu cho mọi con cái của mình. Nhưng, mọi chuyện dần phức tạp. Trong một lần mang thai, bà Zélie thấy đứa trẻ có vẻ mạnh mẽ và đoán sẽ là con trai. Bởi nhà Martin kính mến thánh Giuse cũng nhiều như Đức Mẹ, nên theo tự nhiên, bà Zélie suy nghĩ sẽ đặt tên cho đứa con thứ ba theo thánh Giuse. Nhưng, chị của bà ở Le Mans, lại không thích bởi muốn một bé trong nhà lấy tên theo thánh bôn mạng của xơ. Bà Zélie kể lại, ‘Trước khi sinh đứa bé, chị ấy đã viết thư, tin tưởng sẽ là một đứa con trai, và nói rằng chị nên đặt tên là Phanxicô [Francois] chứ đừng Giuse [Joseph], và thế nào rồi cũng sẽ có một bé trai nữa để đặt tên là Giuse.’ Zélie ngay lập tức trả lời thư rằng, cho dù đứa trẻ chết hay sống nhờ tên thánh đỡ đầu, ‘thì em vẫn đặt tên bé là Giuse.’

Và khi ‘thằng bé’ thành ‘con bé’ khi lọt lòng, Zélie đã có nhượng bộ và đặt tên bé gái là Marie Françoise Têrêsa, và tên cả nhà gọi bé sẽ là Têrêsa. Nhưng khi bé Têrêsa ngày càng yếu, và gia đình báo cho người chị ở Le Mans, sơ đã cầu nguyện với thánh Phanxicô đệ San bằng hết lòng sốt mến, và khấn hứa là nếu

đứa bé được lành bệnh, thì gia đình sẽ gọi bé là Francoise! Bé dần khỏe hơn, và là ngay trước khi xơ Marie-Dosithée khẩn hứa, nhưng Zélie với cảm tính quen thuộc của mình, khi viết thư cho em trai Isidore, đã chọc chị gái rằng: ‘Đặt tên đứa bé là Phanxicô đệ San, hay tên nào khác, có thành vấn đề không nào? Chị từ chối đặt tên như thế, không thể nào là lý do khiến bé bị chết được!’ Têrêsa sẽ vẫn được gọi là Têrêsa, và Zélie kết luận: ‘Chị không muốn làm tổn thương chị của chúng ta, bởi chị quá tốt, và yêu thương chúng ta rất nhiều! Nhưng lần này chị ấy khiến chị thấy ngạc nhiên.’

Ông bà Louis và Zélie cũng chăm lo cho các thành viên khác trong gia đình. Trước khi chuyển đi vào năm 1871, họ vẫn sống cùng cha mẹ. Ông bà nội Martin sống ở tầng trên, và ông nội Pierre- Francois Martin đã qua đời tại đây năm 1865. Năm 1867, khi mẹ bà đã qua đời và cha bà không thể tự lo tốt cho mình, Zélie đón cha đến ở với mình. Nhưng bà phải tìm mọi cách, cả mưu mẹo, để thuyết phục ông đến ở với gia đình bà. ‘Khi chị nói với cha về việc dọn đến nhà chị, ông đã rất giận dữ, nhưng chị bảo là chị không thể nào lo được việc mà không có ông ấy, và ông sẽ giúp được chị rất nhiều, vậy nên chị nài nỉ cha ở lại. Chồng chị cũng nài nỉ nữa, vậy nên cha dao động và không nói gì nữa, thế là chị đã thuyết phục được cha rồi.’ Zélie hết lòng chăm sóc cho ông đến khi ông qua đời vào năm 1868, và ông Louis cũng giúp bà, chăm sóc cho cha vợ không thua gì cha của chính mình. Vợ ông đã làm chứng trong thư, ‘Không thể nào gặp được ai tốt với cha vợ như anh ấy được, cả trăm người mới có một.’

Có một người giúp việc sống ở nhà phụ. Làm người giúp việc ở nhà Martin là vừa làm bà vú vừa là quản gia vừa là một phần trong gia đình, bà Zélie xác quyết là ‘Chị đối xử với những người giúp việc không thua gì con cái của chị.’ Bà không bao giờ để họ phải ăn đồ thừa, tự bà ăn lấy còn hơn. Mọi người, dù với ý tốt cho bà, đều bảo Zélie là bà không biết cách để mình được phục vụ, nhưng bà vẫn giữ lập trường của mình về những người giúp việc, một lập trường khá khác biệt so với thời đó. ‘Những người giúp việc cần được cảm nhận là chúng ta yêu mến họ, chúng ta cần thể hiện tình thân ái và đừng quá khó tính với họ.’ Không có kiểu giả hình, bởi bà thực sự yêu mến người giúp việc của mình, bà Louise Marais làm việc cho gia đình hơn mười một năm. Bà Zélie cũng phục vụ chị giúp việc Louise nhiều như chị phục vụ cho bà. Thế nên, năm 1871, khi gia đình chuẩn bị chuyển nhà sang Rue Saint-Blaise, mà cô Louise bị ngã bệnh nặng, Zélie đã chăm cho cô cả ngày lẫn đêm suốt ba tuần. Một lần khác, Zélie đang ốm, nhưng cũng dành thời gian để chăm cho người giúp việc của mình vào ban đêm. ‘Chị thực sự mến cô ấy, như chính chị vậy.’ Ngay cả khi Louise cứ bệnh suốt và cần thêm người để làm việc, nhưng bà Zélie không bao giờ nghĩ đến chuyện để cô phải đi.

Với các cô con gái nhỏ, bầu khí gia đình Martin không thể nào buồn được. Louis và Zélie, dù cho có nhiều vất vả, vẫn bảo đảm trong gia đình phải luôn vui vẻ. Những niềm vui với họ rất đơn giản: chơi các trò chơi nhỏ, ca hát, và trên hết là niềm vui được ở cùng nhau. Các bé gái thường xuyên làm phiền Zélie khi bà đang viết thư, hay khi chúng chạy nhảy khắp nhà cười đùa nháy nhót. Trong gia đình Martin ngập tràn đức mến, mọi người thường cho nhau biết mình yêu quý nhau đến thế nào. Chẳng hạn như, bà Zélie đã viết thư cho Pauline, ‘Vậy nên con thấy đó, tình thương mẹ dành cho con lớn dần mỗi ngày, con là niềm vui và hạnh phúc của mẹ.’ Mỗi người cố gắng làm vui lòng người khác với các món quà nhỏ, các hành động phục vụ, hay sự ân cần tuyệt đối. Bà Zélie cho các cô con gái những gì bản thân đã không được nhận, là một tình yêu thương đầy triu mến và một bầu khí ấm áp hạnh phúc. Ông Louis cũng có ơn chăm sóc con cái. Ông đặt mình vào tình cảm của các con, kể chuyện và chơi đùa với con, hát cho chúng nghe những bài hát xưa bằng chất giọng ấm, và giả hàng ngàn tiếng muôn thú cũng như thổ ngữ Normandy, khiến các con ngạc nhiên vui thích.

Ông không ngần ngại thêm sự kiên quyết vào những ân cần trìu mến thường lệ. Ông Louis thà nổi giận còn hơn để các con gái yêu dấu của mình làm những chuyện bốc đồng phù phiếm. Vào giờ ăn, các cô bé phải ăn hết đĩa của mình. Khi giữa các bé có chuyện âm ỉ cãi nhau, ông chỉ nói, ‘Yên nào, các con. Bà Zélie cũng áp dụng biện pháp cứng rắn với Pauline: ‘Chị phải cho em biết là chị không làm hư con bé. Ngay cả khi bé còn quá nhỏ, chị đã không để bé thích gì được nấy, nhưng muốn cho bé biết hi sinh, và bé phải theo khuôn khổ.’ Đây thực sự là một cảm thức mẫu tử rằng đứa con này có cá tính mạnh và sự sôi nổi có thể trở nên quá đáng và tự kiêu nếu như không được uốn nắn cho đúng.

Không phải đứa con nào cũng áp dụng cùng phương pháp này. Ông bà Louis và Zélie không áp dụng một hình mẫu giáo dục duy nhất cho tất cả, nhưng dùng nhận định sáng suốt của mình để cho mỗi đứa con những gì bé cần. Tất cả các cô con gái đều được xử tốt, theo lời chứng đồng nhất trong tài liệu phong chân phước cho thánh Têrêsa. Các cô con gái khẳng định mẹ đã không để cho mình nên hư, và mẹ luôn chăm lo cho linh hồn con cái với sự quan tâm vô cùng, không bao giờ bỏ qua lỗi nào. Đây là một cách giáo dục hiệu quả tốt đẹp, được thực hiện với sự cẩn trọng và tận tâm.

Ông bà Martin ý thức về thẩm quyền của mình, nhưng không bao giờ lạm dụng. ‘Sự bạo ngược không bao giờ biến đổi một con người, mà chỉ làm cho người đó thành nô lệ.’ Bà Zélie đã viết như thế về Leonie, một quả quyết khá táo bạo vào thời đó. Ông bà đã tạo nên một bầu khí tin tưởng, và về sau Celine cho biết là các cô vâng lời mẹ vì yêu thương. Cha Piat cho chúng ta biết, ‘Tin tưởng là trái tim của cách giáo dục này. Từng đau khổ thừa nhỏ vì sự thống trị lạnh lùng, cưỡng ép ràng buộc của mẹ, bà Zélie đã làm mọi giá để con cái mình không phải chịu cùng cảm nghiệm như thế. Bà muốn các con cởi mở, chan hòa, và triển nở cho trọn vẹn. Bản tính rụt rè của Leonie nhiều lúc khiến bà bối rối và phiền lòng. Bà biết các cảm dỗ của một linh hồn khép chặt, cũng như của sự kìm nén nội tâm. Các lá thư của bà cho thấy sự miễn cưỡng và rõ ràng trong việc hiểu được các thành viên trong nhà và cách đối xử với từng người.’

Các em nhỏ hơn được nuông chiều hơn một chút, nhưng vẫn có cẩn trọng. ‘Các cháu lớn bây giờ có đủ đồ chơi cho đến khi lớn rồi. Các cháu tự lo cho đồ của, bởi chị không cho chúng đồ chơi để chúng lạm dụng.’ Mỗi mùa Giáng Sinh đến, các cô con gái được cha mẹ tặng quà, và Đêm Giao thừa luôn là một bữa tiệc lớn. Các bé sẽ được một thùng đầy quà từ gia đình cậu Isidore, người rất rộng rãi đến mức bà Zélie phải sừng sốt. Thấy các món quà tuyệt vời này, các bé nhỏ im lặng và ngạc nhiên, còn các chị lớn thì nhảy cẫng đến rung cả nền!

Năm nào cũng có cảnh vui tươi gia đình này. ‘Giá mà em được thấy bé Têrêsa khi cha bé mở thùng quà em gởi. Anh chị bảo bé, ‘Đây là đồ chơi đẹp mà cô của con ở Lisieux gởi tặng.’ Bé vỗ tay liên hồi khi chị đề thùng quà để giúp chồng một tay, thì Têrêsa đau khổ kêu suốt, ‘Mẹ ơi, mẹ làm vỡ đồ chơi đẹp của con rồi!’ Bé kéo áo chị để ngăn chị lại. Nhưng khi thấy ngôi nhà búp bê xinh xắn, bé ngơ người mất một lát. Bé Têrêsa có phản ứng rất sâu sắc với mọi sự.’

Các cô con gái nhà Martin có búp bê, bộ đĩa nhỏ cho búp bê, sách (trong số đó, thích nhất quyển Nữ bá tước Ségur) và vô số đồ chơi khác mà cha đã tự tay làm cho. Tuy nhiên, ông bà không chấp nhận mua những thứ thừa thãi, ngay cả khi Marie và Pauline lặp lại điệp khúc muôn thưở, ‘Nhưng bạn con, ai cũng có!’

Dù cho bà Zélie không quan tâm đến thời trang, nhưng bà thích mặc đẹp cho con cái, may cho chúng những bộ cánh ‘đẹp như thiên thần.’ Về chuyện ăn mặc, phương châm của bà là mặc cho các con ‘đẹp

nhưng đơn sơ,’ và bà thừa nhận là cũng nhượng bộ các con khi các cô đã có thị hiếu đẹp. Trong một lá thư gửi em dâu, bà đã viết một đoạn văn rất hiện đại về chế độ nô lệ.

Đi dạo là một thú vui tuyệt vời cho các cô bé nhà Martin, được đi câu cá với cha, đi dạo qua vùng quê gần đó, hoặc tuyệt nhất là chơi cả buổi chiều ở Pavilion ngôi nhà nhỏ của ông Louis, vừa chơi vừa làm vườn theo từng mảnh được chia cho mỗi bé. ‘Sáng hôm qua, Celine đã vui cha con đưa em và Têrêsa đến Pavilion như hôm trước đó. Cha bảo em, ‘Con đùa à? Con nghĩ là cha sẽ đưa con đến đó mỗi ngày sao?’ Bé Têrêsa đang chơi gần đó, và có vẻ không nghe thấy gì bởi bé quá ham chơi với cây dứa của mình. Vừa chơi, bé vừa nói với chị, ‘Chị em mình không thể táo tợn mà nghĩ là cha sẽ đưa mình đến đó mỗi ngày.’ Và cha con đã cười thật nhiều.’

Mỗi ngày chúa nhật, sau kinh chiều, cả nhà ra ngoài, nhiều khi thuê một chiếc xe ngựa mui trần để đi thăm thú. Một ngày nọ, có hai bà lão, biết gia đình Martin sắp đi dạo và biết vẫn còn chỗ trên xe ngựa, nên ngỏ lời muốn đi chung. Bà Zélie về sau nói thẳng họ không phải là những bà tốt lành cho lắm. Marie khóc toáng vì thất vọng khi không được đi chơi cả nhà cho trọn, nhưng ông bà Martin vẫn chào đón hai bà này đi cùng, cũng là cho các cô con gái một bài học mà các cô không bao giờ quên là, đức ái được thực hành trong những thời điểm thuận tiện cũng như không thuận tiện, ngay cả khi nó làm hỏng kế hoạch của mình.

Để cho con cái được đào tạo tốt nhất có thể, Louis và Zélie gửi hai cô con gái lớn đến Tu viện Đức Mẹ Đi viếng ở Le Mans, nhà dòng của chị mình, xơ Marie-Dosithee. Bà Zélie cho biết, mỗi khi khai trường, ‘em không thể tưởng tượng nổi chị phải đau lòng thế nào khi gửi các con đi học xa chị, nhưng phải hi sinh vì hạnh phúc của các bé.’ Marie và Pauline cũng cảm nhận sự chia xa, và không có lần chia tay nào không đầy nước mắt. Bà Zélie có lần cũng khóc, trước sự kinh ngạc của chính bà, và Chúa biết đây là chuyện không thường xảy ra. Cả nhà đếm từng ngày cho đến kỳ nghỉ, mà thời đó rất hiếm có kỳ nghỉ trong năm học. Nhưng hi sinh này đem lại hoa trái. Hai cô con gái đầu tiếp thu được nền giáo dục vững chắc và đào tạo thiêng liêng tại Trường Phanxicô đệ San, tạo nền tảng vững vàng cho cả đời. Nhờ đó, Marie có thể giúp cho cô em gái Pauline tiếp thu những kỹ năng cần thiết về sau để làm mẹ bề trên ở tu viện Carmen tại Lisieux. Cuộc sống của các sơ dòng Đi viếng, đặc biệt là cuộc sống của người dì yêu dấu, đã khơi lên ơn gọi đi tu của các bé.

Sơ Marie-Dosithee để mắt đến việc học của các cháu gái, và thường báo tin đến Alencon. Bà Zélie, đầy lòng tự hào của một người mẹ, kể cho các con gái nhỏ đang còn ở Lisieux về kết quả học tập tốt của các chị. Marie và Pauline tiến bộ hơn các học sinh cùng lứa tuổi, và Pauline là học sinh xuất sắc nhất toàn trường. Dù cho ông bà Martin có tự hào vì những vinh dự này, nhưng không thổi phồng chúng lên. Qua một năm, bà Zélie còn chẳng thể nhớ được Pauline đã giành được bằng khen gì trong năm trước. Tất nhiên, ông bà hạnh phúc và tự hào vì các cô con gái có được kết quả tốt ở trường, nhưng đó không phải là điều quan trọng nhất trong mắt hai người. Sau khi cân nhắc để Marie gia nhập một nhóm tên là ‘Con cái Đức Mẹ Chí ái’ vốn chỉ dành riêng cho các học sinh giỏi hạnh kiểm tốt, Zélie nhấn mạnh, ‘Trên hết, hãy làm cho bé cố gắng xứng đáng với danh hiệu đẹp đẽ này.’

Không khó để liên kết thành công về học hành với nền giáo dục tuyệt vời mà các cô con gái nhà Martin đã nhận được từ cha mẹ mình. Các giáo viên hết sức vui vẻ với hạnh kiểm của Pauline và Marie, nhưng không nói ra với các bé, để nhằm giữ tính khiêm nhượng. Marie và Pauline luôn được đòi hỏi hơn nữa, để có thể làm tốt nhất hết sức mình. Gia đình Martin chọn gửi con cái cho các sơ Dòng Đi viếng, không chỉ bởi ở đó có chị của Zélie, nhưng đặc biệt là bởi tinh thần dùi dẳng kiên quyết trong giáo dục của các xơ cũng là nguyên tắc sư phạm của ông bà. Zélie kể lại một ví dụ. Ở trường tại Alencon, khi Marie được



sáu tuổi, cô bé làm đổ mực và các giáo viên buộc bé nhúng tay vào mực và bôi khắp mặt, một việc mà nhiều năm về sau Marie vẫn còn phẫn nộ. Pauline cũng gây đổ mực lúc học ở Dòng Đi viêng, nhưng các sơ biết là cô bé không cố ý, nên lau chùi đi và không rầy la gì.

Một bài học đáng giá hơn nhiều. Zélie đặc biệt biết ơn cách các sơ Dòng Đi viêng xử trí với Marie. Là một cô bé cứng đầu và khó gần, Marie đã được làm mềm dịu đi nhờ tình ân cần.

Con gái thứ ba của ông bà Martin, Leonie là một thách thức đối với họ. Từ khi sinh, cô bé đã làm cha mẹ lo lắng về sức khỏe, và họ sớm để ý thấy đứa trẻ này sẽ khó nuôi hơn những đứa con khác. Ngày nay, chúng ta dễ hiểu hơn các lý do khiến Leonie gây nhiều khó khăn đến thế. Ngoài bệnh tật không ngớt, chắc chắn cô bé đã bị đau khổ vì cái chết của em gái Henlene. Con cái trong nhà Martin, theo độ tuổi mà bắt cặp với nhau: Marie và Pauline, Celine và Têrêsa chị. Leonie và Helene đáng ra là một cặp. Sinh năm 1863 và 1864, hai bé sát tuổi nhau, bầu bạn với nhau. Nhưng bé Helene mất năm 1870.

Đó là thời điểm chỉ vài tuần sau các lá thư bà Zélie nói về những dấu hiệu đầu tiên của một tính cách bị rạn vỡ của Leonie. Và bây giờ cô bé lại chỉ còn một mình.

Ngoài cú sốc vì cái chết của người em thân thương khi còn quá nhỏ, Leonie còn rơi vào một tình thế không dễ chịu gì. Cô bé quá nhỏ để chơi với các chị lớn, nhưng cũng quá lớn để chơi với các em nhỏ. Cô bé thấy mình bị cô lập và rút lui vào nội tâm. Leonie thường hành động điên rồ và bốc đồng, không giữ lời hứa, nói dối, và có thể nổi cơn giận phá phách dữ. Những khó khăn của Leonie không bớt mà ngày càng trầm trọng thêm. Khi Leonie được chín tuổi, bà Zélie có viết: ‘Chị không thể phân tích được tính cách của con bé, nhưng ngay cả những người hiểu biết nhất hẳn cũng không thể nắm được đầu đuôi của Leonie đâu. Chị hi vọng, một hạt giống tốt đẹp nào đó sẽ nảy lên. Nếu được thấy thế, chị sẽ hát bài yên lòng nhắm mắt của ông Simeon ngay.’

Hi vọng này sẽ là yếu tố cứu vớt cho Leonie. Cha mẹ cô bé không bao giờ nản chí, và mỗi khi Leonie làm sai cũng như bồn chồn lo lắng, Zélie không bao giờ quên nhắc cô bé rằng sâu bên trong bé là một trái tim tốt lành. Ông Louis luôn gọi cô bé là ‘Leonie tốt lành của cha,’ và người dì ở Le Mans còn gọi cô bé là ‘người được tiền định.’ Mọi người dõi theo Leonie với sự tin tưởng, biết rằng cô bé tốt lành và có thể thoát ra khỏi những khó khăn của mình. Chăm chú không để con mình bị lạc lòng, hai vợ chồng tạo thành một khối thân ái gia đình quanh cô bé, và bảo các chị em cầu nguyện cho Leonie.

Tin cậy vào thành công của chị mình trong đời sống tu trì, một việc bản thân mình không làm được, bà Zélie cùng với chồng quyết định gửi Leonie đến Tu viện Đức Mẹ Đi viêng vào tháng giêng 1874. Lúc đó cô bé được mười một tuổi, nhưng trông chỉ như tám tuổi. Sơ Marie-Dosithee chăm lo cho cô bé, và theo truyền thống của thánh Phanxicô đệ San, xác định ưu tiên hàng đầu là sự triu mến. ‘Tháng đầu tiên, chị la rầy khi bé không cư xử tốt, và chuyện như thế cứ xảy ra luôn nên chị chỉ toàn rầy la thôi ... Chị có thể thấy rằng chị đang làm cho cô bé nhỏ không hạnh phúc, điều mà chị không muốn. Chị muốn mình là sự quan phòng Chúa gửi đến cho bé ... Chị bắt đầu đối xử với bằng sự triu mến cao nhất và tránh la rầy. Chị bảo bé là chị thấy bé muốn nên tốt và làm đẹp lòng chị, chị tin nơi bé ... Cách này đã làm nên phép màu, không chỉ tạm thời nhưng kéo dài lâu, bởi đây là cách tiếp cận hợp lý và chị thấy bé hoàn toàn đáng yêu. ... Chị sẽ cần phải xen kẽ sự ngọt ngào với kiên quyết, lặp đi lặp lại nhiều nữa.’ Nhưng cách tiếp cận này có giới hạn, bởi người dì không thể tập trung hoàn toàn vào mỗi Leonie, và có lần khi ở giữa đám bạn, cô bé ‘không tự chủ và có hành vi không đúng mực.’

Không thể sống trong cộng đoàn, Leonie không thể nào ở lại trường nội trú Dòng Đi viêng, và các sơ buộc phải gửi bé về nhà. Zélie, vốn nghĩ rằng cuộc sống trường nội trú là cứu cánh duy nhất cho đứa trẻ

bất ổn này, nên bà gằn như cảm thấy tuyệt vọng về con gái mình. Nhưng bà bám chặt vào hi vọng nơi Chúa. ‘Chị hi vọng vượt trên mọi hi vọng. Càng thấy bé lâm khó khăn, chị càng tự thuyết phục mình rằng Chúa sẽ không để bé mãi như thế. Chị sẽ cầu nguyện rất nhiều để Chúa động lòng.’

Biết rằng tình mẹ vẫn là không đủ giúp con gái mình, bà tin thác Leonie cho người mẹ tuyệt vời nhất. ‘Chị dự định mỗi năm sẽ đưa bé đến Nhà thờ Đức Bà de Seez, nhân dịp Lễ trọng Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên tội.’ Với một người không thích hành hương, đây không phải là một hi sinh nhỏ, vậy mà bà còn nghĩ đến việc đưa Leonie đến Paray-le-Monial. ‘Có thể chị mất trí về việc này mất thôi.’ Sơ Marie-Dosithee ủng hộ em mình hết lòng. Dù là theo trực giác hay tiên tri, sơ Marie-Dosithee tin chắc Leonie sẽ là một vị thánh. Ông bà Louis và Zélie chọn cho bé các bài học đặc biệt với hai cô giáo, và đưa Leonie đi học hai lần một ngày, một việc thật bất tiện cho hai ông bà.

Zélie bắt đầu lại thấy hi vọng khi Leonie chuẩn bị hết sức mình cho Rước lễ lần đầu vào tháng năm 1875. Một chi tiết nhỏ khác làm Zélie thêm tin tưởng rằng, bất chấp biểu hiện bên ngoài, con gái Leonie của mình có một tấm lòng vàng: Cô bé vốn luôn thích đi nghỉ, nhưng lại có lần ngang ngạnh từ chối đến Lisieux. Ông bà Martin cứ nghĩ đây lại là chuyện bốc đồng, cho đến khi khám phá ra rằng Leonie làm thế vì muốn nhường cho Celine. Nhưng tình hình vẫn không khá hơn gì mấy, và năm 1876, Zélie viết: ‘Chị đang đến giới hạn rồi. Con bé chỉ làm những gì bé muốn theo cách bé muốn.’

Và càng đau lòng hơn nữa khi Zélie thừa nhận bé Leonie lúc bước vào tuổi dậy thì, có vẻ như càng bỏ mặc mẹ hơn nữa, tìm cách đối nghịch với mẹ và luôn làm ngược lại những gì bà muốn: ‘Chị đã cố gắng đủ cách có thể nghĩ ra được để kéo bé lại với mình, vậy mà đến bây giờ tất cả đều thất bại, và đây là nỗi buồn lớn nhất trong đời chị.’ Zélie không chút hoài nghi rằng Chúa sẽ đáp lời hi vọng của bà, và đưa lòng bé Leonie đến với Ngài, như chúng ta sẽ thấy về sau.

Với Louis và Zélie, giáo dục con cái có một mục đích, đó là ‘đưa chúng lên thiên đàng.’ Hơn tất cả, họ muốn các con gái của mình được thánh thiện. ‘Các con gái nhỏ yêu dấu của mẹ, trong lúc chờ đợi, chúng ta cần phải phụng sự Chúa và các thánh của Ngài, và cố gắng để xứng đáng ở trong hàng ngũ các thánh.’

Bà Zélie dùng một ẩn dụ cây cỏ vốn thân thuộc với cả nhà khi tả về phương pháp giáo dục của hai vợ chồng mình: Cần phải cày bừa lên, cấy nhờ sương mai từ trời, làm mọi việc có thể để chăm bón cho tốt, và rồi để Chúa trồng nên hoa và trái. Giáo dục thành sự với Chúa và vì Chúa.

Qua mẫu gương của mình, bằng hành động hơn là lời nói, ông bà Martin cho con cái thấy đời sống Kitô nghĩa là gì. Các con thấy cha mẹ mình cầu nguyện mỗi ngày. Louis, ‘vua’ của cả nhà, quỳ gối trước Chúa, và đó là cách để nói về Chúa với con cái mình, những cô bé ngưỡng mộ cha mình sâu sắc. Ông quỳ gối cầu nguyện đều đặn, đến mức một tối nọ, không thấy cha mình cầu nguyện, bé Têrêsa mới hai tuổi, đã phản ứng mạnh: ‘Tại sao cha không cầu nguyện vậy, cha?’

Thiên đàng hiện diện ngay trong nhà này, nên không cần phải nói nhiều, các cô con gái đã thấm đẫm tinh thần thiên đàng rồi. ‘Leonie lắng nghe vợ chồng chị nói về đời sau quá nhiều, nên con bé cũng bắt đầu nói về đời sau.’ Marie cho biết cha mẹ mình có một đức tin sâu sắc và khi nghe cha mẹ nói về sự bất diệt, các con có khuynh hướng xem mọi sự đời này là rỗng tuếch. Các cô con gái sớm noi gương cha mẹ trong sự nhiệt thành vì các linh hồn. Trong một lá thư, Zélie viết lại những gì Pauline viết với một sự công tâm về các bài giảng bé được nghe ở trường: ‘chúng thật quá đẹp, rất rất đẹp, nếu như một tội nhân mà nghe được thì thế nào cũng hối cải, không thể nào khác được.’

Các cô bé cũng noi gương cha mẹ mình trong sự hi sinh. Zélie tự hào kể lại Marie đã chịu đau giới thể nào trong phòng rãng, không kêu một tiếng, bởi bé đã quyết định dâng đau đớn của mình để cầu cho linh hồn ông bà đã qua đời. Và nếu Marie có thể hi sinh như thế, là bởi cô bé thấy mẹ mình dâng mọi hi sinh lên Chúa với cùng ý nguyện như vậy.

Ông bà Louis và Zélie không chỉ là tấm gương đời sống Kitô, mà cả hai người còn là hình ảnh sống động của Thiên Chúa cho con cái mình.

Têrêsa dễ dàng hướng về Chúa Cha, bởi thánh nữ từng có một người cha đầy tốt lành và triu mến. Trong các bài viết của mình, thánh Têrêsa hai lần giải thích lòng thương xót và tinh thần trẻ nhỏ, bằng hình ảnh một đứa trẻ mắc lỗi, thay vì trốn đi vì sợ bị phạt, lại lao vào vòng tay người cha, nơi cậu luôn được chào đón như trong dự ngôn người con hoang đàng.

Một trong những chuyện mà bà Zélie viết lại, sẽ cho chúng ta thấy rõ hơn về hình ảnh này. Một ngày nọ, Têrêsa giả vờ còn đang ngủ và giấu mình dưới chăn khi mẹ tìm cách hôn bé. Bà Zélie buồn vì không được hôn bé, và nói cho bé biết, Têrêsa vẫn còn giả vờ ngủ khi bà ra khỏi phòng.

‘Hai phút sau, chị nghe thấy bé khóc, và rồi quá kinh ngạc, khi bé lao đến với chị. Bé đã ra khỏi giường, đi chân trần xuống cầu thang, vương vãi trong váy ngủ quá dài so với bé.

Khuôn mặt bé đầy nước mắt. ‘Mẹ ơi,’ bé nói, quỳ sát chân chị, ‘Con xấu. Tha thứ cho con!’ Và bé nhanh chóng được tha. Chị bồng tiều thiên thần trên tay, ôm vào ngực và hôn khắp người bé. Khi bé thấy mình được đón nhận nồng ấm, bé nói ‘Ôi, Mẹ ơi, giá mà mẹ bọc chăn cho con thật chặt như khi con còn nhỏ! ... Chị đi tìm chăn cho con bé, và bọc thật kín như khi bé còn nhỏ. Chỉ cảm thấy như đang chơi với búp bê xinh xắn vậy.’

Têrêsa cũng làm như thế với Chúa và cũng được đón nhận nồng ấm. Ông bà Louis và Zélie đã mở ra con đường lớn để Têrêsa chạy.

Hai người không giáo dục con cái theo tâm lý, nhưng là theo Tin mừng, và Chúa Giêsu là điểm quy chiếu cho con cái họ. Chúng ta có thể thấy trong câu chuyện sau. Celine, lúc đó bốn tuổi, đang chơi trên đường thì một cô bé nghèo tiến đến và nhìn bé Celine kiêu chế giễu. ‘Đi đi,’ cô bé nhỏ nhà Martin nói, và cô bé kia nói là sẽ cho Celine ‘một chọi đáng đời.’ Bà Zélie khuyên bé Celine hãy tha thứ cho người gây hấn mình, một chuyện thật ngược đời như với những người thời Chúa Giêsu vậy. ‘Mẹ ơi, mẹ muốn con yêu thương cái kẻ hèn đánh con đến đỏ mặt à?’ Với lập luận không khoan nhượng của trẻ con, bé Celine tuyên bố, ‘Con thực sự không thích mấy người nghèo!’ Mẹ của bé nói rằng Chúa sẽ không vui với thái độ đó, bởi Chúa rất yêu người nghèo. Nhưng Celine cứng đầu và bỏ đi ngủ, mà chắc chắn là ngủ với lời cầu nguyện của mẹ rồi. Sáng hôm sau, cô bé nhỏ chạy đến với Zélie và tự hào tuyên bố: ‘Con có bó hoa đẹp dang Đức Mẹ và Chúa Giêsu tốt lành. Bây giờ con yêu người nghèo rồi!’ Ông bà Louis và Zélie tin rằng, vấn đề là ‘bước đầu tiên chọn giữa đường sự dữ và đường sự thiện. Sau đó bạn sẽ theo dòng mà đi.’ Ông bà Martin đồng hành với những bước đi đầu tiên của con, cả về nghĩa đen lẫn nghĩa bóng. Và với hai người, các bước đầu tiên trên con đường nhân đức quan trọng hơn bất kỳ bước nào khác. Thay vì dùng kẹo ngọt hay tiền xu để khích lệ con cái làm việc thiện, hai người lại đề ra những mục tiêu siêu nhiên cho các con: một người có tội hoán cải, Chúa Giêsu an ủi. Phương pháp này hiệu quả, trong những mục tiêu này, có cột trụ sống cho ‘đường nhỏ bé’ của thánh Têrêsa, là ‘làm đẹp lòng Chúa Giêsu.’ Ông bà Martin cũng đặt việc loại trừ tính kiêu ngạo lên hàng đầu. Thánh vịnh 19, 13 có viết, ‘Xin giữ tôi tớ Ngài khỏi những tội kiêu ngạo.’ Ông bà Louis và Zélie biết khiêm nhượng là con đường nên thánh và trau dồi nó bằng mọi cách có thể. Các lá thư của bà Zélie cho thấy bà kinh ngạc về

các con mình đến thế nào, nhưng lại giấu không cho các bé biết: ‘Những đứa trẻ mà cả thế giới mến mộ phải đấu tranh với tội kiêu ngạo hơn những đứa trẻ khác, nếu như không được cha mẹ khiển trách.’ Hai vợ chồng không bỏ qua cho tính tự phụ. Một ngày nọ, Marie rất nhạy cảm về tên tuổi và gia tộc, đã hái vài đóa hoa trong vườn nhà và cho biết muốn đem chúng đến trường. Cha cô bé, đoán được ý định thực sự của bé, đã quở trách nặng nề vì bé muốn nói những đóa hoa đẹp này là tài sản của mình. Bài học này đã ghi một ấn tượng sâu sắc.

Được rèn luyện từ nhỏ để biết phân biệt tốt xấu, các cô bé nhà Martin, phát triển được lương tâm nhạy bén. Ví dụ như Marie không thực sự vui mừng vì giải thưởng nhận được ở trường, bởi bé không chắc mình có xứng đáng hay không. Dù cho nhạy cảm là tốt, nhưng nhiều khi nó xáo lộn với sự ngại ngùng. Các cô bé không phải không bị ảnh hưởng bởi những câu nói sai lầm nhất định, như ‘Thiên đàng là cho con nít ngoan,’ hay ‘Nếu con phạm tội, Chúa sẽ không thương con nữa.’ Ông bà Louis và Zélie không phải là hoàn hảo, nhưng chúng ta cần biết đặt những lời nói như thế trong bối cảnh thời đại, khi mà những lời như thế là thường. Dù cho khá có hại với hoàn cảnh lòng đạo hời hợt, nhưng sẽ bớt nguy hại khi mà thái độ của người cha người mẹ biểu lộ sự tốt lành của Thiên Chúa.

Ông bà Louis và Zélie kinh ngạc thấy ánh sáng đức tin khơi lên trong lòng con cái mình: ‘Têrêsa cầu nguyện như thiên thần, quá đổi tuyệt diệu.’ Một đêm nọ, bà Zélie cho bé Celine bảy tuổi một phong sôcôla, nhưng bé không trả lời đáp lại bà. Về sau bé cho mẹ biết là bé quá bận ‘dâng lòng lên Chúa.’ Bà Zélie còn xúc động hơn bởi bà tin rằng ‘Chúa nghe lời cầu nguyện của con trẻ.’ Các cô bé nhà Martin được nâng lên thiên đàng từ khi chưa lọt lòng mẹ. Theo lời Celine, mỗi khi có thai, bà Zélie hiệp nhất với Chúa và cầu nguyện sốt mến quá đổi, nên không ngạc nhiên khi thấy khuynh hướng sốt sáng nơi các cô con gái một khi chúng đã có nhận thức.

Vợ chồng Martin linh động trong cách truyền đạt đức tin. ‘Chiều nay, chị bảo Leonie đi với chị để bày cho con bé vài kinh, nhưng không lâu thì bé nói với chị, ‘Mẹ ơi, nói cho con về cuộc đời Chúa Giêsu Kitô đi.’ Chị không định kể chuyện Chúa Giêsu cho bé, bởi chuyện dài làm chị mệt và chị luôn bị đau họng nữa. Cuối cùng, chị cũng cố để kể cho bé về cuộc đời Chúa. Khi đến đoạn thương khó, bé khóc ròng. Chị quá vui khi thấy những tình cảm này của bé.’

Ông bà Louis và Zélie hướng dẫn con cái hướng về đời sống Kitô sốt mến, nhưng đã làm một cách khôn ngoan. Bà Zélie lo ngại khi thấy mỗi sáng, con gái Marie mười lăm tuổi đi nhà thờ dự lễ sáu giờ sáng. Bà là người dậy trước bình minh, nhưng bà tin rằng như thế là quá sớm với con gái mình. Mà Marie đang trải qua một chút khủng hoảng tuổi dậy thì, và Zélie cảm thấy bé sẽ không nghe những lời khuyên của bà. Nên bà đến nhờ đến sơ Marie-Dosithee, người có ảnh hưởng lớn với cô bé, và là người đã thuyết phục được cháu gái mình là cô bé cần phải ngủ lâu giờ thêm chút nữa. Nhưng Zélie thán phục lòng sốt sáng của cô con gái đầu. Không cần ai thúc ép, Marie vẫn lần hạt mỗi ngày và vẫn đi lễ đều đặn. Ông bà Martin biết rằng chỉ có Chúa ban đức tin và không ai có thể ép buộc một đứa trẻ biết tin cả, nhưng ít nhất hai người đã cho con cái mình mọi cơ hội có thể để giúp ghi khắc ơn Chúa vào lòng các bé. Và họ đã thành công, bởi mỗi một cô gái nhà Martin, đều lớn mạnh một tình yêu mạnh mẽ dành cho Thiên Chúa, chuẩn bị cho các chị dâng hiến đời mình cho Ngài.

Một vài người sẽ tự hỏi không biết ông bà Louis và Zélie có đào tạo con cái với mục đích là làm cho các cô muốn đi tu hay không? Hai người chuẩn bị tương lai nào cho con cái qua nền giáo dục mà họ đã thực hành? Câu trả lời nằm ở tâm điểm lập trường giáo dục của họ. Con cái không thuộc về mình.

Vợ chồng Martin tin rằng họ là người được Thiên Chúa trao phó thẩm quyền lo cho con cái và ‘quyền tác giả’ là của Ngài, chỉ mình Ngài. Xác quyết này càng ăn sâu hơn nữa qua bốn ‘thiên thần’ nhỏ đã mất. Mỗi một đứa con đều được chào đón như phúc lành từ trời, bất chấp tình hình tài chính hay sức khỏe của hai vợ chồng có như thế nào. Thái độ của ông bà Martin là hình mẫu cho tất cả chúng ta, đón nhận sự sống cách quảng đại với lòng khiêm nhượng tin tưởng nơi Chúa. Đứa con sắp sinh là trai hay gái, không thành vấn đề với hai người. Khi em dâu cho biết là sắp sinh con gái, bà Zélie đã viết thư hồi âm, ‘Nếu em giống như chị, em sẽ không buồn gì về điều này, bởi chị chưa một phút thấy hối tiếc.’

Tuy nhiên, ông bà Louis và Zélie mong mỗi có một đứa con, có thể trở thành linh mục. Họ yêu dấu biết chừng đôi bàn tay nhỏ xinh của con trai đầu Joseph, bởi chúng dường như được tác thành để sau này cầm Minh Thánh Chúa vậy. Nhưng nếu cậu bé trưởng thành, chắc chắn ông bà sẽ để cậu tự do chọn con đường của mình. Hai người không chấp nhận kiểm soát chuyện sinh con cũng như kiểm soát tương lai của con cái mình, họ phó thác thời điểm con cái đến trong cuộc đời cho Chúa và đặt tự do vào tay con cái. Nhưng lúc mới kết hôn, mọi chuyện không hẳn như vậy. Bởi bản thân hai người không theo đường thánh hiến được, nên Louis và Zélie cầu nguyện rằng mọi đứa con của họ sẽ đi tu. Đây là lời cầu nguyện ngây thơ, bị ảnh hưởng bởi sự thất vọng của hai người khi theo đuổi ơn gọi tu trì. Lời cầu nguyện của họ vài năm sau đã thay đổi, khi hai người biến đổi nhận thức về ơn gọi gia đình của mình và ngày càng phó thác hơn vào ý Chúa.

Khi bà Zélie bắt đầu nghi là Maria đang có ý đi tu, bà đã viết cho Pauline: ‘Đừng nói gì với chị con, bởi chị sẽ nghĩ đó là ý muốn của mẹ, mà mẹ thực sự không muốn thế nếu như đó không phải là ý Chúa. Miễn là chị con theo ơn gọi mà Chúa ban, thì mẹ sẽ vui lòng.’ Trong khi đó, Marie đã kể ý định dần thân sống đời tu trì nhưng cảm thấy cha mẹ không ủng hộ mình lắm, và cô bật khóc khi cha mẹ mua cho cô một chiếc váy tuyệt đẹp, cô nghĩ ‘cha mẹ mặc cho cô như kiểu một cô gái muốn lấy chồng bằng mọi giá, và chắc chắn là cha mẹ sẽ yêu cầu cô theo đời sống hôn nhân.’ Bà Zélie đã khuyến khích các cô con gái của mình nên ra ngoài và dành thời gian với các đồng bạn cùng lứa tuổi. Một ngày nọ, sơ Marie-Dosithee rất sốc biết khi Marie được mời đến buổi gặp mặt của các cô gái trẻ. Nhưng bà Zélie phản ứng với cảm thức tốt thường lệ của mình: ‘Vậy Marie cần phải nhốt mình trong nhà kín chắng? ... Trong mọi sự mà ‘cô bé thánh thiện’ nói với chúng em, thì chúng em không phải là người quyết định.’

Ông bà Louis và Zélie chỉ muốn một điều, là các cô con gái được thánh thiện, cho dù sống đời sống thế nào. Đến cuối đời, bà Zélie đã chút dao động về đường hướng ơn gọi của hai cô con gái lớn, và nói rằng bà sẽ rất hạnh phúc nếu như thấy các con theo đường tu trì, nhưng ‘không phải là không đau đớn’ khi phải từ giã các con. Chính bà, chứ không phải ông Louis, mới là người không phải cảm nỗi đau chia xa. Thời gian trôi qua, sẽ cho thấy sự triển nở của năm cô con gái nhà Martin trong ơn gọi tu trì, những chọn lựa nằm ngoài diễn giải của con người. Chúng ta không thể không nghĩ đến căn nguyên thiêng liêng mà mỗi chị đã nhìn nhận là tiếng gọi yêu thương của Chúa.

Ông bà Louis và Zélie cho con cái mình tự do, cũng như phó thác hoàn toàn cho Đấng Tạo Hóa, chứ không phải muốn con cái phục vụ cho mình.

## **CHƯƠNG 5**

### **VIỆC KINH DOANH CỦA NHÀ MARTIN**

Hai vợ chồng Martin điều hành hai việc kinh doanh từ năm 1858 đến 1870. Thứ nhất là cửa hiệu chế tác đồng hồ và bán trang sức của ông Louis nơi tầng trệt của căn nhà gia đình ở Rue du Pont-Neuf. Ngôi nhà gia đình không nằm ở phần trung tâm của thành phố, nhưng ông Louis có khách hàng đều đặn, những người trân trọng tài năng và sự trung thực của ông. Ông chế tác và sửa đồng hồ, đồng thời bán nữ trang. Từ năm 1863, ông giúp một tay với vợ mình, khi bà ngày càng quá tải với việc làm đăng-ten. Năm 1870, ông đóng cửa tiệm của mình và hoàn toàn dành thời gian giúp vợ. Không phải là chuyện nhỏ, nhất là vào thời đó, khi người chồng bỏ nghiệp của mình mà dành hết thời gian cho công việc của vợ.

Thực sự, ngay từ khi mới khai trương, hoạt động kinh doanh của bà Zélie đã trên đà phát triển. Chính xác là thế nào? Cha Piat cho chúng ta biết: ‘Đăng-ten được làm theo một mẫu vẽ trên da bê khoảng bảy đến chín inch và được xoi những lỗ theo mẫu thiết kế. Các mảnh da này làm nền cho vải. Loại vải được dùng là sợi lanh cực kỳ mỏng manh. Và khi làm phải theo đúng số mũi đan cần thiết. Rồi phải tách từng mảnh, cắt bỏ những sợi chỉ thừa, sửa lại những chỗ hở không thể tránh khỏi, và bắt đầu ráp lại các mảnh với nhau. Đây là công việc tinh xảo... với những kim đan nhỏ xíu gần như không thấy được và những sợi chỉ mỏng, quá mỏng.’

Bà Zélie tự mình ráp các mảnh với nhau, nhưng về sau, bà cũng có thuê thêm hai thợ ráp. Bà gom các đơn hàng, thu mua vật liệu cần thiết cho những thợ ở nhà, và giám sát quá trình chuyển tay những mảnh vải giữa các thợ với nhau. Bà cũng góp tay, và chỉnh sửa mọi thứ. Còn ông Louis, từ năm 1863, lo việc kinh doanh và thương lượng với khách hàng, một việc mà trước đó bà Zélie nhờ cậy một công ty khác. Ông thường xuyên đến Paris để giao dịch với các cửa hàng khác, lấy đơn hàng, mua vật liệu, và vận chuyển hàng. Ông cũng lo kế toán, và thỉnh thoảng cũng cầm lấy kim đan.

Gia đình Martin thuê ít nhất là chín nhân công, và trả tiền cho họ ngay lập tức, bởi với bà Zélie, tri hoãn trả lương một chút thôi cũng giống như thiếu công bằng. Bà Zélie gặp các thợ vào ngày thứ năm, khi họ đưa đến cho bà các mảnh đăng-ten đã thêu và nhận việc mới. Thứ năm là một ngày đặc biệt bận rộn với bà, bởi Zélie thường xuyên có một bé ẵm trên tay và một bé nữa quần quanh mình. Nhưng kiểu này cũng tốt, bởi những người làm cho bà cũng là các bà bảo mẫu mà các bé rất thích thú.

Các nhân viên rất thích bà chủ Zélie. Bà Commin, một trong những nhân viên, nói rằng bà Zélie là người rất công bằng, tốt với nhân viên, can đảm và làm việc chăm chỉ, một vị thánh: Nếu có một nhân viên đau bệnh, Zélie sẽ đến thăm cô ấy vào ngày chúa nhật và cung cấp cho cô những gì cần thiết. Bà không để mình sa thải một nhân viên tồi. Cô Irma, thợ may, không chỉ làm việc tồi, mà còn nổi đùng đùng mỗi khi Zélie nhắc nhở dù chỉ là chút ít. Ông Louis, một người thực dụng không muốn giữ cô lại nữa, nhất là khi họ phải trả nhiều lương cho cô. Vợ ông cố gắng can thiệp, nhưng trước hết, bà phải vắng lời và thuê một người mới. Bà không thể chịu nổi những giọt nước mắt của Irma khi cô xin tha thứ, và cuối cùng bà nhận lại cô, thành ra có hai thợ may trong khi bà chỉ cần có một.

Bà Zélie có viết thư cho Isidore khi anh sẵn sàng mở một hiệu thuốc ở Lisieux, và chúng ta có thể cảm được cảm nghiệm thực tế của bà. ‘Chị thương cho em. Em đang chuẩn bị bước vào một cuộc đời đầy khốn khổ, lo lắng và công việc. Em thực sự cần phải can đảm và kiên nhẫn bởi như thế vẫn chưa đủ đâu. Em sẽ làm việc nhiều như các thầy dòng Xitô, nhưng phần thưởng thì ít hơn nhiều.’ Thật sự, Louis và Zélie vất vả với khối lượng công việc, họ vừa làm việc vừa chăm con suốt ngày, và thường ‘làm thêm

ban đêm với ánh đèn’ đến khá muộn. Những lúc kinh doanh bận rộn nhất, bà Zélie dậy từ bốn rưỡi sáng và cho đến mười một giờ. Người phụ nữ không mệt mỏi này kết luận: ‘Chị buộc phải làm nhiều, quá nhiều. Chị rất không hạnh phúc về điều này, và chị muốn được nghỉ ngơi một chút trước khi chết.’ Tuy nhiên, bà cũng cảm thấy ‘mọi chuyện càng tẻ, chị lại thấy càng có sức hơn.’

Bà Zélie hiểu được vấn đề khi làm chủ một ngành kinh doanh dễ bị tác động nguy cơ từ thời trang và kinh tế. ‘Cơn đau đầu đặng-ten Alencon làm cho cuộc sống chị thật khó khăn. Khi có quá nhiều đơn hàng, chị là nô lệ, kiêu nô lệ tẻ nhất. Khi mọi chuyện không tốt, và chị nợ đến 20.000 franc, phải để nhân viên đi tìm việc ở hãng đặng-ten khác, chị lo lắng, và nhiều đêm gặp ác mộng về chuyện này.’ Do bản tính lo lắng, nên đây là gian nan thực sự cho bà. Các lá thư của bà cho thấy bà chìm trong các đơn hàng, vậy mà vài tuần sau lại: ‘Việc kinh doanh của chị đang tẻ, rất tẻ, không thể nào tẻ hơn. Chị hoàn toàn tin rằng chị đã hết thời rồi.’ Dự đoán lầm này xuất hiện nhiều lần trong các lá thư của bà.

Dù than phiền về công việc, nhưng bà Zélie rất thích nó. Bà từng thử đi chơi, một việc rất hiếm, để làm mình ngừng công việc ra một chút, nhưng bà thấy chán ngay, bà viết, ‘Nói thật, chị rất không hạnh phúc nếu không được ngồi bên cửa sổ ráp các mảnh đặng-ten.’ Và đúng là bà yêu thích công việc, bởi khi viết những dòng này, bà đã có một công ty vận hành tốt, và bà đang mang thai Têrêsa. Bà Zélie thích cuộc sống đơn giản, làm việc bên cạnh chồng và con.

Và bà dành trọn bản thân cho công việc và gia đình. Bà còn nói rằng Chúa mời bà đừng giữ gì cho mình và bà phải cho đi toàn thời gian của mình. Bà nói điều này cho em trai mình với giọng hài hước:

Chị phải nói rằng chị không được may mắn lắm. Mỗi khi chị định đi chơi, thì lại có chuyện. Chị thường để ý thấy thế, nên chị bỏ luôn mọi hình thức thư giãn, và chị không muốn nghe ai nói gì về nó nữa. Cuộc đi chơi tuyệt nhất là ở Trouville. Và nó kết thúc thế nào? Ngay lúc chị bắt đầu thưởng thức nó, thì có điện tín đến làm nhà chị phải thay đổi hết mọi dự định.

Chị chắc chắn nếu trở lại Trouville, thì biển sẽ nhận chìm chị mất thôi. Vậy nên, bái bai Trouville, bái bai chuyện nghỉ ngơi.

Chúa không lên án chuyện nghỉ ngơi thư giãn, nhưng con đường hi sinh của bà Zélie thật khác. Bà muốn làm thánh, và Chúa cho bà con đường nên thánh hợp với bà. Các lá thư của bà qua nhiều năm tháng thật đầy ấn tượng. Bà luôn luôn cho đi, dù là cho gia đình, cho công việc, hay người nghèo. Bà thường nói rằng bà ốm vì kiệt quệ, nhưng bà vẫn tích cực đáp lời với các nhu cầu không ngớt của người khác. Con gái Têrêsa của bà về sau có viết, ‘Yêu thương là cho đi tất cả và cho đi trọn bản thân,’ và đó chính là cách mà bà Zélie yêu thương chồng mình, con cái, các khách hàng, nhân viên, và tất cả những ai gõ cửa nhà bà. Tất nhiên, bà cũng chịu nhiều đau khổ khi luôn luôn bị người này người khác kêu, và bà không giấu diếm chuyện này, nhưng bà không hối tiếc, cảm thấy rằng bà chỉ đang làm bổn phận của mình như một tôi tớ không xứng đáng (Lc 17, 10.)

Các kỳ nghỉ duy nhất mà bà Zélie để mình được hưởng, là những chuyến đi đến Lisieux cứ hai năm một lần. Đây là những thời gian vui vẻ. Các cô con gái đến thăm bà con, và người em trai, em dâu yêu dấu của bà Zélie đã chuẩn bị những chuyến dã ngoại và giải trí cho nhà Martin. Điều duy nhất khiến thiếu vui trong những dịp này, là không có ông Louis, bởi ông phải ở nhà để điều hành cửa hàng và chăm sóc cho các bé còn nhỏ. Về phần mình, ông cũng có các kỳ nghỉ của mình, một chuyến hành hương thường năm hay một đợt tĩnh tâm ngắn.

Mỗi ngày, Zélie càng phó thác mọi chuyện trong tay Chúa hơn, và cuối cùng, bà có một đức tin rất tiên bộ so với thời đó. ‘Chị cũng như em khi bắt đầu việc kinh doanh đăng-ten ở Alencon. Chị đến khùng lên vì nó, bây giờ chị biết lý lẽ hơn rồi. Chị ít bận tâm hơn và chịu đựng những việc phiền toái có thể xảy ra với chị. Chị tự nhủ là Chúa cho phép nó xảy ra, và chị không nghĩ thêm nữa.’ Ngay cả khi những rủi ro xảy đến trong việc kinh doanh, bà vẫn nhận ra bàn tay Chúa Quan Phòng: ‘Thiên Chúa, Đáng là Cha tốt lành và không bao giờ cho con cái mình những gì quá sức chúng, Chúa đã làm nhẹ gánh cho chị, và việc kinh doanh đăng-ten đã chậm lại rồi.’ Và bà cũng nhìn nhận, ‘Chị luôn luôn làm việc với hi vọng.’ Bà Zélie có thể nói với thánh Inhaxiô thành Loyola thế này, ‘Cầu nguyện với lòng mọi sự nơi tay Chúa, và làm việc với lòng mọi sự nơi tay mình.’

Khi Isidore gặp phải những khó khăn trong việc kinh doanh tiệm thuốc, Zélie đã viết thư cho em trai về những thấu suốt của mình trong công việc:

Chị cả đã nói cho chị biết về việc kinh doanh của em. Chị ấy nghĩ rằng em nên có đại diện ở một vài thành phố. Phần mình, chị nghĩ đó là cố gắng chuyện bất khả thi. Chị bảo chị ấy đừng có lo nghĩ nữa, và chỉ có một việc cần làm mà thôi: cầu nguyện với Chúa, bởi cả chị ấy lẫn chị đều không thể giúp được em. Nhưng Chúa, Đáng không bao giờ bị cản trở, sẽ kéo chúng ta qua khi Ngài nghĩ chúng ta đã chịu đựng đủ, và rồi em sẽ biết là cả em hay năng lực của em sẽ không làm được gì, chỉ có mình Chúa mà thôi, như trong trường hợp của chị với việc làm đăng-ten Alencon. Thật diễm phúc khi tin tưởng như thế, chính chị đã trải qua rồi.

Em biết là tất cả chúng ta đều có khuynh hướng kiêu ngạo, và chị thường để ý thấy những ai làm nên sự nghiệp là những người hầu hết là những người tự khen mình đến không chịu nổi. Chị không nói là chị đã thành công sự nghiệp, em cũng vậy, nhưng chúng ta cũng có thể bị thói kiêu ngạo đó chiếm lấy, và chắc chắn rằng sự phát đạt lên mãi đẩy người ta xa khỏi Chúa. Ngài không bao giờ để những kẻ Ngài đã chọn rơi xuống con đường đó, bởi trước đó họ đã được thử lửa trong đau khổ thanh luyện rồi. Em sẽ nói rằng chị đang giảng đạo, dù cho ý chị không phải vậy. Chị thường xuyên nghĩ về những điều này, và đơn thuần là đang chia sẻ với em. Nếu em thích thì cứ coi như nó là bài giảng vậy!’

Với tính hài hước và sự hoạt bát, bà Zélie đang nói từ chính kinh nghiệm của mình.

Nhờ làm việc cật lực và tin tưởng nơi Thiên Chúa, ông bà Louis và Zélie cuối cùng cũng có một gia sản nho nhỏ. Bà Zélie tin tưởng thành công của họ đặc biệt là nhờ hai người biết tôn trọng ngày chúa nhật, ngày của Chúa. Các bạn bè và ngay cả cha giải tội của ông Louis, cố gắng thuyết phục hai người làm việc ngày chúa nhật, nhưng đành bất lực. Chúa nhật là ngày mua bán ở vùng quanh Rue du Pont-Neuf, có nhiều người tập trung đến đó. Ông Louis có thể mua bán được nhiều thứ nếu ông mở cửa hiệu ngày chúa nhật, và lại ông cũng cần thêm tiền nuôi đàn con nữa. Còn Zélie, khi khối lượng công việc quá nhiều, bà có thể cho vui đi bằng cách làm việc ngày chúa nhật thay vì cứ phải thức khuya làm việc suốt cả tuần. Nhưng hai Kitô hữu đầy đức cậy này, những người đã trao phó mọi sự vào tay Chúa, không thấy lợi ích gì khi phạm giới răn của Chúa. Sách Xuất hành đã viết, ‘Người hãy nhớ ngày sa-bát, mà coi đó là ngày thánh. Trong sáu ngày, người sẽ lao động và làm mọi công việc của người. Còn ngày thứ bảy là ngày sa-bát kính ĐỨC CHÚA, Thiên Chúa của người. Ngày đó, người không được làm công việc nào.’ (Xh 20, 8-10)

Tôn trọng ngày của Chúa có nhiều ý nghĩa với nhà Martin. Để không phải vướng vào công việc với những người khác trong ngày chúa nhật, ông Louis tránh đi tàu và bà Zélie tránh mua bán trong ngày này. ‘Chị rất thường xuyên thấy ngưỡng mộ sự cần trọng của anh Louis, và tự bảo mình, ‘Đây là người



không bao giờ cố để làm giàu. ... Chị không thể nghĩ tài sản mà anh có được là do điều gì ngoài ơn đặc biệt Chúa ban, hoa trái của việc anh cung kính giữ ngày chúa nhật.' Bà cũng dự báo một ơn Chúa tương tự cho em trai Isidore, lúc đó đang gặp nhiều chuyện phiền phức, nhưng giống Louis, cũng là người tôn trọng việc nghỉ ngơi ngày chúa nhật.

Tuy nhiên, với vợ chồng nhà Louis, thì ngày chúa nhật thiêng liêng bao nhiêu thì cũng vất vả bấy nhiêu. Họ đi dự thánh lễ sớm, rước Minh Thánh Chúa, rồi đi lễ chính ngày, đôi khi đi cả lễ ba để được thêm ơn. Đây không phải là chuyện lạ vào thời đó.

Buổi trưa cả nhà cùng ăn một bữa thịnh soạn, và rồi nếu các cô con gái đã ngủ hay chơi nhẹ nhàng, thì bà Zélie bắt đầu viết thư và ông Louis đọc sách. Sau kinh chiều và đi dạo, mọi người về lại nhà thờ để Châu Thánh Thể. Sau khi cùng chơi đùa với nhau trong buổi tối, cả nhà cầu nguyện chung, kết thúc một ngày (mà riêng với Zélie, ngày đó chỉ xong khi bà viết được hết lá thư cần gửi.)

Với một tài sản nhất định, Louis và Zélie có thể giảm bớt nhịp độ công việc kể từ năm 1872. Họ có thể bán việc kinh doanh đăng-ten và hưởng thời gian nghỉ hưu êm đềm. Nhưng đã không làm thế vì hai lý do chính: Thứ nhất, và đây là do họ quyết, họ không muốn các nhân viên của mình bị mất việc. Thứ hai, một lý do mơ hồ hơn. Bà Zélie có vẻ lo lắng quá kỹ khi muốn bảo đảm tài chính tương lai cho các cô con gái. Có thể hiểu sự lo lắng hơi quá mức này của bà khi biết được sự thiếu thốn mà bà đã trải qua khi còn là một đứa trẻ. Marie dần thấy không thích công việc của mẹ mình, một việc cô xem như thể nô lệ, và việc bà Zélie quyết định làm việc cho đến tận những ngày cuối đời khiến nhiều người thấy thất vọng.

Ông bà Louis và Zélie không bao giờ làm việc để thu tích của cải, họ cũng không muốn leo thêm trên nấc thang xã hội. Mục tiêu duy nhất của họ là để có thể nuôi dạy con cái và mở ra những cánh cửa tương lai cho chúng: 'Cha chúng và chị phải làm việc để kiếm của hồi môn cho chúng, nếu không, khi lớn lên các con sẽ không vui vì vợ chồng chị!' Vài năm sau bà nói: 'Chị thật ngu ngốc khi muốn bỏ công việc, bởi chị có năm đứa con mà chị cần giúp chúng xuất phát trong đời. Chị cần phải làm hết sức có thể cho các con.'

Ông bà Louis và Zélie không phải là những người trọng vật chất. Khi Marie mười mấy tuổi, bắt đầu ghen tị với căn nhà của các bạn giàu có, Zélie đã viết: 'Marie mơ có được những thứ khác mà nhà chị không có. Nếu bé được những thứ khác đó, thì rồi bé sẽ thấy còn trống rỗng hơn nữa. Về phần mình, chị hình dung nếu chị ở trong một lâu đài tráng lệ xung quanh đầy những người lòng trí nơi thế gian, thì chị sẽ thấy trống rỗng hơn nhiều so với được ở một mình nơi phòng gác mái nhỏ, quên đi thế gian hay để thế gian quên mình.' Theo Zélie, chỉ mình Thiên Chúa mới đủ đầy chúng ta.

Vợ chồng Martin biết mình không thể vừa phụng sự Thiên Chúa vừa phụng sự tiền bạc được, và hai người có thái độ cân bằng đặc biệt về vấn đề tài chính, không khinh rẻ cũng không tôn thờ tiền bạc. Họ biết là trong ơn gọi làm giáo dân và cha mẹ, thì sự nghèo khó thiêng liêng không hề tại ở việc không có thứ gì, nhưng là ở việc sử dụng tiền bạc hợp lý cho mình và quăng đại với người khác. Không như các bạn bè, một khi ông bà Louis và Zélie có được một gia sản, họ không thay đổi lối sống đơn sơ của mình. Áo quần của họ luôn sạch sẽ, đồ đạc chất lượng nhưng không mắc tiền, họ ăn bình thường, và ăn ngon hơn vào các ngày lễ hay khi có khách. Tuy nhiên, họ không chấp nhận những khoản chi không cần thiết cũng như những thứ gì xa hoa. Hai người thường lặp lại câu trong Gương Chúa Kitô, 'Có dư dật những thứ đời này không phải là hạn phúc, một phần vừa phải là đủ rồi.'

Ông Louis lo về tài chính trong nhà. Ông quyết định phân bổ tiền cho các khoản chi, đầu tư, và quà tặng. Bà Zélie đưa tiền để ông giữ, và cảm thấy thoải mái khi 'xin' ông. Ví dụ như, sau chiến tranh 1870, bà

nài ni ông bán một phần đất ven sông của ông. Ông Louis biết đây là một bước đi không khôn ngoan, nhưng ông vẫn rộng rãi giao nó cho vợ, bởi khoản tiền bán đất sẽ giúp được cho gia đình cậu Isidore đang gặp khó khăn vì chiến tranh. Và bà Zélie cũng không giấu giếm rằng mình không có tài trong việc tài chính. Do đó, bà nhờ cậy hết nơi chồng mình điều hành tiền của gia đình. Về các khoản chi nhỏ, như may áo quần cho con cá, bà là người chi tiền. Ông Louis hay chọc bà về chuyện này. Một ngày nọ, khi bà phải mua một cả tủ quần áo cho các con, bà viết: ‘Nói ngắn gọn, ngày nào mẹ cũng phải mua áo quần! Cha của con nói rằng mẹ đam mê mua sắm! Mẹ chẳng đặng đừng phải làm vậy, và thật phí công khi muốn giải thích với cha con như thế bởi ông khó mà tin điều này. Nhưng cha con tin tưởng nơi mẹ, và biết rõ là mẹ sẽ không làm cha con khánh kiệt!’

Trong việc kinh doanh, ông bà Louis và Zélie là người lương thiện, và thà để mình bị lừa hơn là bòn rút của ai đó dù chỉ một chút. Khi cha của bà Zélie không chịu trả tiền cho người thầu khoán, thì người này đến tìm con cái của ông để đòi tiền. Ông bà Louis và Zélie không chỉ giải quyết vấn đề ngay lập tức không cần tính toán, nhưng họ còn không muốn Isidore phải dính líu vào việc này. ‘Chồng chị bảo, ‘Anh nhất quyết rằng Isidore không phải trả gì, bởi cậu ấy đã quá tốt với em.’ Chị kể chuyện này với em để em thấy anh Louis tốt đến thế nào.’ Ông Louis đã bán cửa hiệu đồng hồ cho người cháu vào năm 1870, cùng giá như khi ông đã mua hai mươi năm trước. Xét về lạm phát và sự thật là việc kinh doanh càng lâu thì càng có giá, thì hành động của ông thực sự quá rộng rãi.

Gia đình Martin không bao giờ thôi cho mượn tiền, cho Isidore để anh đầu tư kinh doanh, cho các doanh nhân khác làm việc với họ, cho những người đang cần kíp, cho những cửa hiệu đang có nguy cơ đóng cửa ...và tất cả đều không lấy tiền lời. Họ là những chủ nợ rộng rãi. Khi chiến tranh xảy ra, với nguy cơ họ có thể mất mọi thứ, nhưng hai người đã không chịu đi đòi nợ. Dù cũng đang khó khăn, nhưng họ có sự đồng cảm.

Trong những giai đoạn tiền bạc không dư giả, nhà Martin vẫn luôn để riêng một khoản cho người nghèo, để làm các việc từ thiện và quyên góp cho Giáo hội. Có một trận lũ mới xảy ra ở Lisieux ư? Nhà Martin ngay lập tức gửi tiền đến hỗ trợ cho các nạn nhân thiên tai. Năm 1885, ông Louis đã viết, ‘Cho đi, luôn luôn cho đi, và làm cho ai đó hạnh phúc.’ Đây hẳn cũng là châm ngôn sống của ông.

## **CHƯƠNG 6**

### **VỢ CHỒNG TRUYỀN GIÁO**

Ngày phong chân phước của ông bà Louis và Zélie diễn ra vào một ngày đặc biệt, 19-10-2008, Ngày Truyền giáo Thế giới. Sứ mạng thấy rõ của ông bà Martin là trao truyền sự sống và giáo dục con cái trong đức tin, và chúng ta đã thấy hai người thành công thế nào trong việc này, nhưng ông bà Louis và Zélie có thể gọi mình là con người sứ mạng theo nghĩa rộng hơn nữa, là nhà truyền giáo.

Hai người tin rằng mỗi một người mình gặp gỡ đều là do Đấng Quan Phòng gửi đến. Nếu có ai đang cần kíp, họ sẽ giúp nhiều hết sức có thể, hai người noi theo gương Chúa Kitô, chữa lành người bệnh trước khi nói với họ về Nước Trời.

Ông bà không giới hạn việc bác ái theo kiểu dành một khoản phần trăm chi tiêu nhất định rồi gởi đến cho các hiệp hội từ thiện. Nhưng, ông bà Louis và Zélie trao đi hết bản thân mình, cả trong những lúc bất tiện cho họ. Có rất nhiều ví dụ để cho chúng ta thấy.

Một ngày nọ, ông Louis đi ngang qua một gia đình vô gia cư trên đường phố. Ông đưa họ về nhà, và bà Zélie cho họ ăn, nói chuyện với họ trong khi chồng bà tất tả đi tìm một công việc cho người cha. Sau khi được trở lại cuộc sống bình thường, gia đình nọ biết ơn nhà Martin, và nhân dịp bé Têrêsa ra đời, họ gởi đến một vàng thớ, với lòng tri ân: ‘Chồi non mới nhú, một ngày kia sẽ là đóa hồng.’ Không còn lời nào tốt đẹp hơn thế.

Ông Louis có vài lần không ngại xông vào can hai người đang đấu dao với nhau, và ông là một tay bơi cự phách từng cứu vài người khỏi chết đuối. Ông là lính cứu hỏa tại chỗ mỗi khi nghe chuông báo cháy, và ông đã cứu một bà lão khỏi cơn hỏa hoạn. Biết khuynh hướng hành động anh hùng của Louis, gia đình ông rất lo lắng mỗi khi con người luôn đúng giờ này về muộn, tự hỏi liệu ông có lao mình vào việc mạo hiểm nào không.

Có lần đến ga tàu lửa, thấy một người ăn xin không ai cho tiền, ông bèn giở mũ ra, đặt vào một khoản tiền rộng tay, rồi đi quanh các du khách khác, xin tiền thay cho người ăn xin. Và ông không chỉ giúp đỡ cho ‘những người nghèo dễ nhìn’ mà thôi. Khi thấy một công nhân say rượu ngã trên đường, và mọi người đều lướt qua xa lánh, ông Louis bèn đỡ ông ta dậy và đưa về nhà. Ngày hôm sau Louis trở lại để nói chuyện với ông này, cố thuyết phục ông đừng uống rượu nữa.

Bà Zélie cũng đầy lòng nhân ái. Về sau Celine cho biết, cũng như cha, mẹ Zélie lo nghĩ nhiều đến người nghèo thuộc mọi hoàn cảnh khốn khó, bà không bao giờ sợ phiền phức, không bao giờ đặt giới hạn cho lòng quảng đại của mình. Bà Zélie thường đưa những người bất hạnh về nhà, và còn cho họ tiền.

Một ngày nọ khi đang đi tàu, bà Zélie thấy một bà với con cái, đang mang vác nặng nề. Bà không chỉ giúp bà ấy trong chuyến đi, mà còn đi về thăm nhà bà ấy, và chỉ về đến nhà lúc nửa đêm. Khi ông Louis đến gặp bà Zélie ở ga tàu, ông đỡ hành lý dùm cho bà kia, và còn bồng thêm một đứa trẻ của bà ấy trên tay. Về sau, bà Zélie viết thư cho em dâu rằng, ‘Chị bảo anh ấy là chị tìm thấy một bé gái, và chị muốn đưa bé về tận nhà. Anh ấy có vẻ không vui lắm,’

Tính cách thẳng thắn, quảng đại của bà Zélie còn rõ ràng hơn trong một trường hợp khác. Năm 1875, sau khi không được nhận vào trường Dòng Đi viêng, Leonie được cho theo học kèm với hai nữ tu sống ở Alencon. Các sơ cũng đang nuôi dạy một đứa trẻ, Armandine, và thường nài nỉ bà Zélie cho quà. Bà Zélie nhanh chóng đoán con gái của bà bị suy dinh dưỡng, nên ngày nào bà cũng bảo Leonie đem theo món ngon để ăn. Bà còn bảo các sơ là bà có thể tự lo được cho bữa ăn của bé Leonie. Nhưng rồi bà khám phá ra là cả bé Armandine cũng bị ngược đãi. ‘Chị quá phần nộ đến mức không muốn ăn gì.’ Bà đi tìm mẹ của bé Armandine ngay lập tức. Bà Zélie viết thư cho hai sơ để nói về sự ghê tởm của mình, nhưng bà cũng tìm cách xử lý hai sơ lợi dụng này. Một trong hai người tìm đến nhà Martin.

‘Bà ta đến với một vẻ tử tế, mà chị không thể tả nổi cho em. Bà ta cố gắng khóc lóc, bảo đảm với chị đến mức chị có thể nghĩ bà ta là một vị thánh, bà bảo bà muốn hạ mình trước chị và làm cho chị tỉnh ngộ. Chuyện này diễn ra trong khoảng mười lăm phút. Và chị trả lời, ‘Nhưng sơ à, sơ nói bằng giọng điệu của một vị thánh, không có thánh nào nói hay hơn sơ cả.’ Mặt bà ta đỏ lên. Bà nghĩ bà đã chiếm được cảm tình của chị với sự khiêm nhượng vừa rồi, và chị sẽ lao ngay vào chân bà ấy. Nhưng chị nói tiếp, ‘Vậy thì, sơ à, sơ có hối hận vì những chuyện sơ đã làm tình làm tội đứa bé đó không?’ Mặt bà ta lộ vẻ hung bạo, và tuyên bố rằng những lời buộc tội của chị là không đúng sự thật. Chị lạnh lùng, không

giận dữ, trả lời bà ấy rằng, mọi việc chị cáo buộc bà ấy trong thư là có thật, và bà ta bỏ đi, cố gắng kìm lại cơn giận hết sức có thể.’

Bà Zélie không bị bộ áo dòng lừa phỉnh. Bộ áo dòng không làm nên người tu sỹ, và bà khám phá được rằng hai bà sơ ở Alençon chưa bao giờ thực sự là nữ tu. Bị đuổi khỏi giáo xứ, hai bà này mang áo dòng một cách trái phép, và lợi dụng bé Armandine để bảo đảm cho tiện nghi cuộc sống của họ. Nhưng bà Zélie là người duy nhất thấy rõ mưu chước của họ, và hai bà sơ già này, vẫn giả vờ làm những vị thánh, bắt đầu đồn đại những chuyện xấu về bà Zélie. Mẹ của bé Armandine, tìm đến với Zélie và cho bà biết: ‘Em vừa đến chỗ các sơ. Em ôm con em và cố gắng đưa bé đi. Khi em ra đến cửa, hai sơ mở cửa sổ và bắt đầu hét lên, ‘Cứu! Chặn kẻ bắt cóc lại!’ Một đám đông vây đến, và bốn người đàn ông to lớn giật lấy đứa trẻ khỏi tay em, còn hai bà sơ thì phun ra cả cơn lũ những lời nhục mạ chống lại chị, và cả em nữa!’

Sau nỗ lực cuối cùng muốn nói lý lẽ với hai bà này, và sau một đêm thức trắng cùng cầu nguyện lâu giờ, và Zélie quyết tâm đi đến đồn cảnh sát, cùng với ông Louis và bà mẹ đáng thương kia. Thật là một chuyện khó cho bà Zélie, người không thoải mái lắm nơi công cộng, và không thích chuyện xung đột. Hai bà sơ già đã khủng bố Armandine để bắt bé im lặng, và đã bắt bé uống rượu để trông có vẻ thoải mái. Hai bà này dùng hết cái vẻ thánh thiện giả của mình, và viên cảnh sát cũng bắt đầu ngã theo. Bà Zélie tin rằng có khi chính mình mới là người bị tổng giam. ‘Chị thấy mình đang có nguy cơ bị cáo buộc là cáo gian, và nếu họ có cớ chân tay chị, thì chị tin rằng cũng chẳng có giọt máu nào đâu.’

Rồi bà bỗng nảy ra ý tưởng là hỏi chuyện riêng với bé Armandine. Không còn bị tác động bởi những cái nhìn tra tấn, đứa trẻ xác nhận tất cả những gì bà Zélie đệ trình. Bà Zélie được giải thoát, nhẹ nhõm cả người, còn hai bà sơ già thì tuôn ra hàng loạt câu kích động rửa xả bà trước sự phẫn nộ của tất cả mọi người. Viên cảnh sát can thiệp, và mọi chuyện kết thúc tốt đẹp, khi đứa trẻ được trả lại cho mẹ.

Mọi người được tỉnh ngộ nhờ bà Zélie, nhưng bà thấy đây không phải là việc mình làm cho bằng Chúa làm, bởi bà đã cầu nguyện sốt sắng và nói, ‘Lạy Chúa, con tin, Chúa lo đến chuyện này.’ Sau vụ việc, hai bà sơ già loan tin vu khống về nhà Martin, và dù cố gắng, Zélie cũng không thể ngăn bé Armandine bị biến thành công cụ chống lại mình.

Bà Zélie kết luận với đức tin rằng: ‘Chị phải thừa nhận là chị không được chút may mắn nào, và trên mức độ con người thì thật không còn gì khích lệ để cố làm việc thiện nữa. Nhưng nếu như chuyện đáng buồn này cho chị một cái nhìn thương xót từ trời, thì chị thấy mình đã được bù đắp đủ rồi.’ Theo tự nhiên, bà Zélie muốn các nỗ lực của mình được nhìn nhận và bà khá nhạy cảm khi được biết ơn. Bà nói rằng bà thường không được những người bà giúp đỡ cảm ơn, nhưng thay vì chua cay, bà lại làm lợi bằng cách hướng về Chúa. Sau cùng, bà làm việc vì Chúa chứ không phải vì sự biết ơn của mọi người.

Ông bà Louis và Zélie biết rằng sự giúp đỡ giá trị nhất họ có thể đem lại, là về mặt tinh thần hơn là vật chất. Ôn cứu độ các linh hồn là ưu tiên hàng đầu, và lời cầu nguyện là vũ khí mạnh nhất của họ. Sự thờ ơ lòng đạo khiến hai người buồn, nên ông bà không ngại ngần làm chứng cho đức tin của mình. Khi ông Louis được mời đến một sự kiện siêu linh (kiểu huyền bí) với các bàn xoay, ông đến nhưng không vì hiếu kỳ. Bị ép tham dự, ông từ chối thẳng thừng và bắt đầu cầu nguyện thầm. Đêm đó chiếc bàn không xoay được chút nào, và một vài người đổ tại ông, còn số khác được đánh động bởi thái độ của ông, đã học được một bài học.

Hai vợ chồng Louis và Zélie đặc biệt để tâm đến sự hoán cải của những người có tội sắp chết. Họ hiểu bờ vực cheo leo này. Khi nghe cậu Isidore nói về một thanh niên sắp chết mà không chịu sám hối, thì cả nhà cùng nhau tìm cách. Họ cầu nguyện, đi lễ, ký thác trường hợp này cho thánh Giuse, và bà Zélie làm

một tuần cửu nhật, cuối cùng người thanh niên đã xin nhận các bí tích chỉ vài giờ trước khi chết. Và chuyện này không hiếm. Vợ chồng nhà Martin cùng nhau tìm cách bảo đảm các nghi thức cuối cùng cho bất kỳ ai hấp hối trong vùng. Ông Louis thường sắp xếp các bí tích cho những người hấp hối ở một nhà từ thiện mà ông góp tay mở đã lâu.

Khi một bà hàng xóm lâu nay không giữ đạo, giờ sắp chết, bà Zélie rất đau buồn: ‘Chúa con ơi, quá buồn khi thấy một nhà không có đạo! Chết như thế thật khủng khiếp quá chừng! ... Con xin Chúa thương tình đón nhận người đàn bà này, bà ấy quá tội nên có thể được miễn thứ.’ Bà Zélie bảo đảm cho bà này được xúc dầu, và chăm cho hai đứa con của bà ấy trong nhà mình. Lời cầu nguyện của bà đã được đáp lời. ‘Fernande (con gái bà ấy) nói với chị là mẹ của bé đã cầu nguyện ngay trước giờ chết. Chúa nhân lành đã tỏ lòng thương xót với bà.’ Bà Zélie cầu nguyện cho hai đứa trẻ mới mất mẹ, còn ông Louis thì lo lắng các việc mai táng.

Bằng chứng tá, lời cầu nguyện, và hành động, ông bà Louis và Zélie đã loan báo Tin Mừng cho những ai mà họ từng gặp gỡ. Nhưng xung lực truyền giáo còn đưa họ đi xa hơn nữa, khi hiệp chung với ý của Giáo hội Hoàn vũ. Hằng năm, ông Louis dâng tặng một khoản rộng rãi cho các Hiệp hội Truyền giáo Giáo hoàng, và ông bà để tâm theo dõi các chuyến đi truyền giáo của thời đại mình. Hai người cũng chung phần qua lời cầu nguyện, ví dụ như bà Zélie đã đăng ký vào một hiệp hội cầu nguyện cho ơn hoán cải của những người Đông phương.

Vợ chồng nhà Martin mơ có một đứa con trai, không phải chỉ làm linh mục, nhưng còn là nhà truyền giáo. Chúa đã nhậm lời khát khao truyền giáo của hai ông bà, nhưng theo cách riêng của ngài, một cách không ngờ tới, khi vượt quá hi vọng của vợ chồng nhà Martin, con gái của hai người được Giáo hội tôn phong là thánh bổn mạng

## **CHƯƠNG 7**

### **THỜI GIAN NAN THỬ THÁCH**

Có lẽ do khối u chớm xuất hiện, nên từ năm 1866, bà Zélie không còn có thể cho con bú được nữa. Nhà Martin buộc phải thuê các bà bảo mẫu cho bú, nhưng không dễ tìm được người vừa có thể cho bú, vừa chăm sóc tốt đám trẻ. Thời đó báo chí thường kể chuyện các bà vú làm cho trẻ bị chết. Nên ông bà Louis và Zélie phải hao tâm khổ tứ tìm kiếm một ‘viên ngọc quý.’ Cuối cùng họ tìm được Rose Taille, một bà nông dân sống ở Semalle, cách Alencon khoảng năm dặm. Bà chăm sóc cho hai cậu Joseph, Celine và Têrêsa.

Khoảng cách không ngăn được bậc cha mẹ nhà Martin, những người quyết tâm vì sự sống và hạnh phúc của con cái. Hai người thường đi mười dặm, có khi cả hai mươi dặm, mỗi khi có đứa con bị đau. Trong một lần như thế, Zélie kể: ‘Em không tưởng tượng nổi chị không mất chút thời gian nào để mặc áo và lên đường đến vùng ngoại ô trong một đêm lạnh nhất, bất chấp trời mưa tuyết. Chị không bảo chồng đi

cùng, bởi chị không cảm thấy sợ gì hết. Chị có thể tự đi qua rừng, nhưng anh ấy không để chị làm thế mà không có anh bên cạnh.’

Những lần phải chia tay con cái đều là cơn đau xé lòng, và chúng ta có thể hình dung bà Zélie cảm thấy thế nào khi bé Têrêsa được đưa từ Semalle về thăm mẹ, nhưng lại không nhận ra bà, và bà cứ khóc suốt đến khi giao lại bé cho người vú nuôi. Những cuộc chia ly đau đớn này chỉ là báo trước cho một sự chia ly còn tàn khốc hơn nữa. Trong vòng ba năm, nhà Martin đã phải chôn cất năm người. Cha của Zélie, và bốn người con của bà.

Đầu tiên là Joseph bé nhỏ, sinh năm 1866. Đứa con trai đầu này là niềm vui cho ông bà, và Zélie đã tưởng tượng cảnh mình ngồi trên ghế đẩu để đọc sách cho con mình. Nhưng đứa Rose Taille có chăm sóc tốt, bé Joseph đã qua đời lúc mới năm tháng tuổi vì chứng viêm ruột.

Tài liệu duy nhất chúng ta có về sự kiện khủng khiếp này là thư hồi đáp của sơ Marie-Dosithee khi biết tin về cái chết của bé Joseph, một lời đáp mà chỉ có đôi tai đầy lòng đạo của vợ chồng Martin mới nghe nổi. ‘Em yêu dấu, chị biết làm sao để an ủi em đây? . . . Chúa ban bé cho chúng ta, và Chúa lấy đi. Chúc tụng danh Chúa! Sáng nay, khi rước lễ, chị đã cầu nguyện xin Chúa cho chúng ta giữ lại bé Joseph, đứa trẻ mà chúng ta chỉ mong muốn nuôi dưỡng vì vinh danh Ngài và vì lợi ích các linh hồn, nhưng dường như trong lòng chị nghe được câu trả lời này, là Chúa muốn các hoa quả đầu mùa, và Ngài sẽ cho các em một đứa con khác về sau đúng như những gì chúng ta mong mỏi.’

Dường như lời đáp cho lời cầu nguyện này, là một bé trai thứ hai, cũng được đặt tên là Joseph, sinh vào tháng mười hai 1867. Bé cũng cần được gửi đến bà vú, nhưng cũng qua đời vào tháng tám năm sau. Sơ Marie-Dosithee một lần nữa, viết thư an ủi, ‘Chúa của nhà chí thánh đến nhận lấy chú bò câu bé nhỏ để đưa lên thiên đàng, vậy nên chúng ta hãy vâng theo ý Ngài.’

Và bậc cha mẹ đau đớn không có được chút thời gian để vui đi con thống khổ, bởi chỉ mười ngày sau, cha của Zélie cũng qua đời. Bà cha bao giờ xa cách cha mình quá lâu, và gắn bó với con người cộc cằn nhưng tốt tính này. Bà viết, ‘Lòng chị đau đớn với u sầu, nhưng cũng đầy an ủi từ trời.’ Phản ứng của bà cho chúng ta hiểu rõ đoạn văn của Madeleine Delbrel: ‘Chúng ta biết cái chết thật trọn mỗi khi phải xa rời vĩnh viễn những người yêu dấu. Ngay cả khi hiệp nhất trong đức tin và đức cậy, cũng như tình yêu dành cho họ củng cố cho niềm vui của chúng ta khi biết rằng họ đang trên đường về nhà, thì xác thịt của chúng ta dường như đang chết đi một phần trước cơn kinh hoàng của cái chết, của sự tăm tối và lạnh lẽo mà đến Chúa Giêsu cũng phải khóc.’ Bà Zélie thì mô tả thế này:

‘Hôm thứ bảy, chị đi khắp nơi để tìm cha. Có vẻ chị sẽ tìm được, chị không tin là đã phải chia lìa cha chúng ta ... Hôm qua, chị đến nghĩa trang. Nếu có ai thấy chị hẳn họ sẽ nói, ‘Đây là con người lãnh đạm nhất thế giới.’ Chị quỳ trước mộ cha, mà chị lại không thể cầu nguyện.

Cách mộ cha vài bước, chị lại quỳ trước mộ hai thiên thần nhỏ của chị, chị cũng có sự lạnh lẽo tương tự như thế.

... Chị đi cùng con đường mà năm tuần trước chị đã từng đi với thiên thần nhỏ và cha chúng ta. Chị không thể nói nổi cảm giác của chị. Chị không để ý đến bất cứ thứ gì chung quanh mình. Chị nhìn những nơi mà cha chúng ta thường ngồi, chị đứng đó mà đầu óc trống rỗng. Chưa bao giờ trong đời, lòng chị lại đau đến thế. Về đến nhà, chị không ăn nổi. Có vẻ như nếu có thêm cơn bất hạnh nào xảy đến nữa, thì chắc chị sẽ mất hết cảm giác. ‘

Một tháng sau, lại một lần chia lìa nữa. Ông bà Louis và Zélie gởi hai người con gái lớn đến trường nội trú ở Tu viện Đức Mẹ Đi viêng. Tất cả những gian nan khắc nghiệt này đã tác động đến sức khỏe của bà Zélie - nhức đầu, đau răng, mất ngủ, và chán ăn. Bà phải đi qua những giai đoạn trầm cảm này. Bà chăm chăm hướng về một điểm mà nhiều người cho là mong muốn được sum họp với những người thân yêu đã qua đời. Phản ứng của người mẹ chăm chỉ làm việc là, ‘Chị không có thời gian để chết, chị có quá nhiều việc để làm lúc này!’ Thật vậy, điều hành việc nhà khiến ông bà Louis và Zélie không còn thời gian để chìm trong buồn phiền, một việc không hợp với tính khí của hai người.

Mười tám tháng sau, cái chết một lần nữa lại đến gõ cửa nhà Martin, đưa đi bé Helene đáng yêu lúc vừa mới năm tuổi, ngày 22 tháng hai 1870. Helene đã tiêu tụy đi trong vài tháng, và rồi là khó thở, chết đột ngột. Theo bà Zélie thì:

‘Bé [Helene] đang nhìn vào lọ thuốc mà bác sỹ đưa, và bé muốn uống, nói rằng khi uống hết thì bé sẽ lành. Rồi đến 9giờ45 bé nói với chị, ‘Đúng rồi, con sẽ lành sớm, đúng rồi, lành ngay lập tức ...’ Ngay lúc đó, lúc chị đang ôm bé, đầu bé gục trên vai chị, đôi mắt nhắm lại, và năm phút sau, bé đã ra đi ... Điều này để lại trong chị một ấn tượng không bao giờ quên được. Chị không ngờ cái kết đột ngột đến thế, chồng chị cũng vậy. Khi anh trở về và thấy cô bé nhỏ đã chết, anh khóc và kêu to ‘Helene bé nhỏ của cha! Helene bé nhỏ của cha!’ Rồi anh chị dâng bé lên Chúa. . . . Trước khi chôn bé, chị ngồi cả đêm bên thiên thần nhỏ tội nghiệp, khi chết bé còn đẹp hơn nữa. Chị là người mặc áo cho bé, và đặt vào hòm. Chị nghĩ chị sẽ chết theo mất khi mặc áo cho bé, nhưng chị không muốn ai khác chạm vào bé ... Chị sẽ đau đớn cả đời thương cho Helene bé nhỏ!

Và thực sự là thế, cũng giống như ông Louis, khi lâm bệnh vào cuối đời, đã lặp đi lặp lại câu thơ của Franfois-Rene Chateaubriand, ‘Ôi! Ai sẽ đưa Helene về lại cho cha?’ Đau khổ của bà còn nặng nề gấp bội do cảm giác tội lỗi thống khổ day dứt. Bà Zélie trách mình cả đời, vì một vài món ăn bình thường bà đã chịu mà cho bé Helene, những món mà bà nghĩ là đã gây thảm kịch cho cô bé. ‘Chị trách mình, trách chị tuyệt đối về mọi thứ.’ Bà cũng có cảm giác y hệt như vậy mỗi khi các con bị bệnh nặng: ‘Chị không biết phải làm gì, phải xử lý thế nào. Chị sợ là chị không cho bé những gì bé cần, lòng chị chết triền miên vì thế. Có người phải đi trên con đường đó để biết được giầy vò thực sự là thế nào. Chị không biết luyện ngục có khủng khiếp hơn được tình cảnh này không nữa.’

Một cơn thống khổ khác chiếm lấy Zélie vì cái chết của bé Helene. Bà cay đắng giận chính mình vì đã không cho bé cơ hội đi xưng tội trước khi chết. Liệu trong trường hợp này, con gái của bà có được vào thiên đàng hay không? Khi nghĩ đến con mình có thể chịu đau khổ trong luyện ngục, bà Zélie đau đớn không chịu nổi. Trong cơn đần vật, bà chạy đến tượng Đức Mẹ Diễm phúc. Bà cảm nhận mình được trả lời, với một tiếng thì thầm dịu dàng, rằng bé Helene đang ở trên thiên đàng, bên cạnh Mẹ Diễm phúc.

Cái chết của bé Helene, chắc chắn là nỗi đau buồn nhất của nhà Martin, và lần này thật khó cho Zélie chống cự lại nỗi buồn u ám:

‘Về phần mình, chị không nằm liệt trên giường, nhưng cũng chẳng làm được gì cả. Chính xác hơn, ngày nào chị cũng lên cơn sốt. Chị không đau vì cơn sốt cho lắm, nhưng đầu cứ đau suốt, và yếu và mệt cả người. Chị không còn chút sức lực nào, không thể làm việc nhanh nhẹn, không còn tâm trí nào để làm việc. Có lúc chị nghĩ là chị đang trôi dạt dờ như Helene bé bỏng vậy. Chị có thể bảo đảm với em là chị hầu như không bận tâm đến tính mạng của chị. Từ khi mất con, chị đã nhiều lần khao khát cháy bỏng muốn được gặp lại bé. Tuy nhiên, những đứa con còn lại cần đến chị, và vì các con, chị cầu nguyện xin Chúa cho chị thêm vài năm nữa trên đời.’

Một lần nữa, bà Zélie xúc lại mình vì gia đình, đặc biệt là từ khi bà mang thai.

Bé Têrêsa chị (không phải thánh Têrêsa) chào đời ngày 16 tháng tám 1870. Bà Zélie vẫn không có sữa cho con, và bà vú Rose Taille cũng vậy. Sau khi tìm kiếm trong tuyệt vọng, ông Louis được biết về một bà vú có tiếng tốt trong thành phố. Hai vợ chồng giao phó Têrêsa chị cho bà vú này, nhưng đứa trẻ bắt đầu yếu dần. Ông bà Martin không biết là bà này cho bé bú không đủ, và khi họ khám phá ra thì đã quá muộn. Sau vài ngày, khi có vẻ đang hồi phục, thì bé lại lâm cơn hấp hối, đau đớn ngay trên gối mẹ. Bà Zélie tan nát cõi lòng. Bà viết cho em trai mình, ‘Chị chết mất thôi!’ Ông bà Louis và Zélie một lần nữa không có thời gian để chìm trong cái chết đau đớn này, bởi chỉ một tháng sau, lại có gian nan mới ập đến: chiến tranh.

Với quá nhiều thập giá trên vai, hai người làm cha làm mẹ này phản ứng thế nào? Sức mạnh của hai người để đương đầu với những tang thương này, thật quá ấn tượng, nhưng họ không phải kiêu anh hùng: ‘Lạy Chúa con! Con rã rời vì đau khổ! Con không còn một chút can trường nào nữa rồi!’ Nỗi đau của bà Zélie còn tăng hơn nữa khi lo sợ mất đi những đứa con khác: ‘Chị dằn vặt rất nhiều về bé Celine. Chị sợ là chị không còn cô được nữa. Chị có ấn tượng là chị sẽ không còn sống lâu nữa. Sáu ngày qua, khi chăm cho bé, ngày nào chị cũng sốt. Chị không mệt cho bằng lo sợ.’ Celine cũng có các triệu chứng của bệnh viêm ruột, và ngày càng nghiêm trọng hơn, có những giai đoạn kiệt sức gợi nhớ đau đớn về những triệu chứng cuối đời của bé Helene.

Triết lý sống của vợ chồng nhà Martin phản ánh qua những gian nan đau đớn này: ‘Nên em thấy đó, những người hạnh phúc nhất chính là những người ít bất hạnh nhất. Điều khôn ngoan nhất, đơn giản nhất trong tất cả những chuyện này, là vâng theo ý Chúa và chuẩn bị cho thời gian vác thập giá can trường hết sức có thể.’ Đây là chủ nghĩa hiện thực của một người phụ nữ mà cảm nghiệm đau đớn không làm bà cay đắng nhưng lại hướng bà tập trung vào những sự thiết yếu trong đời.

Đau buồn của hai người không làm họ vô cảm với nỗi đau của người khác, nhưng lại cho họ có thêm lòng cảm thương. Khi Isidore và vợ anh mất đi bé Paul, ông bà Louis và Zélie đã khóc thương như thể con mình. Với tất cả sự ân cần và những cảm nghiệm sâu sắc về đau khổ đã từng của mình, bà Zélie an ủi gia đình em trai: ‘Anh Louis rất nhạy cảm với nỗi đau của em, và cứ nhắc về chuyện của gia đình em luôn. Vợ chồng chị nghĩ đến tất cả những đau khổ và lo lắng mà người vợ tội nghiệp của em phải chịu trong suốt sáu tháng qua, và than khóc vì chuyện buồn này.’

Làm sao ông bà Louis và Zélie có thể chịu được tất cả những tang thương này mà không chút cay đắng hay nổi loạn? Câu trả lời nằm ở đức tin sâu sắc của hai người. Qua hết gian nan này đến thử thách khác, cuối cùng hai vợ chồng có được cho riêng mình một thần học về đau khổ. Với lòng khiêm nhường, ông bà biết vị trí của mình với lòng tôn kính Chúa. Biết mình không phải chủ của sự sống và sự chết. Bà Zélie nói rằng Chúa gọi lại những đứa con này, nghĩa là các con của bà đi theo tiếng Chúa gọi: ‘Chúa là Chủ, là Chúa không phải làm theo ý của chị.’ Các con là ơn Chúa ban chứ không phải của riêng của cha mẹ. Nỗi tang thương giúp cho vợ chồng nhà Martin lớn lên trong đức khiêm nhường, và sau cái chết của hai bé Joseph, hai người không còn xin Chúa cho mình một linh mục tương lai nữa, và không xin gì ngoài việc được làm tròn ý Chúa.

Chúa ‘đưa’ con cái họ về với Ngài, nhưng vợ chồng nhà Martin, với sự vâng phục anh hùng, cũng dâng các con về Chúa. Chúa Giêsu nói, ‘Mạng sống của tôi, không ai lấy được, nhưng chính tôi tự ý hy sinh mạng sống mình.’ (Ga 10, 18) Và cũng với sự tự do như thế, hai người dâng lên Chúa những gì còn quý giá hơn cả mạng sống của họ, là mạng sống của con cái. Về sau thánh Têrêsa nghĩ về Đức Mẹ dưới chân



thập giá như một linh mục dâng Hy lễ Thánh trên bàn thờ vậy. Đây cũng là cách mà ông bà Louis và Zélie làm trong thời gian khốn khổ và mất đi những người con yêu dấu. Hai người dâng lên Chúa con cái mình trong đau đớn, nhưng họ vẫn đầy tin tưởng và, ngược đời thay, đầy niềm vui của ơn cứu độ, như Đức Mẹ trên đồi Golgotha. Trong gian nan thử thách, họ nhận ra bàn tay Chúa, dâng trọn đời mình cho Chúa. Đau khổ và cái chết không còn là chuyện vô lý, nhưng là ‘con lóc của tình yêu,’ như con gái thánh thiện của họ về sau đã nói.

Thật khó để tưởng tượng được một đức tin như thế, hoàn toàn theo đặt trọn theo cách nhìn của Chúa. Thiên Chúa cho có các gian nan, biết cách để chúng ta vượt qua, và không bao giờ thôi theo sát con cái của Ngài. Đây là thần học của vợ chồng Martin về đau khổ, mà họ đã sống và hiện thể trọn vẹn, không khác gì thần học của Giáo hội. Sau một cơn thống khổ, bà Zélie đã tóm gọn thần học này: ‘Trong lúc này, đừng để chúng ta lầm bầm trách móc Chúa, bởi Ngài là Chủ, Ngài có thể để chúng ta đau khổ nhiều vì lợi ích của chúng ta, nhưng Ngài sẽ giúp đỡ và ban ơn, không bao giờ để chúng ta gục ngã.’ Tất cả những đau khổ này không làm nguội đi một chút nào sự tin tưởng của Zélie nơi Cha nhân lành.

Suy ngẫm về giai đoạn đau buồn này, bà Zélie nói: ‘Thiên Chúa không bao giờ để quá sức người ta chịu đựng. ... Tuy nhiên, chị quá tải bởi công việc và lo lắng đủ thứ, nhưng chị có sự tin tưởng vững vàng là mình được Chúa nâng đỡ.’ Ngoài những tâm tình tin thác vào Thiên Chúa nhân lành và quan phòng, thì hi vọng rằng những đứa con đã qua đời giờ đang ở trên thiên đàng, cũng là sự nâng đỡ cho hai vợ chồng. ‘Đứa bé này [Têrêsa chị] đang hạnh phúc và như thế chị thấy ấm lòng.’ Bà Zélie cảm thấy bị xúc phạm bất kỳ lúc nào nghe người ta nói rằng thà đừng có con còn hơn là để mất con. ‘Chị không nghĩ có thể nào lại xem trọng những đau buồn và lo lắng hơn là hạnh phúc đời đời của con cái mình.’ Những giọt nước mắt đau đớn cay đắng cho ông bà Louis và Zélie, nhưng lại là hân hoan vui mừng cho các con, đây là niềm an ủi cho hai bậc cha mẹ đầy quảng đại này.

Với những ‘thiên thần’ nhỏ, hai người cảm nghiệm được sự hiệp thông với các thánh trên thiên đàng. Năm tuần sau cái chết của bé Joseph lớn, bà Zélie thấy thôi thúc cần phải nhờ bé Joseph chuyển cầu cho Helene đang bị nhiễm trùng tai nghiêm trọng và các bác sỹ đành bó tay. Ngay hôm sau, tai của cô bé đã lành hoàn toàn. Ông bà Louis và Zélie bắt đầu thói quen nhờ đến các con mình đang ở trên thiên đàng, và đã được nhiều ơn nhờ lời chuyển cầu của các thánh anh hài này. Trong nhà Martin, cái chết của các con không phải là chủ đề bị cấm kị. Các con gái còn sống, các thành viên trong gia đình, và vợ chồng Louis và Zélie, nói về các bé đã qua đời, và chờ đợi niềm vui được gặp lại các bé trên thiên đàng. Thánh Têrêsa cho biết trong thưở niên thiếu, thánh nữ nhờ cậy bốn anh chị trên thiên đàng, và họ không bao giờ để Têrêsa phải thất vọng.

Chúng ta có thể hiểu được làm sao mà qua mọi nỗi đau buồn, bà Zélie vẫn có thể nói một cách tự hào về ‘niềm vui được có đứa con ở trên thiên đàng.’ Ông bà Louis và Zélie không bao giờ thôi làm chứng cho thực tế tuyệt vời này, và làm chứng với sự nhạy cảm của những người đã từng trải nghiệm chuyện này. ‘Em có thể thấy, thật là tốt lành tuyệt diệu khi có một đứa con trên thiên đàng, nhưng cũng không kém phần đau đớn cho bản tính con người chúng ta khi mất đi con cái, chúng là nỗi đau buồn lớn cho cuộc đời anh chị.’

Như bà Zélie đã nói, ‘Luôn luôn có niềm vui bên cạnh nỗi đau.’ Vợ chồng nhà Martin không chìm trong đau buồn, và biết cách hưởng dùng niềm vui mà họ trao cho nhau cũng như niềm vui từ con cái. Bất chấp gian nan, bầu khí gia đình luôn luôn vui tươi.

Ngày 16 tháng bảy 1870, nước Pháp bị người Phổ hạ nhục, cùng với lo lắng rằng nước Phổ muốn thống trị châu Âu, nên đã tuyên chiến với Phổ. Nhưng quân đội Pháp yếu kém, thiếu chuẩn bị, không có chỉ huy tốt, và thua kém về quân số so với Phổ. Và đây đúng là thảm họa. Ngày 02 tháng 9, Hoàng đế Napoleon III ký tuyên bố đầu hàng ở Sedan, bị đẩy khỏi ngai vàng, nhưng một Cộng hòa Pháp được thành lập và tiếp tục chiến đấu. Với nhà Martin, vào một thời mà chế độ chính trị Cộng hòa dường như vẫn đồng nghĩa với Triều đại Khủng bố bài giáo sỹ đẫm máu trong thời Cách mạng Pháp, thì đây thật không phải là tin tốt.

Quân đội Phổ đổ binh xâm chiếm nước Pháp, và cuối cùng tiến sát Alencon. Ngày 22 tháng mười một, quân Phổ đã đến ngoại ô thành phố, và gia đình Martin phải chứng kiến một cảnh tượng đau lòng hết như trong Thế chiến II bảy mươi năm sau, khi một nửa thành phố bị bỏ không, người tị nạn chạy về phía tây, còn số khác thì cất giấu tài sản và cầm cự với quân Phổ.

Lúc đầu, bà Zélie phản ứng rất điềm tĩnh với viễn cảnh bị xâm lăng. Sau tất cả những mất mát bà từng trải qua, thì không còn gì có thể làm bà sợ nữa. Bà còn viết thư cho em trai ở Lisieux kể một vài chuyện hài hước. Một người hàng xóm đã giấu những món giá trị trong vườn, giấu quá kỹ đến nỗi phải mất cả buổi chiều mới tìm ra và đào lên được. Một nông dân nắm chặt đuôi con heo của mình, và cuối cùng chỉ còn giữ được cái đuôi, vì binh lính cắt đứt đuôi và đem cả con heo đi mất.

Còn về Louis, phải dùng hết tình cảm dành cho gia đình mới giữ được ông không tham gia vào các cuộc phản công quân Phổ. Người con trai quân ngũ can trường và ái quốc này đã phải chối bỏ chính mình, nhưng ông cũng mạo hiểm để do thám quân địch, một việc có thể khiến ông bỏ mạng. Khi quân Phổ tiến tới Le Mans vào tháng mười hai, vợ chồng Martin lo lắng cho Pauline và Marie đang còn ở trong Tu viện Đức Mẹ Đi viếng. Bà Zélie quyết định lên đường đến đó để đưa hai con về, và đập vào mắt bà là một cảnh tàn phá do chiến tranh. ‘Nhà chị chỉ thấy đau thương và tàn phá, lòng chị tan nát.’ Nghĩ về tình cảnh gia đình và đất nước mình, bà thêm rằng, ‘Chúng ta chưa bao giờ bất hạnh đến thế.’ Đầu tháng giêng, quân Phổ tiến vào Alencon. Bà Zélie viết, ‘Chị không thể tả nỗi những lo âu lúc này.’ Quân Phổ bắn phá dọn đường tiến công, nên cả nhà phải trú ẩn dưới hầm. Đạn pháo rơi đầy Rue Pont-Neuf, nhưng chưa căn nhà của nhà Martin. Trận đánh ngắn thôi nhưng đẫm máu. Bà Zélie thấy lính tráng trở về trong máu me thương tật, và bà nói với thường thức điển hình của mình, ‘Có hợp lý không khi chúng ta có quá ít người để gởi ra chiến trường chống quân địch mạnh như thế, và rồi để họ bị tàn sát?’

Thật vậy, 25.000 quân Phổ vào thành phố với khí tài quân sự khủng khiếp. Khi nhìn thấy những lá cờ đen và hình đầu lâu trên mũ cối của quân Phổ, vợ chồng Martin sợ hãi kinh người. Quân Phổ chia 9 lính vào ở nhà Martin, nhưng bà Zélie không buồn vì chuyện này. ‘Chị không ngại họ. Khi họ đòi hỏi quá nhiều, chị bảo là không thể được.’

Về phần Louis, ông sụp đổ, không chỉ đau buồn vì đất nước mình thua trận thảm hại, nhưng còn vì sự hiu quạnh diễn ra về sau. Một phần vùng Alencon thành đồng trống nát, thực phẩm thiếu hụt, và con số người bệnh, thương binh lên đến hàng ngàn. Ông Louis quá khủng hoảng trong suốt vài ngày, đến nỗi không ăn không ngủ. Bà Zélie nâng đỡ và củng cố tinh thần cho ông. Qua tất cả những chuyện này, chúng ta có thể thoáng thấy sức mạnh rạng ngời của một người phụ nữ đã thắng được quá nhiều đau khổ. Bà quản cả nhà - ‘Mọi người ai cũng khóc, trừ chị’ - với một sự tin tưởng vững vàng của một con người không còn gắn chặt với những sự thế gian. ‘Vậy thì, chúng ta có thể làm gì? Khi con hỗn loạn này qua đi, chúng ta sẽ nhặt nhạnh các mảnh còn lại, và sẽ tìm cách để sống tằn tiện hơn.’

Tinh thần ái quốc kết hợp với tâm thức nhân đạo, đã giúp cho họ tránh được mọi sự thù ghét đảng phái. Để ý thấy một người lính Phổ đang ở nhà mình có vẻ buồn bã, bà Zélie tặng anh ta ít kẹo và dành thời gian nói chuyện với anh. Ông Louis xin thứ tội cho một người lính khác bị bắt gặp đang trộm đồ trong tiệm nữ trang của ông, một tội chết theo quân luật.

Một dấu chỉ từ trời đã phục hồi sự tin tưởng của ông bà nơi tương lai của đất nước mình. Bà Zélie đọc trên báo thấy ngày 17 tháng giêng 1871, Đức Mẹ hiện ra ở Pontmain, và qua tin tốt này bà thấy nước Pháp được cứu kể từ thời điểm đó. Thật vậy, mười ngày sau, thỏa ước đình chiến được ký kết, và quân Phổ dần dần rời nước Pháp. Ở Rue du Pont-Neuf, chiến tranh để lại tàn tích của nó, hàng loạt ngôi nhà giờ không ở được, các khoản nợ không thể thu hồi, thương mại điêu đứng. Dù cho vợ chồng nhà Martin nhanh chóng xốc lại tinh thần, nhưng ông Louis vẫn đau lòng vì thành phố Strasbourg yêu dấu của ông đã bị mất về tay người Phổ như một phần điều kiện đình chiến.

Sau tất cả những gian nan này, hai vợ chồng vui mừng đón bé Têrêsa, ‘vị thánh vĩ đại nhất thời hiện đại.’ Thánh Têrêsa bé nhỏ được tả là ‘kiệt tác của tự nhiên và ơn Chúa’ và chúng ta có thể thêm rằng - là kiệt tác của cha mẹ thánh nữ. Ngay từ lần đầu tiên nhắc đến Têrêsa trong bụng, bà Zélie đã vui mừng quá đỗi và mong chờ đứa con nhỏ này: ‘Chị hi vọng đứa bé này sẽ được tốt, bất hạnh không luôn luôn đến qua cùng một cánh cửa. Dù có thể nào đi nữa, nguyện xin theo ý Chúa!’ Và đúng là thế.

Trong thời gian mang thai Têrêsa, hầu như đêm nào bà Zélie cũng gặp ác mộng, sợ mình có thể mất bé. Nhưng như luôn luôn là vậy, đây cũng là thời gian vui mừng đặc biệt cho một người mẹ. ‘Khi mang bé trong bụng, chị để ý thấy một chuyện chưa bao giờ xảy ra với các bé khác. Khi chị hát, bé hát với chị. ... Chị tâm sự chuyện này với em, bởi không ai chịu tin cả.’

Têrêsa chào đời ngày 02 tháng giêng 1873, và sớm làm mẹ bé phải khóc. Bị giày vò bởi cái chết khá sớm của Têrêsa chị, ông bà Louis và Zélie cố gắng giữ bé ở cùng mình, cho bé uống sữa bằng tách nhỏ. Nhưng khi Têrêsa yếu đi, bà Zélie tuyệt vọng chạy đến Semalle tìm Rose Taille. Hai bà đi năm dặm đường về Rue Saint-Blaise nhanh hết sức có thể. Vừa về đến họ thấy bé Têrêsa đang hấp hối:

‘Chị chạy lên phòng, chị quỳ dưới chân thánh Giuse, xin thánh nhân ơn chữa lành cho bé, và phó thác mọi sự theo ý Chúa. Chị không thường khóc, nhưng lúc đó chị vừa khóc vừa cầu nguyện. Chị không biết chị có nên xuống nhà không nữa... Cuối cùng, chị quyết định xuống, và thấy được gì nào? Đứa bé đang bú sữa thật hăng. Bé không chịu thả vú ra cho đến tận một giờ sáng, bé có hơi ra một chút rồi lại nhào vào bú như chết đói.’

Năm người nhà chị vây quanh. Ai ai cũng sững sốt. Bỗng một nhân viên của chị khóc lên, còn chị thì lạnh cả người. Mọi người không thấy bé thở. Tiến đến để xem thử bé còn dấu hiệu sự sống nào không, cũng chẳng được gì, bởi trời tối quá không thấy gì cả. Nhưng trông bé thật êm đềm, quá yên bình, đến nỗi chị tạ ơn Chúa vì đã cho bé ra đi nhẹ nhàng. Rồi mười lăm phút trôi qua, và Têrêsa bé nhỏ mở mắt, bắt đầu cười.’

Têrêsa đã được cứu sống, nhưng phải đến sống với bà vú Rose Taille trong một năm. Thời gian này thật là chia cách tàn bạo, chỉ nguôi dịu đi khi hai vợ chồng biết con mình khỏe mạnh và được chăm sóc tốt.

Cùng năm đó, bệnh tật lại đến gõ cửa nhà Martin. Lần này là Marie bị sốt thương hàn. Ông bà Louis và Zélie mất hết tinh thần, chực suốt bên cạnh giường bệnh của cô bé đang mê sảng trong cơn sốt. Khi bệnh tình cô bé cứ kéo dài, ông Louis bèn đi hành hương, khoảng chín dặm đường, đi chân đất và ăn chay, để xin ơn chữa lành cho con gái đầu của mình. Bà Zélie, để động viên con cố gắng sống, đã giải thích cho

Marie biết là bà nhờ cậy cô chăm sóc cho cả nhà khi bà không còn nữa. Chuyện này không mấy tác dụng như ý bà, bởi Marie mới mười ba tuổi, bây giờ lại biết được rằng mẹ mình không sống mãi, nên càng buồn hơn. Nhưng bà Zélie, biết rõ sự mong manh số mạng, đã vạch sẵn tương lai cho cả nhà.

Marie cuối cùng cũng bắt đầu bình phục, cho cha mẹ bé được khuây khỏa đi nhiều. Bà Zélie dành hàng giờ nói cho cô bé biết những gì bé có thể làm một khi lành bệnh, còn ông Louis quá hạnh phúc đến nỗi không từ chối bất kỳ chuyện gì Marie xin. Một đêm nọ, khi có thể gượng đứng dậy, Marie nhất quyết muốn ăn tối chung với cả nhà, ‘Chị nhất quyết không cho, nhưng bé bắt đầu khóc, và anh Louis đành chịu!’ Theo chỉ dẫn của bác sỹ, bà Zélie không cho bé ăn gì khác ngoài nước hầm thịt. Bọn có thể hình dung đôi mắt nài nỉ của Marie với cha... và ông đành chịu thua: ‘Anh Louis cho bé hai miếng pho mát và thứ này thứ kia nữa.’

Trong suốt những tuần Marie bệnh, bà Zélie không quên Pauline đang lẻ loi ở trường Dòng Đi viếng, lần đầu tiên xa cách chị mình. Vậy nên, khi chăm sóc Marie cả ngày lẫn đêm, làm việc, chăm cho các con khác, thậm chí không có thời gian để ăn, bà Zélie vẫn liên tục gửi hàng loạt thư cho đứa con gái thứ hai để Pauline biết những chuyện đang diễn ra trong nhà. Pauline ở lại trường Dòng Đi viếng cả trong kỳ nghỉ, để tránh lây bệnh từ Marie, và bà Zélie làm mọi cách để bé được khuây khỏa. Bà dự định để Pauline làm đặng-ten Alencon, và sẵn sàng dạy kỹ năng này miễn là bé thích. Bà Zélie gửi cho Pauline mọi vật liệu cần để làm đặng-ten, và cả một hộp sôcôla.

Những năm tiếp theo sau không có gian nan lớn nào nữa xảy đến với nhà Martin. Bùng nổ kinh tế thời hậu chiến cho họ phát đạt ổn định, và nhà cậu Isidore cũng vậy. Việc kinh doanh của Louis và Zélie phát triển hơn bao giờ hết, đến mức phải vất kiệt sức mà làm, và tiệm thuốc của Isidore cũng lãi nhiều. Bà Zélie an lòng khi thấy em trai mình thoát ra được tình trạng tri trệ kinh tế, và đang siêng năng thực hành đức tin. Năm 1874, cậu Isidore góp phần thành lập Cộng đoàn thánh Vincent de Paul và Nhóm Công giáo ở Lisieux, cũng như tham gia ban điều hành giáo xứ. Là một người chị thân yêu, bà Zélie đặt ra những mục tiêu cao cho Isidore. ‘Em đang trở thành một người thế giá, và chị rất hạnh phúc, nhưng trên tất cả, chị muốn em nên thánh. Tuy nhiên, trước khi khao khát sự thánh thiện cho người khác, chị muốn theo thật tốt con đường của mình, một việc lúc này chị chưa làm được, nhưng chị hi vọng là sẽ được đúng thời đúng buổi.’

Marie từ trường nội trú về nhà để nghỉ hè 1875, và Zélie tận dụng thời gian này để dạy cô cách điều hành việc nhà và làm một bà mẹ ân cần. Nhưng mà, dù cho mẹ đã khuyên can, Marie vẫn cho Têrêsa ăn nhiều hơn mức cần thiết, và làm cho bé bị bệnh. Bà Zélie, phải dành cả đêm bên giường của Têrêsa, và chỉ như thế là đủ cho cô con gái lớn học được một bài học rồi. Với sự nhiệt tình tuổi trẻ, Marie nhiều lúc đòi hỏi quá mức với các cô em của mình. Có hôm, Marie nhắc nhở Celine gay gắt là nếu bé chỉ làm những việc hi sinh bé thích thì cũng như chẳng hi sinh gì cả. Bà Zélie nhân dịp này, cho Marie một bài học nhỏ về sự khôn ngoan trong tình mẫu tử. ‘Chị bảo Marie là bé không nên khích lệ em mình như thế. Một cô bé nhỏ như thế không thể nào nên thánh ngay được, và Marie nên bỏ qua những chuyện nhỏ nhặt như vậy.’

Bà Zélie kiên nhẫn, và bao quát rèn luyện người sẽ thay thế cho mình. Phía sau sự giáo dục mà Marie cho em gái nhỏ Têrêsa của mình, chúng ta có thể nhận ra bàn tay dịu dàng mà kiên quyết của bà Zélie. Còn hiện thời, Marie đang giúp được mẹ rất nhiều. Bà Zélie có thể yên tĩnh làm việc, là nhờ Marie coi sóc Celine và Têrêsa. Bà mẹ tham công tiếc việc này bắt đầu thấy nhẹ bớt, và hi vọng sẽ còn khá hơn nữa khi Pauline cũng học xong và về nhà. ‘Chị đang xây những lâu đài tương tượng, và mơ về hạnh phúc bình an.’ Giấc mơ của Zélie là được vui mừng khi cả nhà đoàn tụ, nhưng, như những lời cuối cùng bà viết thì, ‘Chúa muốn chị được nghỉ ngơi ở một nơi không phải đời này.’

## **CHƯƠNG 8**

### **ĐAU KHỔ VÀ LỬA MÈN CỦA BÀ ZÉLIE**

Năm 1865, lúc 34 tuổi, bà Zélie có than với em trai mình về một khối đau ở ngực. Nếu vào thời nay, các bác sỹ sẽ dễ dàng chuẩn đoán đây là một khối u. Ông Louis lo lắng, và hai từng nghĩ đến chuyện phẫu thuật (hay nói chính xác thời đó, là mổ xẻ) nhưng rồi cũng quên chuyện này đi. Mười hai năm sau, mùa hè 1876, bà Zélie bắt đầu bị đau trở lại. Cậu Isidore đưa bà một số thuốc, nhưng không công hiệu. Vài tháng sau, bà Zélie quyết định đến gặp bác sỹ. Lúc đó khoảng một tuần trước Giáng Sinh. Bà Zélie viết thư gọi cho gia đình em trai ở Lisieux

‘Chị đến gặp bác sỹ A, sau khi khám kỹ lưỡng, bác sỹ lặng yên một lát rồi nói với chị: ‘Chị có biết là chị đang có bệnh rất nghiêm trọng hay không? Đây là khối u xơ ác tính. Chị có ngại phẫu thuật hay không?’ Chị trả lời, ‘Không, nhưng tôi chắc là ca mổ, sẽ không cứu sống mà lại đẩy nhanh hơn những ngày còn lại trong đời tôi.’ Chị còn thêm một vài chứng cứ cho những gì chị vừa nói, và bác sỹ trả lời ngay, ‘Chị biết thật rõ không kém gì tôi. Tất cả những gì chị vừa nói là đúng, và tôi không thể khuyên chị làm thế, bởi kết quả không có gì chắc chắn.’ Chị hỏi bác sỹ liệu có được một phần trăm cơ hội thành công hay không, và ông ấy trả lời kiêu lãng tránh. Chị biết ơn vì ông ấy đã thẳng thắn cho chị biết bệnh tình của mình, bởi bây giờ chị sẽ vô cùng gấp gáp sắp xếp mọi việc để gia đình chị không gặp khó khăn khi chị ra đi. Bác sỹ đã cho chị một toa thuốc. Khi chị hỏi, ‘Cái này có ích gì không?’ thì ông ấy nhìn thẳng và trả lời. ‘Chẳng được gì cả. Tôi chỉ làm thế để an lòng bệnh nhân mà thôi.’

Chị không thể nào không kể hết chuyện này cho cả nhà. Chị hối tiếc vì nó đã gây nên một cảnh đau thương ... Ai cũng khóc, và bé Leonie cứ nức lên. Nhưng chị bảo là có biết bao người mang bệnh này mà vẫn sống được mười, mười lăm năm, và chị nói với một vẻ quá bình thản, quá vui vẻ như thường vậy, thậm chí còn vui hơn, nên mọi người có nguôi đi một chút.

Tuy nhiên, chị không lừa dối mình, và ban đêm chị không ngủ được khi nghĩ về tương lai. Dù đang chịu đựng bằng hết sức mình, nhưng chị không nghĩ gian nan lại ngật nghèo đến thế. Chồng chị không thể nào thấy khuây khỏa. Anh không còn đi câu cá, anh cất cần câu trên tầng gác mái, và cũng không đi hội với nhóm bạn của mình nữa. Anh suy sụp...

Chị không đau đớn gì lắm. Cả vùng nách bị sưng phồng lên, và chỗ khối u cứ đau âm ỉ. Chị không thể nằm nghiêng về bên bị đau được. Chị không muốn em lo lắng quá về chuyện này, và hãy vâng theo ý Chúa. Nếu Chúa thấy chị có ích trên đời này, chắc chắn Ngài sẽ không để chị bị bệnh này, bởi chị đã cầu nguyện rất nhiều xin Chúa đừng đưa chị đi bao lâu các con còn cần đến chị.

Một điều cho chị thấy thanh thản là biết mình có những người thân thuộc có thể thay thế chị trong trường hợp xấu nhất. Có những bà mẹ đáng thương, còn bất hạnh hơn chị, khi ra đi mà không biết con cái mình sẽ ra sao, sợ chúng bị rơi vào hoàn cảnh không người giúp đỡ. Còn chị thì không có gì lo lắng về chuyện này. Tóm lại, chị không thấy mọi chuyện tối tăm, và đây là ơn trọng Chúa đã ban cho chị. . . . Dù có chuyện gì đi nữa, hãy cứ hưởng dùng những thời gian tốt đẹp còn lại, và đừng lo lắng gì. Ngoài ra, mọi sự sẽ luôn luôn theo ý Chúa muốn.’

Bà Zélie biết bác sỹ đã bó tay, nhưng bà vẫn đến gặp ông nói chuyện này chuyện kia, chỉ là để cho gia đình đừng lo lắng quá. Bà biết nỗi cô độc của người bệnh biết rằng cái chết đang chực chờ trước cửa trong khi thân nhân thì không chịu chấp nhận việc bà sắp ra đi. Bà không tìm cách được an ủi, cho bằng đi an ủi người khác, bà hi sinh Giáng Sinh cuối cùng với gia đình để đến Lisieux để làm yên lòng gia

đình cậu Isidore đang chấn động vì tin tức bệnh tình của bà. Bà viết thư cho chồng, ‘Sau bữa ăn, em làm mọi việc có thể để cho em trai của em được vui, và can đảm.’ Để xoa dịu chồng mình, bà thêm: ‘Hình như bác sỹ Notta nói rằng em có thể sống được một thời gian dài nữa, nên hãy cứ phó thác chúng ta trong tay Chúa. Ngài biết rõ chúng ta cần gì còn hơn chúng ta nữa.’ ‘Người gây thương tích, Người lại chữa lành’ (Gióp 5, 18). Em sẽ đi hành hương Lộ Đức lần đầu tiên trong đời, và em hi vọng Đức Mẹ sẽ chữa lành cho em nếu như Mẹ thấy cần thiết. Trong khi chờ đợi, chúng ta hãy bình tâm. Em rất vui sẽ được gặp lại anh và các con. Thời gian dường như quá dài. Em muốn về nhà với anh ngay hôm nay. Em chỉ hạnh phúc khi ở cùng anh, anh Louis yêu dấu.’

Sự nhân từ nhạy cảm hiền mẫu của bà được biểu lộ hết trong thời gian mang bệnh cuối đời này. Bà không nói gì về những đau đớn và lo lắng của mình. Thậm chí bà còn giấu bệnh tình với chị mình, cũng đang bệnh, và cả Pauline nữa, để cho cô bé yên tâm học hành ở Trường Dòng Đức Mẹ Đi viếng. Tuy nhiên, chúng ta biết là bà rất muốn có Pauline bên mình. Khi bà nói chuyện hay viết thư cho Pauline, đều là những lời yêu thương, dỗ dành, khích lệ. Ông Louis nâng đỡ bà hết sức có thể, nhưng trong những tháng cuối đời, bà Zélie đặc biệt hướng lòng về Chúa.

Vài tuần trước khi biết mình bệnh, bà Zélie đã viết rằng bà không mạnh mẽ hơn bất kỳ ai gặp gian nan thử thách thế này. ‘Chị của chúng ta, nghĩ là chị khao khát thật nhiều đau khổ, bởi chị đã bảo chị ấy là nếu được lựa chọn, chị muốn chết vì một căn bệnh dần mòn hơn.’ Bà Zélie thực sự sợ chết mà không có chuẩn bị. ‘Nhưng thật nhiều đau khổ ư, không, chị không có đủ đức hạnh để khao khát chuyện như thế, và chị kinh sợ chuyện này.’ Bà cũng viết, ‘Chị không thiếu khao khát muốn được sống.’ Nhưng suốt cả đời, bà đã bỏ mình vâng theo ý Chúa, dâng Chúa hết đau khổ của mình, và bà sẽ đạt đến mức độ cao nhất với món quà Chúa ban lần này. Cả gia đình, mọi người thân, bắt đầu cầu nguyện xin một phép lạ chữa lành cho bà Zélie. Bà đùa về chuyện này: ‘Nếu chị là Đức Mẹ, thì chị hẳn sẽ gấp gáp chấp nhận hết mọi lời cầu nguyện, chỉ để thoát được hết những người này thôi.’

Cậu Isidore gởi thuốc và lời khuyên sức khỏe khá phù hợp, còn ông Louis thì thúc giục bà đi hành hương. Bà Zélie vẽ ra viễn cảnh các con khi không có mẹ, và nhẹ nhàng chuẩn bị cho các con đón nhận chuyện không thể tránh khỏi. ‘Chị thực sự cậy nhờ Mẹ nhân lành của chúng ta. Nếu Mẹ muốn, Mẹ có thể chữa lành cho chị, bởi Mẹ đã chữa lành cho rất nhiều người bệnh. Tuy nhiên, chị không chắc là Mẹ sẽ chữa lành cho chị, bởi có thể đó không phải là ý Chúa.’

Bà Zélie có linh cảm về cái chết cận kề. Có thể hiểu được, nếu bà cảm thấy muốn nổi loạn, khi bà viết, ‘Chẳng lẽ chị phải nhìn giấc mơ cả đời mình (gia đình sum họp và thịnh vượng) tan biến ngay khi nó vừa thành hiện thực?’ Thật vậy, Pauline chuẩn bị hoàn tất chương trình học ở Le Mans và cả gia đình cuối cùng cũng chuẩn bị được sum họp. Nhưng, hoàn toàn bỏ mình theo Chúa, bà Zélie cảm nhận một sự bình an vô cùng:

‘Thực sự Chúa đang ban cho chị ơn không sợ hãi. Chị đang rất bình thản, và thấy mình hầu như rất hạnh phúc. Chị sẽ không thay đổi vận mệnh của mình vì bất kỳ điều gì. Nếu Chúa muốn chữa lành, chị sẽ rất hạnh phúc, bởi sâu thẳm trong lòng, chị muốn được sống. Phải rời bỏ chồng và con cái là một sự mất mát vô cùng. Nhưng mất khác, chị tự nhủ, ‘Nếu không được chữa lành, thì có lẽ là bởi sẽ ích lợi hơn cho chồng và các con chị khi chị không còn nữa ... Trong lúc chờ đợi, chị sẽ làm tất cả mọi sự có thể để xin một phép lạ, chị đặt hi vọng vào chuyến hành hương đến Lộ Đức. Nhưng nếu không được chữa lành, dù gì chị cũng sẽ cố gắng hát vang trên đường về nhà.’

Chúng ta hẳn rất ngạc nhiên khi bà không lo lắng nhiều về tương lai của gia đình, nhưng thái độ của người nữ với niềm tin sâu sắc này phản ánh những lời của Chúa Kitô khi Ngài ra đi để gọi Thần Khí đến cho các tông đồ: ‘Thầy ra đi thì có lợi cho anh em.’ (Ga 16, 7) Bà tin hết lòng rằng Thiên Chúa có thể chăm sóc cho gia đình bà còn tốt hơn bà nhiều.

Lòng tin của bà Zélie cũng một phần là bởi bà biết các con gái của mình. Hai cô chị đầu đã trưởng thành, có thể nuôi dạy các em nhỏ vốn đã lớn lên theo đường hướng tốt, mà bà rất yên lòng. Bà viết về Têrêsa, mà không biết đó là lời tiên tri, ‘Chị chắc là đứa bé này sẽ nên tốt.’ Còn về phần Leonie, bà Zélie không tin là mình có thể giúp được gì cho bé bởi Leonie đối lập với bà. Bà biết là có thể cậy nhờ chồng chăm sóc cho tất cả những thiên thần nhỏ của mình.

Để xoa dịu mọi người, bà Zélie cư xử như không có chuyện gì, và bà làm quá tốt nên giữ được bầu khí gia đình êm đềm hết như trước khi bà phát bệnh. Cuộc sống cứ tiếp diễn, với những lần con cái đau nhẹ, các đơn hàng đăng-ten phải làm, một buổi tĩnh tâm trong giáo xứ, cứ thế. Bà Zélie, hơi chán nản vì em mình cứ thúc phải phẫu thuật và đi khám, thậm chí còn bảo bà đến khám ở Paris, nên bà viết thư cho cậu: ‘Này, cậu làm ơn thôi nói mãi về bệnh tình của chị. Chị bắt đầu thấy chán rồi. Hãy để nó qua một bên và nói về những chuyện vui vẻ hơn.’

Đúng như những lời chỉ bảo cho em mình, các lá thư của bà Zélie đầu năm 1877, còn đầy sức sống hơn trước. Bà kể lại chuyện Leonie vô tình nấu súp cho cả nhà ... món súp khăn chùi chén! Hay kể về chuyện bà khám phá ra Têrêsa vốn rất siêng lần hạt, đã lần thêm một hạt vì đã lỡ nói nặng với Celine. Bà Zélie bảo Têrêsa là với những gì bé đã nói, thì tốt hơn, nên lần lui một hạt, và Têrêsa bé nhỏ trả lời, ‘Ôi! Mà, con không biết con lần đến đâu rồi nữa.’

Người mà bà Zélie thường viết thư nhất, sơ Marie-Dosithee, sau vài năm đau bệnh, đã qua đời trong Tu viện Đức Mẹ Đi viếng. Đây không phải là một thử thách nhỏ với Zélie, nhưng sơ Marie-Dosithee, dù đau đớn, vẫn vui mừng trong giờ hấp hối, và đã chuẩn bị cho thời điểm này như đi dự đại tiệc. Như thánh Têrêsa thành Avila, sơ Marie-Dosithe có thể thốt lên rằng, ‘Tôi muốn thấy Chúa!’ Mẫu gương của chị mình đã gây ấn tượng sâu đậm trong lòng bà Zélie, khi bà đang chuẩn bị theo con đường tương tự như thế. ‘Em chưa bao giờ thấy điều gì khai sáng cho em đến thế,’ là lời bà viết trong lá thư cuối cùng gửi chị, sau khi thấy được sự bình an vui mừng của chị mình.

Sơ Marie-Dosithee qua đời vào ngày 24 tháng hai. Bà Zélie nhận được một lá thư từ các sơ Dòng Đi viếng mà không đủ can đảm để mở ra. Ông Louis cầm lấy và đọc cho vợ mình nghe:

Sáng hôm nay, lúc bảy giờ sáng, người chị em Marie-Dosithee của chúng tôi đã đi hết cuộc đời sáng ngời của mình với một cái chết đáng ghen tỵ. Trong hai ngày, chị đã yếu đi đáng kể, và chúng tôi biết là giờ cuối đang đến gần. Khó thở và kiệt sức khiến cho người chị em thân yêu của chúng tôi còn đau đớn hơn nữa, dù cho chị không mất đi sự bình an hay sự bỏ mình hoàn toàn, và chúng tôi cảm nhận được khao khát càng mãnh liệt hơn trong chị mong được gặp Chúa chúng ta. . . . Bà thân mến, chúng tôi có thể nói rằng bà và chúng tôi đã được thêm một sự bảo vệ thiêng liêng trên trời ... Bởi thật khó để có thể kết thúc một cuộc đời nhân đức theo cách thánh thiện hơn thế ... Ôi! Chị sẽ cầu nguyện biết bao cho hai gia đình thân yêu mà chị thương hết mực.

Sơ Marie-Dosithee đã qua đời với ‘hương thơm thánh thiện.’ Ở tu viện và trong thành phố, mọi người đều nói, ‘Một vị thánh vừa qua đời,’ và nhiều người đến viếng di hài của chị trong nhà thờ trước nghi thức an táng. Khi đưa chị đến nghĩa trang, không có ấn tượng gì là đau buồn, mà dường như là không

khí chiến thắng vinh quang. Các chị em trong dòng nói rằng chưa bao giờ được thấy chuyện tuyệt vời như thế này.’

Nhiều năm về trước, bà Zélie từng viết, ‘Nếu chị mất chị ấy, chị sẽ mất hết mọi sự.’ Nhưng nếu sự chia lìa chắc chắn là đau đớn kinh hoàng, thì bà Zélie được an ủi khi biết chị mình không còn chịu đau đớn nữa, và trên hết, là sơ Marie-Dosithee đã đạt được mục đích hân hoan của mình. ‘Chuyện này quá sức đau buồn, nhưng chúng ta sẽ luôn được an ủi khi biết chị đang ở trên thiên đàng, và với chị đây là điều quan trọng nhất.’

Ngoài ra, bà Zélie đã ký thác cho chị mình một vài ‘sứ mạng’ trên trời, và chúng ta sẽ thấy bà nói chuyện với các thành cũng gần gũi hài hước như với người thân của mình vậy. ‘Ngay khi chị lên thiên đàng, nhờ chị đi tìm Đức Mẹ và nói với Mẹ là, ‘Mẹ nhân lành của con, mẹ đã chơi xỏ em gái con khi ban bé Leonie tội nghiệp, bé không giống gì với đứa con mà chúng con đã xin. Mẹ cần chỉnh đốn tình trạng này thôi.’ Sau đó, nhờ chị đi tìm chân phước Margaret-Mary, mà nhấn giùm, ‘Tại sao thánh lại chữa lành cho Leonie? Để bé ra đi còn tốt hơn, do đó thánh phải là người sửa đổi những chuyện bất hạnh này.’ Bà Zélie viết cho em trai mình, ‘Chị ấy la rầy chị vì nói năng như thế, nhưng chị không có ý xấu, Chúa biết rõ mà.’

Leonie, lúc đó mười ba tuổi, đang bước vào tuổi dậy thì khó khăn, vẫn là mối bận tâm lớn nhất của bà Zélie. ‘Chị lo lắng nhất về tương lai của bé.’ Rồi sau đó không lâu, bà lại viết: ‘Đứa trẻ tội nghiệp này có đầy lỗi phạm. Vợ chồng chị không biết xử trí với bé thế nào. Nhưng chị trông cậy nơi Chúa đầy lòng thương xót, và chị vẫn luôn hi vọng.’

Một chi tiết nhỏ đã thấp lên hi vọng này. Trước cái chết của người di, Leonie nhất quyết viết cho di mình một lá thư, mà khi mẹ bé đọc thấy rất đổi kinh ngạc không dám tin vào mắt mình: ‘Di yêu quý, con luôn luôn giữ tấm hình di cho như một thánh tích. Như lời di dạy, con nhìn tấm hình mỗi ngày để học biết vâng lời. Chị Marie đã đóng khung tấm hình cho con. Dù yêu quý, khi di lên thiên đàng, xin di hỏi Chúa xem Chúa có cho con ơn hoán cải không, cũng như hỏi xem có có ơn gọi đi tu thật không, bởi ngày nào con cũng nghĩ về chuyện này.’

Bà Zélie nói về lá thư này: ‘Em sẽ nói gì nào? Chị khá là kinh ngạc. Con bé có được những ý niệm này từ đâu vậy? Chắc chắn là không phải từ chị. Chị khá tin chắc là Leonie của chị không thể nào vào dòng, trừ phi có phép lạ.’ Khi cả nhà quá kinh ngạc, hỏi Leonie xem tại sao mà bé nhất quyết đi tu ‘thật’ thì bé trả lời, ‘Nghĩa là con muốn trở thành một tu sĩ hoàn toàn tốt lành và cuối cùng được nên thánh.’ Những nhiệm vụ bà Zélie nhờ cậy sơ Marie-Dosithee trên thiên đàng chắc chắn đã được sơ hoàn thành không chút chậm trễ.

Thật vậy, đầu tháng ba 1877, Marie tình cờ vào bếp và sốc khi nghe cô giúp việc Louise Marais, người đã làm ở nhà Martin được mười một năm rồi, đang đe dọa Leonie rất bạo hành. Gia đình Martin kinh hoàng khám phá ra rằng trong một thời gian dài, cô giúp việc này đã xử tệ với Leonie ngay dưới mái nhà mình. Bị dọa đánh, đứa bé tội nghiệp phải làm thay những việc của cô giúp việc, và phải nghe lời cô trong mọi sự, chỉ nghe cô mà thôi. Cô Louise đã dùng mọi luận điệu có thể để giấu giếm những hành động ngược đãi của mình, và còn dọa sẽ cho Leonie một trận nhó đời nếu như cô bé hé miệng bất kỳ điều gì.

Về sau, bà Zélie nói rằng bà đã không thể đoán được chuyện gì đang diễn ra: ‘Chị hẳn không bao giờ tin nổi có người có thể làm quá đến thế, làm những chuyện lạnh lùng đến thế.’ Ngoài địa ngục trần gian do tay cô giúp việc, Leonie còn có một mối ác cảm ít nhiều có ý thức với cha mẹ, những người thờ ơ trước



tình trạng này và không bảo vệ cho bé. Vậy nên khi thấy cha mẹ lao đến bên mình (họ giận cô giúp việc Louise bao nhiêu thì kinh hoàng vì sự việc bấy nhiêu) thì Leonie hoàn toàn thay đổi thái độ với cha mẹ, đặc biệt là với mẹ. Với niềm tin được phục hồi, Leonie luôn ở bên bà Zélie, và làm mọi việc có thể để mẹ vui lòng. Cô bé ngày càng vui tươi và vâng lời, bắt đầu triển nở. Mẹ của bé quá chần chừ trước mọi sự việc này, và dành hết sức lực cho Leonie, đứa trẻ mà bà đã trông đợi bao lâu nay. ‘Bé yêu chị nhiều hết sức có thể, và với tình yêu mẹ con này, tình yêu Thiên Chúa có thể thâm nhập vào lòng bé từng chút một.’ Với bà Zélie, tất cả những chuyện này là nhờ lời cầu nguyện của người chị gái trên thiên đàng.

Bà Zélie có cảm giác cấp bách và sợ hãi, lo căn bệnh sẽ đẩy mình ra khỏi cuộc đời Leonie quá sớm. Bà đã bình an chấp nhận chuyện sẽ chết, tin rằng mình không còn cần thiết không thể thay thế với các cô con gái nữa, nhưng bây giờ bà thay đổi hoàn toàn, với một khát khao muốn sống, không phải vì mình, nhưng là vì Leonie và những gì bà có thể làm cho cô bé. Sợ rằng sự ổn định mới này của Leonie sẽ bị tổn hại khi bà qua đời, Zélie muốn được thỏa cơn khát tình mẹ là mong thấy Leonie được là chính mình. Bà Zélie bắt đầu cầu nguyện thiết tha với hi vọng được chữa lành. Bà viết cho em dâu, ‘Càng yếu, chị càng thêm trông cậy,’ và còn thêm rằng, với đức tin, ‘chị sẽ còn sống được một thời gian dài nữa.’

Còn về phần cô giúp việc, ông bà Louis và Zélie xử lý cô đúng lẽ công bằng. Với cú sốc quá nặng, hai người đuổi cô ngay lập tức. Louise than khóc trong vô vọng, bởi Zélie chẳng thèm nhìn mặt cô nữa. Nhưng, không lâu sau, hai người tự hỏi không biết mình có làm đúng không. Chẳng phải tha thứ nghĩa là đưa công lý và thương xót đến với mọi người, và cho họ một cơ hội thứ hai hay sao? Công lý đã được hai ông bà suy xét, Louise trong nhiều năm qua đã hoàn toàn tận tụy với nhà Martin, tuyệt đối trung thành với bà Zélie và thật ngạc nhiên, là cô đã có những sáng kiến có ích để giúp bà sửa đổi tính hư của Leonie. Vậy nên, dù giận dữ vô cùng, ông bà Louis và Zélie vẫn nhận lại cô và quyết định tìm lời khuyên để có giải pháp xử lý tốt nhất, Bà Zélie tìm đến các sơ dòng Clara Hèn mọn, và hỏi ý kiến một sơ cao tuổi có tiếng là thánh thiện. Sơ khuyên là nên chờ đợi, và đừng làm gì hấp tấp.

Gia đình Martin cuối cùng cũng có được một thỏa hiệp: Louise có thể ở lại phục vụ gia đình cho đến khi Zélie qua đời, nhưng cảm không được nói chuyện với Leonie. Cô phải giữ khoảng cách với Leonie để tránh bất kỳ nguy cơ nào có thể gây ra chuyện như trước đây. Thật khó cho Zélie khi phải tiếp tục nhìn mặt con người đã có những hành động xấu mà bà không thể quên, nên bà dành hết sự chăm sóc cho Leonie.

Louise đảm trách việc nhà với một sự tận tụy không chút sai sót, và về sau không khó khăn để tìm được công việc. Đến cuối đời, Louise đã làm chứng về sự tốt lành của vợ chồng nhà Martin.

Nhiều tuần trôi qua, bà Zélie có thể cảm nhận căn bệnh đang nguy kịch hơn. Từ tháng hai 1877, các tuyến bị sưng xuất hiện ở cổ, một dấu hiệu khó u di căn. Bà cầu nguyện gấp đôi, và cùng ông Louis quyết định ngay chấm dứt việc kinh doanh đăng-ten, áp ủ hi vọng là bà sẽ chỉ sống cho gia đình, đặc biệt là dành thời gian cho bé Leonie.

Sự lương thiện của nhà Martin một lần nữa được thể hiện trong cách họ chuyển nhượng việc kinh doanh của mình: ‘Vẫn chưa chuyển nhượng xong việc kinh doanh đăng-ten Alencon. . . . Hơn nữa, chị cầu nguyện với Thánh Tâm Chúa xin đừng để việc chuyển nhượng thành sự nếu như nó có hại cho người muốn mua. Nếu muốn, anh chị có thể bán đi rất dễ. Nhưng chị nghĩ là chị cần mở mắt cho những người muốn mua lại để họ thấy được những khó khăn sẽ phải đối mặt, bởi họ chỉ thấy toàn màu hồng, và chị không vui vì thế.’ Đấng Quan Phòng luôn luôn trả lại cho sự chính trực như thế. Trong thời gian trì hoãn, ông bà Louis và Zélie khám phá ra mình đang thương lượng với những kẻ lừa đảo. Như thường lệ vào

thời điểm đầu năm, các đơn đặt hàng đăng-ten sụt giảm, khiến bà Zélie một lần nữa tin rằng việc kinh doanh của mình đang đi xuống. Hai vợ chồng bỏ ý tưởng bán lại việc kinh doanh đăng ten của mình. Và thế là dù cho đã giảm nhịp độ hơn trước, bà Zélie vẫn cứ làm việc cho đến tận giờ phút lia trần.

Vài tuần sau, bà nghe có chuẩn bị chuyến hành hương đến Lộ Đức. Cả nhà quyết định là bà sẽ đi cùng Marie, Pauline và Leonie, từ ngày 18 đến 22 tháng giêng, chung với những người khác trong giáo phận Angers. Mục đích chuyến hành hương được xác định rõ ràng, xin một phép lạ Đức Mẹ cho bà Zélie.

Cách nhìn nhận của nhà Martin với việc xin phép lạ, rất đáng để chúng ta học hỏi. Trước hết, phép lạ không phải là chuyện phần thưởng cho người xứng đáng. Bà Zélie lúc đầu rất bối rối khi cầu xin Chúa chuyện gì, bởi nó đi ngược với luật tự nhiên của bà, nhưng ‘Chắc chắn là Ngài thường ban phép lạ vì sự nhân lành và lòng thương xót vô bờ.’ Cậu Isidore nhắc với chị mình rằng, Thiên Chúa có thể làm phép lạ này vì vinh quang Ngài, và cậu được một lá thư hồi đáp với lời lẽ thể hiện rõ ràng cách nhìn nhận của bà Zélie. ‘Chị cũng phải nói rằng mọi sự là vì vinh quang Chúa, nhưng Chúa không nghĩ về mình, chúng ta cần phép lạ cho chị, ngay cả khi không một ai biết như thế.’ Nhìn nhận tình yêu mãnh liệt của Cha dành cho con cái Ngài, là chóp đỉnh sự thánh thiện của bà Zélie, một chóp đỉnh mà con gái Têrêsa của bà cũng đạt đến.

Thứ nữa, với đức tin, hai người nhờ đến các thánh để xin phép lạ, cả gia đình, đặc biệt là các cô con gái và bạn bè ở nhà dòng, cậy đến các tuần cửu nhật, thánh lễ và lời kinh. Bà Zélie rất xúc động trước sự nâng đỡ này, nhưng cũng cầu xin Hội thánh trên trời: ‘Không, thiên đàng chưa bao giờ thấy những lời cầu nguyện sốt sắng và đức tin sống động đến vậy. Và chị còn có một người chị ở trên thiên đàng lo cho mình, có bốn thiên thần nhỏ cầu nguyện cho chị, các bé sẽ ở Lộ Đức cùng chị.’ Nhưng, như luôn luôn là vậy, ý Chúa luôn là điều lớn lao nhất. Bà Zélie không cho rằng mình biết rõ hơn Chúa, và trước khi lên đường đến Lộ Đức, bà cảnh báo các con gái, ‘Chúng ta cần phải bỏ mình đi để đón nhận ý Thiên Chúa nhân lành với trái tim mở rộng, dù có là gì đi nữa, bởi ý Chúa luôn luôn muốn điều tốt nhất cho chúng ta.’ Cuối cùng, bà Zélie là người không thể nào chỉ nghĩ cho riêng mình. Ở Lộ Đức, tất nhiên là bà Zélie xin ơn chữa lành cho mình, nhưng bà còn xin ơn chữa lành cho Pauline, đang bị chứng đau đầu hành hạ, và trên hết là xin chữa lành tâm hồn của Leonie. ‘Chị sẽ ký thác Đức Mẹ chữa lành con cho con chị, mở mang nhận thức, và làm cho con bé được nên thánh.’ Ngay từ đầu, bà Zélie đã ý thức rằng bà không đi hành hương cho riêng mình, và nhận thức này càng lớn lên trên đường.

Bài học của nhà Martin về sự chuyển cầu là thế này: một lời thỉnh cầu tin tưởng và khiêm nhượng thì mở lòng và hoàn toàn thuận theo lời đáp dù là thế nào. Lời đáp ở Lộ Đức, không phải là ơn chữa lành cho bà Zélie, nhưng như chúng ta sẽ thấy lời đáp của Chúa cùng ý hướng với những tâm tình của người xin.

Bà Zélie, Leonie, Marie và Pauline lên đường đến Lộ Đức, lòng đầy đức tin. Bà Zélie không thích đi xa, nhưng bà xác định rõ đây là vấn đề ‘chạy đua với sự sống.’ Chính Chúa đã gọi bà sống như thế. Cuộc sống của những con người làm bạn thân với Chúa, thường có chặng đàng vác thập giá trong cái chết và những thời khắc tiên liệu trước chuyện này. Noi theo mẫu gương Chúa Kitô, những con người này dường như vượt quá giới hạn phạm nhân, thể hiện một đức tin anh hùng tương xứng với sự hạnh phúc họ sẽ được cảm nếm trên thiên đàng. Đây là trường hợp của các thánh tử đạo, cũng như của thánh Têrêsa và bậc cha mẹ thánh của ngài.

Giai đoạn cuối đời của bà Zélie bắt đầu từ chuyến hành hương Lộ Đức, vốn tưởng nhẹ nhàng hóa ra đặc biệt gian nan. Các con của bà bị sốt, ‘Bất chấp tình cảm chắc chắn của các cô con gái muốn chăm sóc

cho chị, nhưng thực sự chị mới là người chăm sóc cho các bé.’ và bà Zélie chưa bao giờ ngủ được thẳng giấc trên tàu, bởi một vài tai nạn nhỏ, như có người vô tình đổ càphê lên áo của các cô bé. Khi họ đến được khách sạn, các cô gái mệt lử soạn hành lý ra, thì bà Zélie và Pauline mới biết họ đã lạc mất chuỗi hạt mà di Marie-Dosithee tặng. Bà và các con gái còn dự đám tang của một người hành hương chết vì uống quá nhiều nước ở Lộ Đức.

Bà Zélie không quen xuống hồ, nên chìm mình trong hồ nước Lộ Đức thật là chuyện khó khăn: ‘Chị kinh hãi nhìn làn nước lạnh như băng tê tái này. Nhưng chị phải góp sức mình, nên đã can đảm nhảy xuống nước. Phải thế, nhưng mà .... Chị gần như ngộp thở, và phải lên bờ ngay lập tức.’ Rồi bà và các con dùng các chai nước Lộ Đức, hết chai này đến chai khác, đến mức bà không chịu nổi nữa, và bà không thể gặp vị linh mục theo dự định, rồi còn lỡ chuyến tàu về nhà. Nhưng sự thất vọng lớn nhất, là bà không được chữa lành.

Kiệt nhọc kèm theo những tai nạn trên đường, còn làm trầm trọng thêm bệnh tình. Các cô con gái tuyệt vọng, còn ông Louis suốt cả tuần kinh khiếp ‘mỗi phút đều chực chờ điện tín [về phép lạ cho vợ mình] và mỗi khi chuông cửa reo, ông đều bồn chồn hồi hộp.’ Khi về đến nhà, họ còn phải đối mặt với những điệu cười mỉa của những hàng xóm không có đức tin. Nói tóm lại, cả nhà có quá nhiều thứ để cảm thấy thất vọng chán nản. Đây có thể là một đòn nặng, khi một người tin tưởng chờ đợi phép lạ của Chúa với hết sức lực của mình, nhưng rồi chẳng có gì. Nhưng phản ứng của bà Zélie khác hẳn: ‘Nói cho chị biết, liệu chuyến đi của nhà chị có tệ hơn nữa không? Tất nhiên, có những ơn trọng ẩn sau tất cả những chuyện này sẽ bù đắp cho tất cả những rắc rối vừa qua. Với đức tin, chị đã đổ nước thánh trên trán Leonie.’

Qua việc này chúng ta thấy được nhiều ý niệm của bà Zélie. Thấy rõ chuyến đi không được hi vọng của tất cả mọi người, bà Zélie đổi hướng lời cầu nguyện, dâng hết mọi sự để cầu cho Leonie. Bà Zélie đã thêm đức mến vào trong hành động đức tin, ngay cả khi đối mặt với thất bại hiển hiện trước mắt. Bây giờ bà đã hao mòn đi quá nhiều, nhưng bà vẫn là người nâng đỡ cả gia đình: ‘Anh Louis ngạc nhiên khi thấy chị trở về quá đổi hạnh phúc như thể chị đã nhận được ơn theo lòng mong ước, nên anh có thêm can đảm và làm cho bầu khí cả nhà phấn chấn lên.’ Bà an ủi cả nhà, thúc giục từng người hãy có can đảm và đức tin, xoa dịu những lo lắng của mọi người bằng sự bình an rạng rỡ của mình.

Sự bình an chắc chắn là hoa trái đầu tiên của chuyến hành hương Lộ Đức. Qua những sự kiện về sau, thấy được rằng lời cầu nguyện sốt sắng của mọi người không phải là vô vọng, và chúng ta có thể thấy những dấu chỉ của Thiên Chúa đáp lời, ngay cả lời nguyện xin chữa lành không được đáp lại cũng là một dấu ẩn bí mật của Vua Vũ trụ. Một hoa trái khác của Lộ Đức là bà Zélie hiểu được rằng Đức Mẹ sẽ yêu thương thay thế bà chăm lo cho các con. Khi trở về, bà viết thư an ủi Pauline: ‘Hãy cầu nguyện trong đức tin với Mẹ Thương xót. Mẹ sẽ đến giúp đỡ con với sự nhân lành và sự ân cần của người mẹ dịu dàng nhất.’

Các cô con gái của nhà Martin đều cảm nghiệm thật sâu sắc tình mẫu tử của Đức Mẹ. Ví dụ rõ ràng nhất là vào ngày lễ Mẹ, bức tượng Đức Mẹ bên giường ngủ của thánh Têrêsa đã mỉm cười, giải thoát cho thánh nữ khỏi cơn bệnh nặng và cả nỗi u sầu mất mẹ. Và Đức Mẹ đồng hành với Zélie trong những tuần cuối đời một cách đặc biệt: ‘Hạnh phúc thay, Đức Mẹ giúp cho chị, dù cho chị không biết chị có xứng hay không.’

Leonie là hoa trái thấy rõ của chuyến hành hương này, nhưng rộng hơn cũng là hoa trái của các nỗ lực, lời cầu nguyện, và hi sinh của bà Zélie. Có thể nói, Leonie giống như một kiệt tác của bà Zélie. Cô bé sẽ trở thành một nữ tu thánh thiện, và sau Têrêsa, là cô con gái nhà Martin được yêu mến và cầu nguyện

nhieu nhất. Leonie chạm đến tâm hồn mọi người bởi đã từng trải qua nhiều gian khó. Cái chết của mẹ không đẩy Leonie vào tăm tối, nhưng ngược lại. Chắc chắn Leonie được như thế, một phần là nhờ sự tin tưởng của bà Zélie đã ký thác con mình cho Chúa, nhờ cậy đến Chúa, tin rằng Chúa sẽ còn tác động tốt đẹp hơn cả tấm lòng người mẹ của mình.

Vài ngày sau chuyến đi Lộ Đức, bà Zélie vẫn hi vọng về một phép lạ, nhưng dựa trên thực tế, bà nhanh chóng nhận ra căn bệnh của mình đang nặng thêm. Bà sắp chết, và đây là lúc chuẩn bị cho cuộc gặp gỡ trọng đại mà bà đã hi vọng cả đời.

Đầu tháng bảy 1877, xảy ra cơn đột quy đầu tiên. Các lá thư cuối cùng của bà cho chúng ta biết về những đau khổ kinh hoàng: Thời đó, các bác sỹ không có cách nào để giảm các cơn đau nặng. Đêm ngày 07 tháng bảy, khi ông Louis đang Cầu Thánh Thể Đêm, bà Zélie ở nhà một mình, thì bà bị đau dữ dội nơi vùng cổ, tưởng như đầu sắp rơi ra. Nhưng chuyện này cũng không ngăn được bà, ngay sáng hôm sau, dậy sớm đi lễ, nơi bà rút lui về phía sau nhà thờ, và khóc trong đau đớn. Vài người hẳn sẽ nói rằng đây là hành động thiếu khôn ngoan, nhưng đây thực sự là vấn đề các ưu tiên hàng đầu. Đối mặt với cái chết, bà Zélie dễ dàng ra quyết định chọn lựa giữa những xoa dịu tạm thời và Phép Thánh Thể. Bao lâu còn có thể lê được thân mình, bà vẫn tiếp tục đi lễ với sự giúp đỡ của ông Louis và Marie, cho đến tận cuối tháng tám, dù cho thân xác đau đớn không chịu nổi. Marie kể lại: ‘Ngày thứ sáu, mẹ đi lễ lúc bảy giờ, bởi hôm đó là thứ sáu đầu tháng. Cha đưa mẹ đi, bởi mẹ không đi được mà không có cha giúp. Mẹ bảo là khi đến nhà thờ, mẹ không thể nào vào được nếu không có ai đẩy cửa giùm.’

Đau đớn không làm bà Zélie thoái lui. Trong tháng bảy, bà làm tuần cửu nhật cầu cho một nhân viên đang bị bệnh, bà vẫn tiếp tục gửi đi các lá thư hài hước và làm an lòng, bà hạn chế gọi nhờ người khác làm gì, cũng như cố không kêu đau vào ban đêm tránh làm thức giấc người khác, và bà giữ được một bầu khí tốt đẹp trong nhà. Nhưng bệnh tình của bà trở nặng nhanh chóng. Ngày 15 tháng bảy, bà viết ‘Chị không thể tự mặc hay cởi áo quần được.

Cánh tay chị bên phía khối u không hoạt động được, nhưng bàn tay vẫn muốn cầm kim đan! Hơn nữa, chị ê ẩm cả người, đau trong bụng, và sốt suốt mười lăm ngày nay. Và chị không thể đứng vững, nên chỉ ngồi thôi... Ban ngày gần như không có các cơn đau, nhưng vào ban đêm, dây chằng của chị cứng đơ, chị cần có những biện pháp chưa từng có để đổi thế nằm. Trong lúc đó, chị học biết về bệnh tình của mình, và bắt đầu biết cách để bớt đau cũng như tránh các cơn đột quy.

Bà dâng tất cả những đau đớn này cho những người thân, và chuẩn bị hướng về thiên đàng, như trong lá thư dí dỏm bà viết cho Pauline: ‘Con nói là con muốn chịu đau đớn thay cho mẹ. Mẹ khá là khó chịu với chuyện này đó. Hẳn là con không muốn mẹ được lên thiên đàng, và con chỉ muốn mọi sự cho con mà thôi ... À, thì cứ tự nhiên, Pauline của mẹ. Về phần mình, chắc mẹ sẽ ở trong Luyện ngục cả trăm năm. Con có muốn nhận dùm mẹ cái này luôn không nào? Khi chuyện đến mức như thế, sao con không nhận hết đi?’ Điều duy nhất bà yêu cầu những người quanh mình, là xin họ cầu nguyện cho bà biết bỏ mình hoàn toàn mà vâng theo ý Chúa, đồng thời đón nhận đau đớn với bình an và nhẫn nại.

Khi biết được bệnh tình chị mình đang xấu đi, cậu Isidore đã đến thăm bà vào đầu tháng tám. Vì cậu am hiểu về dược học, nên trước đó bà Zélie đã nhờ cậu báo cho bà biết nếu cậu thấy cái chết đã cận kề. Không vòng vo gì, và ngay trước mặt ông Louis đang tan nát, Isidore cho biết chị mình chỉ còn chưa đến một tháng nữa để sống. Bà Zélie không chút lưỡng lự, trả lời rằng bà không sợ chết. Khi ngồi nói chuyện riêng với cậu Isidore, bà lo lắng không biết ông Louis tội nghiệp và năm người con gái sẽ ra sao đây, nhưng bà luôn ký thác họ trong bàn tay Chúa. Cậu Isidore gợi ý bà nên giục chồng chuyển đến Lisieux

sau khi bà qua đời, để gia đình cậu có thể dễ dàng giúp đỡ. Bà Zélie cảm thấy đề nghị này hẳn là giải pháp tốt nhất. Bà đã nói chuyện này với ông Louis, nhưng với một lòng tôn trọng nên không gây áp lực với ông, một việc mà bà vốn có thể làm dễ dàng với tình trạng của mình.

Trong tháng tám, các cơn đau càng dữ dội không thể chịu nổi. Zélie có được thời gian nghỉ ngơi cuối cùng vào ngày 09 tháng tám, và bà tận dụng dịp này tham gia lễ hội nhỏ mà các cô con gái tổ chức để trao các giải thưởng từ ‘thánh Marie dòng Đi viêng ở Alencon’ một biệt danh được gán cho Marie khi cô dạy học cho Celine và Têrêsa. Ông Louis và bà Zélie chủ trì buổi lễ thật trang trọng trong phòng của Marie đã được trang trí lại toàn bộ cho dịp này, hai người trao giải thưởng và vương miện cho các thiên thần nhỏ. Marie còn có một bài diễn văn nữa.

Trong các tuần kế tiếp, bà Zélie khóc vì không có cách nào để cho con cái được người ngoại, nên bà giục ông Louis lên kế hoạch đi chơi thuyền, cũng vui vẻ nhưng chắc chắn không phải chuyến đi chơi hạnh phúc nhất. Con đau đón chiếm lấy cả người bà. Bà Zélie viết cho cậu Isidore

‘Em thân mến, ngày hôm qua chị kêu tên em thật to, tin rằng chỉ có em mới có cách cho chị đỡ đau. Trong hai mươi bốn tiếng đồng hồ, chị chịu đựng còn nhiều đau đớn hơn cả đời cộng lại, chị chỉ còn biết kêu la và than khóc. ... Chị đang trong tình cảnh khó khăn khủng khiếp, không thể ngả lưng được. Mọi người cố gắng đủ cách, nhưng cái đầu tội nghiệp của chị chẳng có chút cảm giác gì, và thậm chí nuốt miếng nước cũng không được nữa. Cổ thì cứng ngắc, và có nhúc nhích một chút là đã đau khủng khiếp rồi. Cuối cùng, chị chỉ có thể nằm trên giường theo tư thế ngồi. Khi giấc ngủ lơ mơ kéo về, thì chỉ một cử động nhỏ thôi là đã khơi hết mọi cơn đau trở dậy rồi. Chị khóc cả đêm. Louis, Marie, và cô giúp việc ở bên giường chị. Tội nghiệp anh Louis, nhiều lần anh ấy ẵm chị trên tay như đứa trẻ.’

Giữa những đau đớn, bà Zélie vẫn hướng về trời. Những lúc mất ngủ, Marie có thể nghe thấy mẹ mình than van, ‘Lạy Chúa, Chúa tạo thành con, xin thương xót con!’ và lần khác Marie thấy mẹ quỳ gối, mặt tái nhợt, đang lạy hạt trước tượng Đức Mẹ. Như Đức Kitô và nhiều vị thánh của Chúa, bà Zélie nhiều lần thấy mình bị Chúa bỏ rơi: ‘Chị nài xin các thánh trên thiên đàng, từng thánh một, nhưng không ai trả lời.’ Nhưng không điều gì ngăn được bà có một sự thanh bình thâm sâu khiến mọi người ngưỡng mộ, và theo ông Louis thì cha giải tội của bà còn lo lắng hơn bà nữa. Bà thường lặp lại lời của thánh Phanxicô đệ San, ‘Một chút nhân đức thực hành trong gian khổ còn đáng giá hơn ngàn lần nghỉ ngơi vui thú,’ và bà thực hành đúng câu này.

Giữa hai cơn đau dữ dội, bà gọi các con gái đến để cho những lời răn dạy cuối cùng, mời gọi các con sống thánh thiện, và giao phó các chị lớn chăm nom cho các em nhỏ. Trên hết, bà nhắc đi nhắc lại cho các con biết bà yêu thương các thiên thần nhỏ của bà đến thế nào. Ông Louis, tan nát cõi lòng, không rời giường bệnh của bà nửa bước.

Ngày 25 tháng tám, bà Zélie bị xuất huyết, và nó rút cạn chút sức lực còn lại của bà. Hôm 26 tháng tám, ông Louis đi tìm linh mục để cho bà nghi thức cuối đời. Bà đã lãnh nhận với cả gia đình cầu nguyện chung quanh. Ông Louis không thể ngăn dòng nước mắt. Từ lúc đó, bà Zélie bớt đau hơn, và dù cho vẫn còn ý thức nhưng bà không cử động cũng không nói được. Nhưng đôi mắt là lời nói của bà. Ngày 27, khi Isidore và vợ đến nơi, bà Zélie nhìn em dâu Celine Guerien một hồi lâu, và mỉm cười với cô. Về sau vợ Celine viết thư cho các cô con gái nhà Martin rằng: ‘Mợ nghĩ là mợ hiểu cái nhìn của mẹ các con, một điều không bao giờ mợ quên, một dấu ấn không phai trong lòng mợ. Từ ngày đó, mợ đã cố gắng để thay thế người mẹ Chúa đã đưa về trời của các con.’ Sau này, thánh Têrêsa đã viết những dòng thơ nhớ về mẹ mình:

*“Tôi thích nụ cười mẹ yêu  
Cái nhìn sâu sắc dường như nói lời,  
Bất diệt sự sống đời đời  
Đang chiêm trợn mẹ, đang đưa mẹ về...  
Mẹ đang lên tận cõi trời,  
Một màu xanh biếc để nhìn Chúa yêu.”*

Vào mười hai giờ rưỡi đêm ngày 28 tháng tám, bà Zélie nhẹ nhàng qua đời, với ông Louis và cậu Isidore túc trực bên cạnh. Trong lá thư cuối cùng, bà viết: ‘Nếu Đức Mẹ không chữa lành cho chị, thì đó là bởi thời gian của chị đã hết, và Chúa muốn chị nghỉ ngơi ở một nơi không phải đời này.’ Sau một đời lao công, và đau khổ, con người tận hiến hoàn toàn cho Chúa và gia đình, đã đến được bến bờ của mình, được đoàn tụ với bốn thiên thần nhỏ mà bà đã khóc thương rất nhiều. Biết tin bà mất, cha giải tội của bà nói rằng trên thiên đàng vừa có một vị thánh nữa.

Gia đình quy tụ quanh thi hài bà trong nhà thờ. Cha Piat viết, ‘Bà như đang ngủ. Mới chớm bốn mươi sáu tuổi, có lẽ bà được đưa về trời quá sớm. Gương mặt hốc hác, hằn nét đau đớn, vẫn toát lên vẻ trang nghiêm và tươi trẻ. Một bầu khí thân ái và êm đềm siêu nhiên lan khắp nhà nguyện. Ông Martin và các con gái không thể nào ngừng chiêm ngắm gương mặt thanh thần của con người, sau khi đã làm việc hết sức, cuối cùng đã được nghỉ ngơi.’

Bà được chôn cất tại nghĩa trang Nhà thờ Đức Bà Alencon, ngày 29 tháng tám. Có thể hiểu cái chết của người mẹ của năm đứa con này qua ánh sáng Tin mừng: ‘Nếu hạt lúa gieo vào lòng đất không chết đi, thì nó vẫn trơ trọi một mình; còn nếu chết đi, nó mới sinh được nhiều hạt khác.’ (Ga 12, 24) Bà Zélie sinh nhiều hoa trái ơn ích cho gia đình và cho rất nhiều người khác. Mà có thể ở trên thiên đàng, bà cũng không được thảnh thơi lắm đâu.

## **CHƯƠNG 9**

### **DÂNG HIẾN CỦA ÔNG LOUIS**

Sau khi bà Zélie qua đời, cậu Isidore nhất quyết bảo ông Louis nên làm theo kế hoạch của vợ ông, là đưa cả nhà đến Lisieux. Vợ chồng cậu Isidore có thể giúp ông dạy dỗ các cháu gái, và cùng với hai người con của họ, Jeanne và Marie, làm thành một đại gia đình. Ông Louis sớm chịu theo vì lợi ích cho con cái mình. Đây là một hi sinh không nhỏ với ông. Mẹ ông, bạn bè, nhà ngũ giác Pavillion, mộ phần thân nhân, và các ký ức của ông đều ở Alencon. Marie đã nhắc đến điều này trong lá thư gửi cậu: ‘Cha con hẳn sẽ hi sinh mọi sự có thể vì chúng con. Cha sẽ hi sinh hạnh phúc, và cả mạng sống của cha nếu cần, để cho chúng con được hạnh phúc. Cha không từ nan bất kỳ sự gì. Cha không lần lữa dù chỉ một phút, và tin rằng đây là vì bổn phận và lợi ích cho tất cả mọi người, thế là đủ với cha con rồi.’

Isidore cũng không chút từ nan, đã đi xem ít nhất là 25 căn nhà để tìm một nơi ở lý tưởng cho nhà Martin. Ngày 10 tháng chín 1887, ông tìm thấy một căn nhà cách tiệm thuốc của mình vài bước, một ngôi nhà thật xinh mà các con gái nhà Martin đặt tên là ‘Chòm cây’ (Les Buissonnets) Ngôi nhà trung lưu, nhỏ nhắn, xinh xắn này có một khu vườn lớn, sẽ là ‘tổ ấm ái’ cho gia đình Martin đang đau khổ.

Sau khi từ giã nghĩa trang Đức Bà nơi yên nghỉ của bà Zélie, các cô con gái nhà Martin dời đi vào ngày 15 tháng mười một, với sự giúp đỡ của nhà cậu Isidore, còn ông Louis ở lại Alencon thêm vài tuần để thanh lý việc kinh doanh. Trong thời gian tạm xa cách, ông viết thư khuyên nhủ các con: ‘Cha ôm các con sát trái tim cha, bởi cha yêu thương các con, và cha ký thác các con cho người mẹ thánh thiện của các con.’ Một lần nữa, niềm hi vọng kiên vững đã nâng đỡ cả nhà trong gian nan đau buồn. Tất cả đều biết rằng bà Zélie gần gũi và dõi theo mình, nhưng tất nhiên ai cũng nhớ bà khủng khiếp. Ông Louis vốn không quen phải xa cách vợ mình dù chỉ là vài ngày nên chúng ta có thể hiểu được ông đau khổ đến thế nào khi bị cái chết chia lìa tình vợ chồng.

Vết thương trong lòng các cô con gái cũng không kém. Nhưng, như bà Zélie đã thấy trước, trong nhà nhanh chóng lấy lại được sự cân bằng. Leonie và Celine chọn Marie làm người thay thế cho mẹ, còn Têrêsa thì chọn Pauline. Marie, gần 18 tuổi, can đảm nhận lấy vai trò bà chủ nhà và là người giáo dục các em nhỏ nhất, và theo gương mẹ mình, cô cũng tin tưởng vào các phương pháp giáo dục của Dòng Đi viếng mà bản thân cô đã từng trải nghiệm. Cả nhà tổ chức lại một cuộc sống mới ở ‘Chòm cây’. Ông Louis là ‘vua yêu quý,’ biệt danh các con gái đặt cho ông.

Vẫn còn đau buồn, nhà Martin dựa và nhau và thích ở gần nhau. Sau khi mất đi người vợ thân yêu, sự lôi cuốn của cô tịch lớn dần trong ông Louis. Ông không cố gắng tham gia vào đời sống xã hội ở Lisieux, và hài lòng khi được về thăm Alencon ba tháng một lần, thăm mẹ đang hưởng những ngày tháng tuổi già hạnh phúc với bà vú của gia đình Rose Taille, gặp bạn bè, và đến cầu nguyện bên mộ những người thân yêu đã xa. Các con gái của ông cũng không hứng thú gì với các sự kiện xã hội, đến mức gia đình Martin dành rất ít thời gian với những người khác, ngoài trừ nhà cậu Isidore.

Tuy nhiên, họ không dựa vào sức mình, nhưng là cậy dựa nơi Chúa. Mọi người đi lễ hằng ngày, và ông Louis chủ trì cầu nguyện trước bữa ăn, và giờ kinh tối. Têrêsa viết rằng chị ‘chỉ cần nhìn vào cha, để biết một vị thánh cầu nguyện như thế nào.’ Nhiều lúc, con người chiêm niệm thánh thiện này quá ngập tràn ân sủng đến nỗi không cầm được nước mắt. Dù đã giao cho Marie nhiệm vụ dạy giáo lý cho các em nhỏ, nhưng chính thái độ của ông thường là một dịp mở mang khai sáng cho các con. Là người thấy được sự nhân lành của Thiên Chúa trong mọi sự, ông truyền sự kinh ngạc của mình và ơn Chúa cho những người chung quanh. Về sau Têrêsa nhắc lại cho các chị em những lời mà ông Louis thường nói, chẳng hạn như, ‘Không ai độ lượng hơn Thiên Chúa nhân lành,’ và ‘Lạy Chúa, xin tăng thêm đức tin của con.’

Để thay thế cho lầu ngũ giác Pavillion, ông Louis sắp xếp phòng tháp cao nhất nhà, thành một nơi vừa cầu nguyện vừa suy tư. Mỗi ngày, ông cầu nguyện và đọc sách hàng giờ ở đó. Chắc chắn ông hiệp chung với người vợ thân yêu trong lời cầu nguyện. Năm 1885, ông viết những dòng cho thấy liên hệ mạnh mẽ vượt ngoài cái chết này: “Suy nghĩ của mẹ con theo sát cha luôn mãi.”

Ông Louis và chị Marie đều xin bà Zélie trên thiên đàng giúp dạy dỗ các bé nhỏ. Marie ý thức được rằng mình không thể nào thay thế được một người mẹ, và chị khiêm nhường đặt hi vọng nơi sự bảo vệ của mẹ thánh thiện hơn là nơi những nỗ lực yếu ớt của mình. Lời cầu nguyện đã đem lại hoa trái, đặc biệt trong trường hợp Leonie, và Marie viết thư cho cha trong: ‘Con để ý thấy thời gian này, bé đang thay đổi từng ngày. Cha có để ý thấy không? Cậu và mợ đã thấy rồi. Con chắc là mẹ yêu dấu của chúng con đang xin được ơn này, và con tin chắc rằng một ngày nào đó, Leonie của chúng ta sẽ là niềm an vui của cả nhà.’

Bản thân ông Louis cũng thêm sự dụi hiền mẫu tử vào trong uy quyền phụ tử của mình. Theo Celine, tấm lòng của ông đặc biệt triu mến với các cô con gái, và ông chỉ sống vì các con. ‘Không một trái tim

người mẹ nào hơn được trái tim của cha con, một tấm lòng không tí vết.’ Chuyện nhà được giao vào tay Marie, nhưng chính ông Louis mới là người định đường hướng chung cho gia đình. Các giá trị của ông không thay đổi, vẫn hết như thời ở Alencon, nhà cửa đầy đủ nhưng luôn luôn với tinh thần thanh đạm. Cả nhà sống và ăn uống đơn giản, ông Louis không bao giờ dung thứ cho lãng phí và các khoản chi không cần thiết, nhưng ông bảo đảm cho các con tất cả những gì cần có để triển nở: đồ chơi, sách vở, thú cưng, đồ vẽ cho Pauline và Celine, các nghệ sỹ trong nhà. Tuy nhiên, ông bác bỏ mọi thứ phù phiếm vắn vơ nhất thời. Với ông, việc giáo dục con cái, quản lý gia đình, cũng như sửa sang vườn tược, chuồng chim, sân trại, là trung tâm các hoạt động của cả nhà, và tất nhiên là đi cùng với các việc bác ái.

Một trong các việc bác ái đó là làm việc với Dòng Vicent de Paul (Dòng Phaolô). Ông giúp quản lý tài chính cho một tu viện gần đó, và dành một khoản thời gian ngày thứ hai hàng tuần để tiếp đón những người nghèo đến nhà. Hội họa, thêu thùa, dọn dẹp nhà cửa, và đọc sách, là nhiệm vụ trong ngày của các cô con gái nhà Martin. Không thể xa rời Leonie, Celine, và Têrêsa, nên ông Louis không gởi các cô đến trường nội trú, mà đăng ký theo học bán trú tại trường Notre-Dame du Pre thuộc Tu viện Bê-nê-đi-cô, một trường tốt ở Lisieux. Ông thường tự đến đón con và nghe các con kể chuyện học hành trong ngày. Ông dạy các con tôn trọng thẩm quyền của các giáo viên, và người giúp việc mới, Victoire. Chị giúp việc mới này nói rằng ‘Chòm cây’ thật là một tu viện thu nhỏ, bởi đức tin và tình yêu ngự trị nơi này, cũng như bởi bầu khí trong nhà như một đan viện.

Ngôi nhà rất vui tươi với năm cô con gái đầy sức sống và người cha. Têrêsa đã viết rất dài về những buổi tối và ngày chúa nhật của cả nhà. Mỗi tối, ông Louis trở thành chủ xướng kiêm mục tử cho buổi giải trí của các con. Ông bắt đầu bằng việc đọc và bình giảng một đoạn sách thiêng liêng, thường là quyền Năm Phụng vụ của Dom Gueranger. Và rồi, với giọng trầm ấm, ông hát vài bài từ kho nhạc phong phú của mình, hay làm vài giọng nhái hài hước. Têrêsa ngồi trên chân ông, nuốt lấy hết những tiếng hát đó, và về sau áp dụng rất tốt di sản này ở dòng Carmel. Rồi đến lúc chơi trò chơi, và ông Louis hầu như luôn là tay cờ vua bất bại. Cuối cùng, cả nhà quây quanh tượng Đức Mẹ để tạ ơn một ngày qua. Vào ngày chúa nhật, sau khi đi lễ, cả nhà đi dạo theo thông lệ, và ông chia sẻ kiến thức thiên nhiên cho các cô con gái, hoặc ông câu cá còn các cô thì vui đùa.

Ngày lễ thánh Louis, vua nước Pháp, là ngày lễ mừng ở ‘Chòm cây.’ Các cô gái trang trí nhà cửa với các vòng hoa, và năm cô sẽ rón rén lên lầu chúc mừng để làm cha mình ngạc nhiên. Têrêsa đọc bài thơ chúc mừng nho nhỏ của mình, một bài đã được lưu giữ lại, thể hiện tình thương yêu mà các con gái nhà Martin dành cho ‘vua’ của mình.

*‘Lớn lên, con thấy lòng cha  
Tràn đầy Thiên Chúa, tràn đầy yêu thương  
Mẫu gương thôi thúc con thường  
Muốn theo dấu bước cha từng đi qua  
Con muốn đời này được là  
Niềm vui an ủi cho cha dịu hiền  
Con muốn noi gương Cha nhỏ  
Cha quá trù mền, ngọt ngào, yêu thương.’*

Và rồi là ăn mừng lễ.



Ông Louis muốn các con được thấy thế giới. Nên ông đã đưa các cô đến Paris, đến vùng biển Deauville và Trouville, những kỳ nghỉ vui vẻ với gia đình cậu Isidore, đến Đại Triển lãm ở Le Havre, và còn nhiều nơi khác. Gia đình sống trong bầu khí hạnh phúc bình an mà Zélie luôn mong ước.

Ngay cả khi ông Louis, cũng như vợ mình, luôn cho các con hoàn toàn tự do quyết định tương lai của mình, nhưng bầu khí trong nhà luôn ưu ái sự triển nở của ơn gọi tận hiến. Hết lần này đến lần khác, các cô con gái nhà Martin nghe thấy tiếng gọi tận hiến vang vọng trong lòng mình. Ông Louis ủng hộ từng đưa con trong bước đi này, dù cho đó là điều đau đớn với ông. Pauline là người đầu tiên muốn rời tổ, đúng như bà Zélie đã tiên liệu.

Mẫu gương của người di ở dòng Đi viếng đã có tác động sâu sắc đến cô, nhưng suy xét tình hình gia đình sau khi mẹ vừa qua đời, Pauline quyết định ở lại nhà một thời gian để phụ giúp Marie dạy dỗ Celine và Têrêsa. Tiếng gọi trong lòng Pauline ngày càng thúc bách hơn, và đến cuối năm 1881, khi được 20 tuổi, cô đã liên hệ với Tu viện Đức Mẹ Đi viếng ở Le Mans, nơi cô nghĩ là phù hợp với ơn gọi của mình. Tuy nhiên, ngày 16 tháng hai 1882, khi Pauline tham dự thánh lễ không xa tượng Đức Mẹ Núi Carmel, lòng cô ngập tràn một sự tin tưởng rằng tiếng gọi của mình là theo dòng của thánh Têrêsa thành Avila. Có một tu viện dòng Carmel vừa mới được lập ở Lisieux, nơi Pauline đã vài lần cùng với cha đến đó cầu nguyện.

Ông Louis đang ở một mình trên lầu tháp, thì cô con gái Pauline tìm đến, đầy háo hức. Ông đón nhận tin này với một sự ân cần, và chỉ hỏi một câu duy nhất nhưng đầy suy tư: Sức khỏe mỏng manh của Pauline có chịu nổi khuôn khổ của dòng Carmel không? Thấy được sự quyết tâm của con gái, ông không hỏi thêm gì nữa, và chúc lành cho Pauline. Nhưng tấm lòng người cha thì giằng xé. Một mặt, ông tuyệt đối vui lòng khi Chúa kêu gọi con gái mình, đây là niềm vui và vinh dự, và ông biết là có thể nhờ cậy Chúa để cho con gái ông được hạnh phúc. Mặt khác, là một người không thích sự chia xa, nên đây là một nỗi đau khổ với ông Louis. Buổi chiều ông cho Pauline biết cảm nghĩ của mình, khi nói là cho phép cô vào dòng Camel vì hạnh phúc của cô, nhưng đây là một sự hi sinh về phần ông, bởi ông yêu thương cô rất nhiều. Tất cả các cô gái nhà Martin đều một lòng xem ông Louis như một Abraham thời hiện đại. Ngày 02 tháng mười 1882, tổ phụ hiện đại này lần đầu leo lên núi Carmel để dâng hiến con mình cho Chúa.

Đây là nỗi buồn sâu sắc, đến nỗi khi ra về, ông hỏi con gái là liệu ông có còn được gặp cô nữa không. Thời điểm đó, khách đến thăm các sơ trong dòng kín, phải ngăn cách bằng một tấm mắt lưới, và gia đình Martin chỉ được thăm viếng ngắn mỗi tuần một lần mà thôi. Nhưng phòng khách ở tu viện Carmel sớm là niềm vui lớn cho ông Louis, không chỉ bởi ông có thể gặp lại con mình, nhưng còn bởi qua đó, Pauline giới thiệu cho ông các bậc thầy vĩ đại của dòng Carmel là Gioan Thánh Giá và Têrêsa thành Avila. Người cha khiêm nhượng này để con gái dạy mình về đường cầu nguyện của dòng Carmel, và linh hồn khao khát Thiên Chúa của ông, quá đổi vui mừng.

Nhưng một thử thách nữa đang chực ập đến, là chuyện sức khỏe của Têrêsa. Lúc đó, Têrêsa được mười tuổi, bị chấn động bởi sự thiếu vắng Pauline, người mẹ thứ hai của mình, nên cô con gái út mà ông Louis yêu dấu, lâm bệnh nặng vào tháng ba 1883. Thuốc men không có tác dụng, và ông Louis viết, ‘nữ hoàng bé nhỏ của tôi’ chìm trong bệnh tật. Cô bé còn không nhận ra nỗi cha mình, và một ngày nọ ông phải rời phòng con gái trong nước mắt, bởi cô bé khóc thét vì sợ khi thấy ông.

Ông Louis, với cách nói của mình, khuấy động thiên đàng để cứu lấy bé Têrêsa. Trong tất cả những việc ông đã làm, có tuần cửu nhật theo cách ở Nhà thờ Đức Bà Vinh quang. Trong tuần cửu nhật này, vào

ngày Lễ Hiện Xuống, tượng Đức Mẹ Phúc Lành mà cả gia đình yêu mến, bỗng sống động và mỉm cười với Têrêsa, giải thoát cho bé hết mọi bệnh tật. Thật là niềm vui vô cùng, ông Louis đã viết thư cho bạn bè mình: ‘Tôi kể cho các anh nghe về Têrêsa, nữ hoàng bé nhỏ của tôi - đây là cách tôi kêu con bé bởi bé thật là nhỏ nhắn dễ thương - tôi cam đoan với các bạn, là bé đã được lành hoàn toàn. Vô số lời cầu nguyện đã khuấy động thiên đàng thành công, và Thiên Chúa, Đáng quá đổi nhân từ, đã chấp nhận đầu hàng.’

Quanh thời gian này, Marie đã gặp một nhà giảng thuyết vĩ đại của Dòng Tên, cha Almire Pichon, người dần dần trở thành cố vấn thiêng liêng cho nhà. Ông Louis không để ý thấy, con gái đầu của mình đang bắt đầu một nhận định khó khăn hướng về dòng Carmel. Nhưng trước đó, cô đã giúp cha mình hoàn thành một giấc mơ: hành hương đến Thánh địa.

Chúng ta đều biết ông Louis yêu mến việc hành hương đến thế nào. Ở tuổi sáu mươi hai, ông vẫn không ngại các khó khăn trên đường, mà còn ngược lại nữa. Dù cho cuối cùng, không đến được Thánh địa, nhưng trong vòng một tháng rưỡi, đồng hành cùng với người bạn linh mục, ông đã viếng Munich, Vienna, Constantinople, Athens, Napoli, và Roma. Linh hồn ông đầy tràn ân sủng qua những điều kỳ diệu ông gặp thấy trên đường. Ông viết thư cho các con gái rằng: ‘Giá mà cha có thể làm cho các con cảm nhận được mọi sự cha đã trải qua, với một lòng ngưỡng mộ những sự kỳ vĩ tuyệt đẹp đang biểu lộ trước mắt cha! Lạy Chúa con! Kỳ công tay Ngài quá diệu kỳ! ... Cha có thể hét to, ‘Quá nhiều, Chúa ơi! Chúa quá tốt với con!’

Roma đặc biệt lay động tâm lòng Kitô hữu của ông. Nhưng ông Louis kể về chuyến đi của mình theo phong cách của thánh Augustinô. ‘Tất cả mọi sự cha thấy đều huy hoàng, nhưng đây là một vẻ đẹp thế gian, và lòng chúng ta không thỏa mãn bao lâu chưa thấy được vẻ đẹp vô cùng vô tận của Thiên Chúa. Chúng ta sẽ sớm lại có niềm vui được sum vầy gia đình, và chính vẻ đẹp này đưa chúng ta đến gần Chúa hơn.’ Ông Louis về nhà, lòng đầy vui vẻ, và có vô số chuyện để kể.

Ông có thể kết thúc đời mình như thế, được vây quanh bởi tình yêu thương của các cô con gái dành cho ‘vua’ yêu quý trên lãnh địa ‘Chòm cây.’ Khi nghĩ đến hoa trái của hành động đức tin của ông Abraham, một hành động sinh ra vô số kẻ tin, bởi ông đã không khước từ Đức Chúa điều gì, kể cả người con độc nhất của mình, thì chúng ta cũng có thể hình dung hoa trái của ông Louis Martin, người đã dâng Chúa tất cả con gái của mình, và cuối cùng dâng hiến chính bản thân ông nữa.

Hi sinh thứ hai, đứa con thứ hai nhưng không phải cuối cùng, của ông là Marie, vào năm 1886 quyết định gia nhập dòng Carmel cùng với Pauline. Ông Louis luôn yêu quý đứa con gái đầu, ‘kim cương của cha’ một cách đặc biệt, và lần này ông không giấu nổi đau đớn. Marie nói rằng ông thờ dài khi nghe cô báo tin. Ông không ngờ trước việc này, bởi không có dấu hiệu gì khiến mọi người tin chắc rằng Marie muốn đi tu. Khi ông cầm nước mắt, và hỏi to, ‘Làm sao cha sống mà không có con?’ thì Marie bảo ông là Celine đã đủ lớn để thay thế cô và mọi chuyện sẽ ổn thôi. Cha cô nói thêm rằng Chúa không thể đòi ông một hi sinh nào lớn hơn thế nữa. Ông đã nghĩ là Marie sẽ không bao giờ rời bỏ mình, ông ôm con gái để giấu đi cảm xúc chực trào của mình.

Và xảy đến cuộc chia lìa kép, bởi trong thời gian Marie đến Alencon để giã biệt người thân, thì Leonie, không báo ai, đã gia nhập dòng Clara Hèn mọn. Cả nhà đều sốc, nhưng ông Louis, với sự cao cả linh hồn, đã bảo vệ con gái mình. Ông nghĩ sâu sắc rằng Leonie không thể giữ nổi luật khổ hạnh, nhưng ông vẫn ủng hộ cô, và một tháng sau, khi cô trở về với thất bại buồn thảm, ông đã an ủi nỗi thất vọng của

con gái hết sức có thể. Ông tin chắc rằng, với sự giúp sức của người mẹ trên thiên đàng, đứa con gái này rồi cũng sẽ bỏ ông để đi tu lần nữa.

Ngày 15 tháng mười 1886, nhân lễ thánh Têrêsa thành Avila, ông Louis đưa Marie đến dòng Carmel. Ở ‘Chòm cây’ Celine mười bảy tuổi, nhận lấy vai trò của người chị cả, còn Têrêsa mười ba tuổi, lòng cháy bỏng khao khát muốn được chung đường với các chị lớn của mình. Sau cơn lành bệnh, Têrêsa ‘biến đổi hoàn toàn’ và quyết tâm bước qua thời thơ ấu, nên vào Giáng Sinh 1886, cô đã quyết định không chờ đợi nữa, và vào ngày Lễ Hiện Xuống 1887, cô báo với ông Louis về kế hoạch của mình. Têrêsa kể lại lần báo tin xúc động này:

Qua dòng nước mắt, em bộc bạch với cha khao khát muốn vào dòng Carmel, rồi nước mắt của cha cũng tuôn rơi, nhưng cha không nói lời nào phản đối nguyện vọng của em, cha chỉ đơn giản chỉ cho em thấy là em còn khá nhỏ để quyết định một bước hệ trọng đến thế. Nhưng em bảo vệ lập trường của mình quá giỏi, nên cha, với bản tính đơn sơ và thẳng thắn, sớm được thuyết phục rằng khao khát của em cũng là khao khát của Chúa.

Trong đức tin sâu sắc của mình, cha nói rằng Chúa đã ban cho cha vinh dự lớn lao khi muốn cha trao các con gái của mình đi như thế, rồi hai cha con tiếp tục đi dạo một hồi lâu. Lòng em thấy an tâm bởi người cha có một không hai của em đã chấp nhận tin này, và em bộc bạch hết lòng mình với cha. Cha dường như hân hoan với niềm vui thầm lặng của con người hi sinh, mà là hi sinh thêm một lần nữa, và cha nói chuyện với em như một vị thánh.

Ông Louis làm hết sức mình cho sự hi sinh phụ tử này. Ông không chỉ cho phép Têrêsa đi tu, mà sau khi mẹ bề trên của dòng Carmel không nhận cô con gái út của ông vì tuổi còn nhỏ, ông đã làm mọi cách có thể để giúp Têrêsa, với một sự quên mình đáng ngưỡng mộ. Ông trình trường hợp Têrêsa lên giám mục, ông khích lệ, an ủi cô, và với phương cách cuối cùng, ông đưa Têrêsa đến gặp giáo hoàng ở Roma và xin được sự chấp thuận nổi danh về sau! Giám mục Flavien Hugonin mà ông đã đưa Têrêsa đến gặp, không thể bỏ qua sự háo hức của người cha sẵn sàng dâng con mình cho Chúa, và của người con muốn tận hiến bản thân. Lòng nhiệt thành của ông Louis với Chúa, thiếu sót quá đỗi mãnh liệt, nên ông không còn nghĩ đến đau đớn của riêng mình, từ đó biến ông thành khí cụ hoàn hảo của Đấng Quan Phòng. Không có cha giúp, thì Têrêsa không thể nào vào dòng Carmel trước tuổi hai mốt, mà nếu vậy thì ‘bước chạy như người không lờ’ của Têrêsa sẽ ra sao?

Do giám mục chần chừ, nên ông Louis và Têrêsa quyết định tự mình đến gặp giáo hoàng. Họ ghi danh cùng với Celine (Leonie đã vào Tu viện Đức Mẹ Đi viếng) lần đầu tiên dự cuộc hành hương quốc gia đến Roma. Người du hành vĩ đại Louis khá là hạnh phúc khi được giới thiệu nước Ý xinh đẹp và Thành đô Vĩnh cửu với các con gái mình.

Ông Louis trải nghiệm sâu sắc chuyến đi này, và khiến những người hành hương khác ấn tượng bởi tinh thần chiêm niệm và cả đức ái thâm sâu của ông. Ông nhường những chỗ tốt nhất cho người khác, cố gắng làm vui một hành khách chua cay, và tìm được dịp để bắt tay một người khác đã đối xử với ông như một Pharisiêu giả hình. Ông vui mừng tận dụng thời gian này với Têrêsa, người con gái đang chuẩn bị rời bỏ ông. Ông Louis khá tự hào về các con gái mình, và các cô cũng vậy. Têrêsa đã viết, ‘Suốt cuộc hành hương, không có ai đẹp trai và lỗi lạc bằng vua yêu dấu của em.’

Rồi đến ngày tiếp kiến giáo hoàng. Têrêsa được Đức Giáo hoàng ban một lời tiên tri: ‘Con sẽ vào dòng nếu Chúa muốn.’ Còn ông Louis thì nhận được một cử chỉ tiên tri. Sau khi trình diện Đức Giáo hoàng với tư cách cha của hai nữ tu dòng Carmel, Đức Leo XIII, với lời chúc lành đặc biệt, đã đặt tay trên ông

một hồi lâu. Marie, vốn luôn luôn gần với cha, dù đang ở trong nhà dòng, đã viết thư cho ông nói rằng cô quá đỗi vui mừng trước phép lành của Đức Thánh Cha, nhưng cũng không có gì ngạc nhiên khi ngài đặc biệt nhìn đến ông Louis. Với Marie, dường như Đức Giáo hoàng chúc lành cho mái tóc bạc và tuổi cao của cha mình, và như thế là chính Chúa Giêsu chúc lành và dõi theo ông. Vài năm về sau, Têrêsa thấy được rõ hơn về sự kiện này. Đức Giáo hoàng đã ghi trên ông ‘một dấu ấn nhiệm màu’ nhân danh Chúa Kitô.

Ông Louis an ủi con gái vì thất bại rõ ràng lần này, nhưng cuối cùng ông đã được chia vui cùng Têrêsa khi vào ngày 01 tháng giêng 1988, cô được nhận vào dòng Carmel. Theo mẹ bề trên, thì Têrêsa phải trì hoãn ba tháng nữa, và trong thời gian này, ông Louis cố gắng tích lũy cho con gái út của mình mọi sự tốt lành, kể cả đề nghị hành hương đến Thánh địa.

Ngày 09 tháng tư, ông leo lên núi Carmel lần thứ ba để dâng lên Chúa những gì quý báu nhất của ông. Quỳ gối, mắt trào lệ, ông chúc lành cho Têrêsa lần cuối, trước khi thấy cô biến mất sau cánh cửa dòng kín. Ngay hôm sau, ông viết thư cho một người bạn của mình: ‘Têrêsa, nữ hoàng bé nhỏ của tôi, ngày hôm qua, đã vào dòng Carmel! Chỉ mình Chúa mới có thể đòi một hi sinh lớn đến thế, nhưng Chúa giúp cho tôi quá nhiều, nên trong những giọt nước mắt, lòng tôi vẫn ngập tràn niềm vui.’ Với một người có lần bảo rằng ông không thua kém gì Abraham, thì ông Louis trả lời một cách vui vẻ là ông phải thừa nhận rằng ông hẳn sẽ chậm chậm nâng thanh gươm lên, mà lòng thì mong thiên thần và con cừu xuất hiện cho rồi (xem St 22). Celine đã mô tả tấm lòng phụ tử anh hùng của ông ở tu viện Carmel, còn Pauline, như là nói thay cho bà Zélie, đã bảo rằng mẹ mình trên trời đang mỉm cười với cha và vui mừng khi thấy ông đang lái con thuyền đời mình băng băng đến thiên đàng.

Leonie bây giờ đã về lại nhà, nỗ lực đầu tiên xin vào Tu viện Đức Mẹ Đi viếng đã bị gián đoạn vì vấn đề sức khỏe của cô. Ông Louis cũng tin chắc là cô sẽ sớm trở về. Chỉ còn lại Celine, lúc đó mười chín tuổi. Nhìn ra tài năng hội họa của cô, vài tháng sau khi đưa Têrêsa vào dòng, ông Louis muốn đưa Celine đến Paris để học vài khóa. Celine từ chối và thấy mình cần phải chia sẻ lý do với cha: Cô cũng nghe thấy tiếng gọi đến với dòng Carmel. Ông Louis khuyên cô nên đến Nhà tạm để tạ ơn Chúa vì những ơn Chúa đã ban cho cả nhà, và vì vinh dự mà Chúa ban cho ông Louis khi chọn lấy những tân nương từ nhà Martin. Ông cảm nhận Chúa đang ban cho ông một vinh dự cao trọng khi xin ông tất cả con cái ông có, và nếu có điều gì còn hơn thế nữa, ông cũng sẽ dâng lên Ngài không chút chần chừ.

Ngay cả khi thấy trước cảnh chia ly lần này sẽ rất đau đớn, ông Louis vẫn vui mừng. Ông như được một ơn bình an và vui mừng đặc biệt. Ngồi sau màn chắn ở phòng khách dòng Carmel, ông có thể cảm nhận được tình cảm nồng ấm của các con gái. Một niềm vui siêu nhiên ngập tràn trong ông, và các con gái ông xem giai đoạn này như chuyện trên núi Tabor vậy. Như Têrêsa đã viết:

*Sống bằng yêu thương không có nghĩa  
Là làm mười cái lều trên đỉnh Tabor  
Nhưng là leo Núi Sọ cùng Chúa Giêsu  
Là xem thập giá như kho báu.*

Ông Louis thích đọc lời nguyện ngắn mà Marie đã tặng ông cùng với một tấm hình Chúa Kitô trên thập giá: ‘Nguyện xin mọi sự được hi sinh cho thập giá này... Và trong ngày cuối cùng của hành trình trần thế, khi cái chết đến, sẽ thấy được hình ảnh Chúa chịu đóng đinh trong con.’ Sau khi dâng Chúa tất cả các con gái của mình, chính ông Louis cũng dâng hiến ông như lễ tế, trở thành một biểu tượng sống của Thánh Nhan Chúa.

Một năm trước đó, ngày 01 tháng giêng 1887, khi gần sáu mươi tư tuổi, ông chịu cơn đau đầu tiên của căn bệnh về sau đã đưa ông đi. Sau thánh lễ lúc bảy giờ sáng, ông Louis bỗng tê liệt cả người, phần thân trái của ông đờ ra, và tiếng nói lắp bắp. Đây là cơn đầu tiên của chứng bệnh xơ cứng động mạch não sẽ tiếp tục nặng thêm trong bảy năm tới, lúc nhẹ bớt lúc nặng thêm. Bệnh này đi kèm với chứng tăng urê đường huyết, làm ảnh hưởng đến năng lực tâm thần của ông.

Tạm thời lúc này, như thế vẫn chưa đủ để ngăn ông đến nhà thờ đi lễ. Như bà Zélie vài năm trước, ông vẫn cố hết sức đến nhà thờ bất chấp bệnh tình của mình, và khi về nhà, ông cho các cô con gái biết là con người ta như lá trên cây, bởi ban đêm thì trông đẹp đẽ, mà ban sáng chỉ một giờ sương giá là đã héo khô rụng xuống.

Khi ông cho biết về tình trạng của mình, cậu Isidore đoán được hết bệnh của ông, và chữa bằng cách dùng mười hai con đĩa đặt sau tai của anh rề. Với tính hài hước của mình, ông Louis nói, bàn tiệc này chắc là hơi nhỏ cho quá nhiều thực khách đến vậy. Những tháng sau, ông Louis càng yếu hơn. Trong chuyến hành hương đến Roma, ông quá mệt mỏi, khiến cho các cô con gái nhiều lần thấy lo sợ. Tháng năm 1888, sau khi Celine cho biết ý định tận hiến của mình, ông đã lên đường đến Alençon. Khi trở về, ông đến thăm các con ở dòng Carmel, và kể rằng ông đã được nhiều ơn và an ủi ở Nhà thờ Đức Bà, ông đã thưa Chúa là ông được quá nhiều ơn và quá hạnh phúc. Ông nghĩ là mình không thể nào lên thiên đàng như thế, và muốn chịu đựng đau khổ vì Chúa, nên ông đã dâng hiến bản thân mình. Cần thấy rằng, lời dâng hiến của ông xây đến ở Alençon, gần mộ phần bà Zélie, và cách nào đó là theo gương bà, ông đã dâng mình như ‘lễ hiến tề sống động, thánh thiện và được Chúa đón nhận’ (Rm 12, 1)

Vài ngày sau, cha xứ của Nhà thờ chính tòa có một lời kêu gọi đến các giáo dân. Cha cần 10.000 franc để xây một bàn thờ chính mới. 10.000 franc là số tiền bằng với của hồi môn của một cô con gái nhà Martin. Ông Louis không chút chần chừ đem số tiền này đến dâng cho cha xứ, khiến cha quá đỗi sửng sốt, và ông còn xin được giấu tên. Khi biết chuyện này, cậu Isidore phản đối, xem đây là việc làm quá đáng. Thánh Têrêsa nói rằng sau khi đã trao hết tất cả con cái của mình cho Chúa, thì khá là tự nhiên khi ông Louis cũng dâng hiến bản thân mình. Toàn thể gia đình dường như thấy trước lời đáp của Chúa cho sự dâng hiến bản thân của ông Louis.

Vài người tin rằng lòng sùng đạo mong muốn chịu đau khổ chỉ để đau khổ, khác hẳn với giá trị tích cực của thập giá. Thập giá Chúa Kitô cứu chúng ta, và mỗi một Kitô hữu với ơn gọi nên giống Chúa Kitô [alter Christus] được kêu gọi ôm trọn thập giá vì sự cứu rỗi cho thế gian. Bệnh tật của ông Louis cho thấy một lòng say mê đích thực mà chúng ta chỉ thấy được hoa trái trọn vẹn trên thiên đàng.

Ông Louis ngày càng yếu, và đến cuối năm 1888, vấn đề urê đường huyết, mất trí nhớ, mất khái niệm thời gian, và các vấn đề tương tự ập đến trên ông. Ông đau đớn khi biết chú vẹt mà ông yêu thích đã chết, bởi ông đã quên không cho nó ăn. Các con gái của ông trong tu viện lo sợ về tình trạng của ông, nên Celine quyết định ở lại với cha. Ông Louis vẫn bình an, bảo các con gái trong dòng Carmel đừng lo gì cho ông, bởi ông là bạn với Chúa mà. Ông không chờ đợi Chúa giải thoát cho mình khỏi tình trạng này, biết rằng Chúa luôn luôn làm điều tốt nhất cho ông. Với trọn vẹn nhận thức, ông chấp nhận hi sinh này và tất cả hệ quả về sau. Một ngày nọ, khi Celine nói với ông về một người bị mất trí, ông nói rằng theo ông thì không có gian nan nào lớn hơn thế nữa.

Nhưng rồi, lần đầu tiên ông bị ảo giác là vào tháng sáu 1888. Ông Louis nghĩ các con mình đang bị nguy hiểm tính mạng, và còn nghĩ rằng chiến tranh đang đến. Ông còn tìm cách trốn đi, rồi về sau giải thích với các con gái là ông đi để làm ân sỹ. Các tháng sau đó là một cơn ác mộng cho tất cả mọi người. Ông

vẫn còn thường xuyên tinh táo, và nhiều lần cầu nguyện xin được chết, nhưng luôn kết lời cầu nguyện rằng ‘Mọi sự vì vinh quang Chúa cao cả hơn.’ một câu mà ông lặp đi lặp lại bất kỳ lúc nào thấy hụt hẫng. Celine cho biết là dù không còn sáng suốt, nhưng mọi suy nghĩ của cha mình vẫn hướng về việc phụng sự Chúa, Đấng là trung tâm trọn cuộc đời của ông. Celine tan nát cõi lòng khi thấy cha bệnh tật như thế. Các chị em của cô trong nhà dòng càng đau khổ hơn khi không thể giúp gì. Mọi người đều sống trong lo sợ tai ương ập đến.

Tháng giêng 1889, ông Louis dường như khá hơn. Như hoa trái của ân sủng đặc biệt, ông có thể dự lễ khấn của Têrêsa và chia sẻ niềm vui với ‘nữ hoàng nhỏ’ của mình. Trong ngày trọng đại đó, ông Louis dắt tay con gái út lên bàn thờ, theo thông lệ thời ấy.

Một tháng sau, cuộc thương khó bắt đầu, cho ông và cho cả nhà. Ngày 12 tháng hai, ngày mà Têrêsa, với đức tin mãnh liệt, đã đánh dấu là một trong những ngày ân sủng nhất đời mình, ông Louis bị một cơn mê sảng nặng hơn bất kỳ lần nào trước đó. Ông nghĩ rằng quân cách mạng đang đến trước cổng thành phố, và ông lấy một khẩu súng để bảo vệ các con gái trong dòng Carmel. Celine và Leonie là những người duy nhất chứng kiến cảnh dữ dội này, và không có cách nào thuyết phục được cha mình. Báo động về tình trạng của ông Louis, cậu Isidore thấy mình buộc phải đưa ra quyết định cần thiết. Cậu đưa ông Louis đến Nhà thương điên Bon Sauveur (Đấng Cứu Thế Nhân Lành) ở Caen. Về sau, Celine nói rằng cô và Leonie giữ kín chuyện này bởi họ quá tan nát thất thần.

"Quả thật, quả thật, Ta bảo người: khi người còn trẻ, người tự thất lưng mình và đi đâu tùy ý; nhưng khi đã về già, người sẽ giăng tay ra và người khác sẽ thất lưng cho và lôi đi nơi người không muốn" (Ga 21, 18). Đây là ý nghĩa hệ tại của thương khó: sự hạ nhục cộng thêm vào tình cảnh kinh hoàng. Các lời đồn đãi lan khắp thành phố, thậm chí đến tận dòng Carmel. Người ta nói rằng tình trạng của ông là do sự khổ hạnh khắt khe, có người còn bảo ông bị giang mai, hoặc nói rằng các con gái của ông là người phải chịu trách nhiệm cho chuyện này bởi họ đã khiến ông quá đau buồn khi bỏ ông mà đi. Nhưng, điều khiến các con gái nhà Martin đau đớn xé lòng nhất là khi biết cha mình, ‘vua’ yêu dấu, ‘đang loạn trí và được coi sóc bởi những người lạ.’

Khi Têrêsa nói đến ‘gian nan lớn’ của đời mình, thánh nữ không nói về đêm tối đức tin của mình, nhưng là về bệnh tình của cha. Thánh Têrêsa đã dùng gian nan này như xúc tác cho một hành động đức tin tinh tuyền. Têrêsa đã khám phá sự nhân lành của Chúa Cha qua gương mặt người cha của mình, và bây giờ, thánh nữ lại khám phá ra dung nhan bị sỉ nhục của Chúa Kitô trong gương mặt ông Louis. Qua chặng đường thương khó của cha mình, Têrêsa khám phá ra sự thương khó của Chúa Giêsu trong tình yêu ‘đến điên dại’ Ngài dành cho nhân loại. Trong thời gian này, thánh Têrêsa Hải đồng Giêsu trở thành Têrêsa Hải đồng Giêsu và Thánh Nhan. Thánh nữ viết:

‘Chúa Giêsu đang thiêu đốt trong tình yêu dành cho chúng ta... Hãy nhìn vào dung nhan đáng tôn thờ của Chúa!... Hãy nhìn vào đôi mắt nhắm nghiền của Chúa... Nhìn vào các thương tích của Chúa... Hãy nhìn vào gương mặt Chúa Giêsu... Bạn sẽ thấy Ngài yêu chúng ta đến thế nào.’

Với các cô con gái nhà Martin, gia đình mình đang bị đánh sập như gia đình ông Gióp vậy, nhưng theo Têrêsa, đó là ‘đòn đánh của yêu thương.’ Các chị em cùng nhau đặt trong nhà nguyện dòng, dưới tượng Thánh Nhan, một bảng đồng với dòng chữ *Sit nomen Domini benedictum*. Câu tiếng La Tinh này lấy từ cuối đoạn mà ông Gióp nói, “‘Tôi đã trần truồng lọt khỏi lòng mẹ, tôi cũng sẽ trần truồng về lại nơi đó. Đức Chúa đã cho, Đức Chúa đã lấy lại, Đấng chúc tụng thay Danh Chúa!’” (Gióp 1:21). Hoa trái đầu

tiên của ông Louis chắc chắn là sự triển nở đức tin ngoại hạng trong lòng các con gái, và không có nó, Têrêsa hẳn không thể là vị thánh mà chúng ta ngưỡng mộ ngày hôm nay.

Ông Louis đang ở trong nhà thương điên, nhưng sống trong bệnh viện tâm thần không phải là trở ngại với sự thánh thiện của ông. Nhà thương điên Bon Sauveur được cha Pierre-Francois Jamet thành lập, và không phải là kiểu địa ngục như người ta tưởng tượng. Đây vẫn là thời gian tiên phong trong các bệnh viện tâm thần, các bệnh nhân được đối xử rất nhân văn nhờ tay các tu sỹ cảm nhận được ơn gọi chăm sóc của mình. Việc điều trị về căn bản là những thủ tục thường ngày đều đặn và luôn có người coi sóc. Trong ba năm ở đây, ông Louis nhiều lần đủ minh mẫn để hiểu, đón nhận, và thánh hóa gian nan của mình.

Sơ Costard, người chăm cho ông cách đặc biệt, đã chào đón và nói với ông rằng ông có thể là một tông đồ tuyệt vời cho tất cả các bệnh nhân khác. Ông trả lời: ‘Đúng thế, nhưng tôi muốn làm tông đồ ở nơi khác chứ không phải ở đây. Nhưng nếu đây là ý Chúa. Thì tôi nghĩ đó là để hạ gục sự kiêu ngạo của tôi.’ Ông Louis nói với bác sỹ: ‘Tôi luôn luôn quen với việc ra mệnh lệnh, và bây giờ thì tôi bị hạ xuống phải nghe theo lệnh. Thật là khó khăn, nhưng tôi biết vì sao Chúa cho tôi gian nan thử thách này: Tôi đã không có sự si nhục nào trong đời, và tôi cần phải trải qua điều đó.’

Và ông hẳn là tông đồ hàng đầu với các bệnh nhân. Ông Louis hiểu cách nhìn xuyên qua những lớp vỏ mắt trí để đi vào tâm hồn và biến đổi người ta. Ông từ chối một phòng dành riêng cho ông, để có thể sống chung với những người khác, chia sẻ với họ những thanh kẹo mà các cô con gái gửi đến, và không ngừng rao giảng tình yêu Thiên Chúa cho họ. Ông còn làm cho các nhân viên bệnh viện được mở mắt nhiều, Theo sơ Costard: ‘Không chỉ là không bao giờ phàn nàn, ông còn thấy mọi sự chúng tôi làm cho ông đều tốt đẹp. Ông hi sinh từ bỏ không ngừng.’ Như các y tá khác, sơ Costard kinh ngạc bởi sự nhẹ nhàng của ông, và thường xuyên nhắc lại rằng; ‘Nơi ông có một sự đáng kính!’

Tất nhiên, ông cũng có những thời gian kích động, hỗn loạn, và ảo giác, những lúc cần phải đưa ông đi xa khỏi các bệnh nhân khác. Và còn có một lần hiểu lầm rất tệ. Hai luật sư, tự nhận là thay mặt các con gái ông, đến gặp ông Louis và cố gắng tìm cách để ông giao cho họ hết mọi tài sản. Ông Louis bật khóc đau đớn vì cảm thấy các con gái đang bỏ rơi và không còn tin tưởng mình. Không còn chuyện gì cay đắng hơn thế. Nhưng may thay, Celine và Leonie đến viếng thăm ông mỗi tuần, đã trấn an ông đây là chuyện dối trá. Các cuộc viếng thăm này, cùng với những lá thư từ dòng Carmel đầy âu yếm và khích lệ, là niềm an ủi cho ông. Nhưng ông không bám chặt vào đó. Khi biết Leonie và Celine đang đi nghỉ với nhà cậu Isidore, ông mừng cho các con và muốn các con cứ ở lại nghỉ ngơi một thời gian đủ lâu, ông không muốn các con phải trở về vì mình.

Sự nâng đỡ lớn nhất của ông, như luôn luôn là vậy, chính là lời cầu nguyện. Ông là người đến nhà nguyện và đi rước lễ thường xuyên nhất, mỗi khi tình trạng tâm thần có thể là ông đi ngay. Trong những lần minh mẫn, ông nhận định ý Chúa trong hoàn cảnh của mình, và cầu nguyện xin được sống thánh thiện hơn. Khi các con gái muốn làm tuân cứu nhật xin cho ông được lành bệnh, ông đã trả lời rằng các con không nên xin như thế, nhưng chỉ nên xin theo ý Chúa mà thôi. Qua sự quy phục tận cùng này, chúng ta có thể nhận ra mức độ tất cả những bỏ mình suốt đời ông. Ngay cả trong những hoàn cảnh khủng khiếp, ông Louis vẫn can đảm đi tiếp trên con đường thánh thiện của mình. Celine đã viết cho các chị em đang ở trong dòng, ‘Em thực sự tin rằng, càng ngày gương mặt cha càng bình an và thánh thiện.’ Chúng ta chỉ cần nhìn vào tấm hình cuối cùng của ông Louis để tin chắc về điều này.

Trong ba năm trong bệnh viện tâm thần, ông yếu dần đi, cả về tâm trí lẫn thể lý. Năm 1892, Celine kể về một cơn bệnh của cha, giống như kiêu hóa thành trẻ con nhưng không hẳn trẻ con, bởi ông hiểu và cảm nhận hơn một đứa trẻ. Celine có thể thấy được sự đau buồn của ông khi không thể diễn tả được những gì ông mong muốn trong lòng.

Ông Louis không còn chút gì nguy hiểm với người khác cũng như với bản thân ông, và hai chân của ông đã liệt khiến ông không còn tự vận động được nữa, nên bệnh viện cho ông về ngày 10 tháng năm 1892. Hai ngày sau, ông được đưa đến dòng Carmel thăm các con. Ông không nói được, nhưng dường như hiểu được những lời các con gái nói. Khi các chị chào tạm biệt, ông cố gắng đưa được ngón trỏ hướng lên trời và nói được rõ ràng hai chữ ‘trên trời.’ Ông được về nhà là một sự xoa dịu cho ông và cả các con gái. Leonie và Celine thuê một căn nhà nhỏ sát nhà cậu Isidore ở Lisieux, và để cha sống trên tầng một. Họ thuê Desire, một người giúp việc tận tụy để chăm sóc cho ông. Nhờ sự gắn bó với các thánh cả, và những lời cầu nguyện tha thiết của Celine, cô Desire cuối cùng đã trở lại đạo. Nhà cậu Isidore luôn luôn giúp đỡ nhiều, và chăm sóc cho cả đại gia đình.

Ông Louis luôn nhẹ nhàng và ngọt ngào với gia đình mình, dù cho đôi khi ông rơi vào nỗi buồn thăm thẳm. Ông hiếm khi nói gì, nhưng không bao giờ bị mê sảng, ông thể hiện được niềm vui khi biết tin Pauline được bầu làm bề trên dòng Carmel vào năm 1893, và ông cũng mở lời muốn các con cầu nguyện cho mình. Trong khi năng lực và ký ức bị suy giảm, nhưng các nét đặc tính của ông vẫn không bị ảnh hưởng, đó là sự triu mến ân cần và linh hồn chiêm niệm. Ông chưa bao giờ hạnh phúc hơn thế khi được về sống ở miền quê.

Nhà cậu Isidore thừa kế một ngôi nhà gần Evreux, và ông Louis về đó sống trong hai mùa hè cuối đời của mình. Celine kể lại: ‘Suốt cả đời, em sẽ nhớ gương mặt đẹp của cha, khi ánh mặt trời lặn dần, em và cha dừng lại sâu trong rừng để nghe tiếng sơn ca. Cha lắng nghe với một biểu cảm không nói nổi trên khuôn mặt. Thật là mê ly, có điều gì đó không giải thích được của miền đồng quê phản ánh trên gương mặt cha. Rồi sau một hồi lâu thình lạng, bởi vẫn còn đang lắng nghe tiếng chim, em thấy có nước mắt lăn trên má cha.’

Ông Louis qua đời tại ngôi nhà miền quê này. Ngày 27 tháng bảy 1984, ông yếu đi thấy rõ, và ngày 28 ông nhận các bí tích cuối cùng. Cơn đau hấp hối bắt đầu từ ngày chúa nhật 29 tháng bảy. Ông khó thở và dường như vô thức. Nhưng khi Celine đọc kinh cầu xin Chúa Giêsu, Đức Mẹ, và thánh Giuse, vào khoảng tám giờ sáng, thì ông Louis mở to mắt nhìn con gái mình với cái nhìn triu mến mà cô không bao giờ quên. Trong ánh mắt sống động của cha, dường như Celien khám phá thấy ‘đức vua’ của mình với tất cả huy hoàng như trước. Rồi ông Louis nhắm mắt vĩnh viễn. Đầu ngày chúa nhật hôm ấy, ngày của Chúa, Đấng mà ông đã yêu mến suốt đời, ông Louis đi vào Đời sống Vĩnh hằng.

Trên nhà tang lễ của ông là câu này: ‘Đức Kitô không phải chịu khổ nạn như thế đã, rồi mới vào vinh quang của Ngài sao?’ (Lc 24, 26) Thiên đàng không bao giờ xa cách, và Têrêsa đã hát vang về điều này: ‘Cha yêu dấu của chúng tôi ở gần chúng tôi. Sau khi đã mất được năm năm, thật vui cho tôi khi được thấy cha vẫn luôn như thế, như cha đã luôn làm mọi sự cho chúng tôi được vui.’ Ông Louis đã được đoàn tụ với bà Zélie, Helene yêu dấu, các con trai và Têrêsa lớn của ông. Ông phải chờ đến tận năm 1959, khi Celine, cũng là nữ tu dòng Carmel, về trời để cả gia đình được đoàn tụ đông đủ.

Ông Louis đã nói về gia đình mình, những người đã cho thế giới thấy gương mặt yêu thương của Chúa, ‘Cha cảm thấy phải tạ ơn Chúa, và làm cho con tạ ơn Ngài nữa, bởi cha nhận thức rằng, gia đình chúng



ta, dù cho khiêm nhượng, nhưng có vinh dự được kể vào những người hưởng đặc ân của Đấng Tạo Hóa Chí Thánh.’

## LỜI KẾT

### ĐÔI VỢ CHỒNG ĐƯỢC PHONG THÁNH

Đấng Quan Phòng muốn chúng ta chờ đợi 150 năm sau lễ hôn phối của ông bà Louis và Zélie, để thấy cả hai được phong chân phước cùng một lần với tư cách vợ chồng. Tuy nhiên, *voxpopuli* (tiếng nói dân Chúa) của những người gần gũi hai vị đã phong thánh cho họ ngay từ khi họ còn sinh thời. Các cô con gái nhà Martin nói về ông bà như là cha mẹ ‘thánh’ của mình, và cậu Isidore xem mình là một ‘người lùn’ đường thiêng liêng khi đặt cạnh ông bà. Hàng xóm, bạn bè, các linh mục, và tu sĩ quen biết ông bà đều nhất trí về sự thánh thiện của hai người. Giáo hội Hoàn vũ chưa biết đến ông bà, cho đến khi con gái út của hai người chiếu rọi sáng ngời cha mẹ mình, những người mà thánh Têrêsa hằng luôn ca ngợi: ‘Chúa nhân lành đã cho em một người cha và một người mẹ xứng với thiên đàng hơn là thế gian này.’

*Hướng mắt trông về Thánh địa  
Trên ngai tôn kính, con thấy được là  
Cha yêu dấu ... Mẹ yêu dấu  
Cho con hạnh phúc chứa chan dạt dào!*

Trong đêm phong thánh cho thánh Têrêsa vào ngày 17 tháng năm 1925, hồng y Antonio Vico, người phụ trách án phong chân phước, đã nói, ‘Bây giờ chúng tôi chuẩn bị hỏi ý kiến Roma để lập án phong chân phước cho người cha của thánh nữ.’ Và các thư tín của gia đình sau khi được công bố vào năm 1941, đã cho mọi người biết đến gương mặt sáng ngời của bà Zélie. Còn cha Stephane-Joseph Piat đã viết quyển *Câu chuyện một Gia đình* [Histoire d’une famille] tác phẩm bán chạy toàn cầu.

Từ thời điểm đó, dòng Carmel và Vatican nhận được hàng ngàn lá thư từ khắp nơi trên thế giới bày tỏ tình cảm mến dành cho ông bà Louis và Zélie, và làm chứng những phép lạ qua lời chuyển cầu của hai vị: lành bệnh, hòa giải gia đình, hoán cải, các ơn vật chất và thiêng liêng. Ông bà Zélie không nghỉ ngơi chút nào, dù đang ở trên thiên đàng! Và đây là một vài lá thư được gửi đến cho chị Celine từ Hoa Kỳ vào những năm 1950:

Chúng tôi rất đổi biết ơn nếu chị gọi cho chúng tôi 1000 tấm hình ông Louis Martin và 1000 tấm hình của bà Zélie với lời cầu nguyện xin phong chân phước cho hai vị. Chúng tôi có thể phân phát các tấm hình ở Hoa Kỳ và làm việc để thúc đẩy án phong chân phước. Chúng tôi tin rằng hai vị đã làm một phép lạ ở đây khi chữa lành cho một bé gái đang tuyệt vọng vì bệnh ung thư máu. Gia đình đã làm tuần cửu nhật xin hai vị chuyển cầu và bé đã được lành. (Từ mẹ bề trên một tu viện Carmel ở Hoa Kỳ)

Người cha yêu quý (Louis) tiếp tục thực thi đức ái trên lục địa này. Một ví dụ là. Một trong các chị em của chúng tôi, sơ Delphine, bây giờ đã qua đời, từng được một bà mẹ đến thăm và xin lời khuyên về thập giá nặng nề mà bà đang vác. Sơ Delphine nói với bà, ‘Hãy cầu nguyện với thánh Têrêsa.’ Vài ngày sau, khi đi ngang qua nhà thờ thánh Phêrô của Dòng Phanxicô ở trung tâm Chicago, bà này gặp một ông

già hỏi bà, ‘Con gặp khó khăn à? Con hãy đi vào nhà thờ, và lúc ba giờ chiều, có một người cao lớn sẽ đến tòa giải tội, con hãy nói với ông ấy các vấn đề của mình, ông ấy sẽ giúp cho con.’ Người phụ nữ này tìm thấy vị linh mục đúng như lời ông già đã nói, và bà được thêm sức mạnh. Về sau, di của bà ấy cho bà xem quyển sách *Câu chuyện một Gia đình* của cha Piat, và thật ngạc nhiên khi bà thấy hình ông Martin. Bà kêu lên, ‘Đây là người mà em đã gặp trước nhà thờ thánh Phêrô, người bảo em hãy vào nhà thờ!’... Đây chỉ là ví dụ một chuyện mà thôi. Cùng với thánh Têrêsa, cha yêu quý đang làm việc thiện ngay trên trần gian này.’ (Từ sơ Marie Stephanie, Hoa Kỳ)

Tôi cầu nguyện với mẹ và cha của thánh Têrêsa, ông Louis và bà Zélie Martin, xin giúp cho tôi giữ được gia đình của mình, bởi chúng tôi đang trên bờ vực li hôn. Tôi hạnh phúc được nói rằng, nhờ lời chuyển cầu của hai vị, lời cầu nguyện của tôi đã được Chúa đón nhận tức thì.’ (Từ bà J...., Hoa Kỳ)

Các thỉnh nguyện xin phong chân phước cho hai ông bà Martin lên đến hàng chục ngàn chữ ký. Để đáp lại tình cảm đang lan rộng này, các giám mục của Lisieux và Alencon mở hai tiến trình phong thánh, thực hiện riêng biệt từ năm 1957 đến 1960, rồi hợp nhất làm một. Cha Simeon dòng Thánh Gia, thành viên cho án phong chân phước này, cùng với cha Giovanni Papa và bà Marie Perier, đã làm nhiệm vụ nghiên cứu lịch sử và biện hộ phê phán trong nhiều năm. Hồ sơ bao gồm tất cả văn bản chính thức về đời sống riêng và các bài viết của hai vị lên đến hơn 2000 trang giấy về mọi mặt đời sống của ông bà Martin.

Lần đầu tiên, án tôn phong cho một cặp vợ chồng được đệ trình lên Vatican. Các sự kiện khác nhau đã làm chậm đi án tiến trình này, cho đến tận năm 1994, khi thánh Gioan Phaolô II ký ‘Tuyên bố về các Đức tính Anh hùng’ cho ông Louis và bà Zélie, tôn phong hai vị là ‘bậc đáng kính.’

Trước khi phong chân phước và phong thánh cho một người, Giáo hội rất cẩn trọng, luôn luôn cần có một sự xác nhận từ Chúa, cụ thể là một phép lạ. Và một phép lạ đã xảy đến cho một gia đình Ý vào tháng sáu 2001.

Valter và Adele Schiliro, có một con trai trên là Pietro bị bệnh phổi nặng, và chỉ sống được nhờ máy thở. Các bác sỹ đã bó tay với ca bệnh của em. Nhờ lời khuyên của linh mục Antonio Sangalli, cả gia đình, cùng các nhân viên ở bệnh viện, những người trong giáo xứ và các nhóm cầu nguyện, bắt đầu cầu nguyện cùng ông bà Louis và Zélie. Không lâu sau, họ được đáp lời. Bé Pietro sớm được lành bệnh hoàn toàn một cách kỳ diệu. Ngày nay, Pietro là một chàng điển trai, cùng với cả nhà đến Lisieux để cảm ơn ‘cha mẹ trên trời’ của mình.

Cuối cuộc điều tra dài và vô cùng tỉ mỉ, Giáo hội công nhận phép lạ chữa lành qua lời chuyển cầu của ông bà Martin, và vào ngày 13 tháng bảy 2008, chính xác là 150 năm sau ngày hai người cử hành phép hôn phối, Giáo hội tuyên bố lễ phong chân phước cho hai vị sẽ được diễn ra vào ngày 19 tháng 10 cùng năm.

Những người tham dự lễ phong chân phước sẽ không bao giờ quên nghi thức đơn giản mà trọng đại ở Lisieux, với 15.000 người nhiệt thành và vui tươi đến từ khắp nơi trên thế giới. Nếu bạn đọc cho phép tôi chia sẻ một ký ức riêng của mình, thì xin nói đó là một trong những ngày đẹp nhất đời tôi. Thấy vương cung Thánh đường được trang hoàng đèn đuốc và màu sắc vui tươi, với đám đông đang vỗ tay hân hoan, nói cười, hát hết mình, tôi không thể không hình dung hai vị Louis và Zélie đang ở giữa chúng tôi, xúc động và kinh ngạc. Bậc cha mẹ khiêm nhường, những con người lao động khiêm nhường này, suốt cả đời có bao giờ nghĩ rằng Giáo hội tại thế, chưa nói đến Giáo hội trên thiên đàng, sẽ tôn vinh họ đến thế hay không? Đặc biệt bà Zélie chắc hẳn sẽ mở mắt thật to vui sướng. Việc phong chân phước cho

hai vợ chồng Louis và Zélie cũng là lời nhắc chúng ta về vinh quang đang ẩn giấu nơi cuộc sống thường nhật và những khó khăn của chính bản thân mình. ‘Vì rằng chút gian truân nhẹ bồng trong hiện tại gây nên cho chúng ta đời đời một khối vinh quang siêu vời, tuyệt đỉnh.’ (2 Cr 4, 17) Tôi cảm thán thấy vinh quang của vợ chồng nhà Martin, vốn không gì khác ngoài vinh quang của Thiên Chúa, và chúng tôi cùng chia sẻ một thời gian ân sủng.

Kể từ đó, con số người hành hương đến Lisieux và Alencon ngày càng tăng. Họ làm chứng là ông bà Louis và Zélie đồng hành với họ, đặc biệt là trong đời sống gia đình. Các bậc cha mẹ đau buồn vì con cái, hay vì bệnh tật, đã cảm nghiệm được sự nâng đỡ từ hai vị. Vô số cặp vợ chồng không thể có con cái, đã ký thác vào sự chuyển cầu của hai vị, và kết quả là nhiều bé đã ra đời được đặt tên là Louis và Zélie. Từ năm 2008, ‘Zélie’ là một trong những cái tên được ưa chuộng ở Pháp. Với nhiều người, ông bà Louis và Zélie hơn cả thánh bảo trợ hay một mẫu gương, hai vị còn là bạn bè và người thân. Có thể nói, gia đình Martin đang tiếp tục lớn lên, thêm vào những con người mà ông Louis, bà Zélie, thánh Têrêsa và các chị chào đón với cánh tay mở rộng và bao bọc với tình chăm sóc ân cần của mình.

Các đền thánh tại Lisieux và Alencon, ngày nào cũng nhận được nhiều chứng tử. Vợ chồng nhà Martin không giải quyết vấn đề của tất cả mọi người, nhưng với con gái thánh của mình, họ có thể hứa, như lời thánh Têrêsa đã nói: ‘Đừng tin là khi em ở trên thiên đàng, em sẽ đổ đầy trái chín mọng xuống cho chị... Đó không phải là những gì em có, cũng không phải là những gì em mong muốn. Có lẽ chị có nhiều gian truân, nhưng em sẽ gởi chị những ánh sáng rạng ngời giúp chị trân trọng và yêu mến gian truân của mình. Chị sẽ thấy cần phải như em mà nói rằng, ‘Lạy Chúa, Chúa đổ đầy chúng con niềm vui vì mọi sự Chúa làm cho chúng con.’’

Vợ chồng nhà Martin có tác động toàn cầu, và những người hành hương đến Alencon là từ 110 quốc gia khác nhau. Các cộng đoàn khắp thế giới đặt mình dưới sự bảo trợ của hai vị, chẳng hạn như dòng tu mới ở Brazil, dòng Sagrada Familia. Thánh tích của hai ông bà tiếp tục được trưng bày quanh các giáo phận và đặc biệt là, được trưng bày tại Hội đồng Giám mục về Gia đình ở Roma vào năm 2014. Do đó, thật xứng đáng khi tôn phong ông bà Louis và Zélie lên bậc hiển thánh. Nếu tiến trình phong chân phước với ý bậc chân phước được tôn kính ở giáo hội địa phương (một lý do vì sao lễ phong chân phước thường cử hành ở các giáo phận), thì việc tôn phong hiển thánh trình diện các vị với toàn thể Giáo hội.

Và, để như thế, chúng ta cần một phép lạ. Ngày 15 tháng mười, 2008, bé Carmen bị sinh non ở Valencia, Tây Ban Nha. Các biến chứng nhanh chóng xuất hiện, và bé Carmen bị xuất huyết não. Cha mẹ của bé đến Tu viện Carmel gần đó xin cầu nguyện. Ngày 23 tháng mười một, khi tình trạng của bé đến mức tuyệt vọng, bề trên dòng Carmel đã khuyến khích cha mẹ của bé cầu nguyện với ông bà Louis và Zélie. Ngay hôm sau, trước sự kinh ngạc của tất cả mọi người, bé Camen bắt đầu khá hơn, và đến đầu năm 2009, bé đã được về nhà.

Nhưng chứng xuất huyết não vẫn còn dai dẳng, và có nhiều hậu quả có thể rất khốc hại. Các sơ dòng Carmel và gia đình bé, đã đến viếng thánh tích của ông bà Louis và Zélie đang đi qua thành phố của họ, và cầu nguyện hết sức mình. Ngày 19 tháng hai, một xét nghiệm cho thấy chứng xuất huyết đã biến mất, và còn lạ lùng hơn nữa khi không còn di chứng nào ở não bộ nữa. Hôm nay, bé Carmen là một bé gái hoàn toàn khỏe mạnh.

Với việc công nhận phép lạ, ngày 18 tháng ba 2015, cha mẹ bé Carmen khi nghe tin chính thức quyết định phong thánh cho chân phước Louis và Zélie Martin, đã quá đỗi xúc động, vui mừng và biết ơn. Cha mẹ bé Carmen xem hai vị là một phần gia đình mình, bởi họ đã cầu nguyện và ông bà Martin đã chuyển

cầu cho con gái họ được lành bệnh. Hai người nói rằng, hai thánh vợ chồng nhà Martin là mẫu gương cho gia đình hiệp nhất, với nền tảng là tình yêu thương và tôn trọng dành cho con cái, nên nhờ hai vị, họ có thể làm chứng những giá trị này cho con hai người con của mình.

Đức Giáo hoàng Phaolô VI đã nói rằng nếu như vợ chồng nhà Martin được phong thánh, thì họ nên được phong thánh cùng nhau. Chính Đức Phaolô VI đã sáng kiến kết hợp hai án phong chân phước của hai vị thành một. Hành động của ngài vừa mạnh mẽ vừa đổi mới, bởi trước đó chưa bao giờ Giáo hội phong thánh cho một cặp vợ chồng. Khi lần đầu tiên trong lịch sử, phong thánh cho một cặp vợ chồng, Giáo hội đang gửi đi một thông điệp mạnh mẽ, cho thấy vẻ đẹp trong dự định của Thiên Chúa cho hôn nhân và gia đình, đồng thời nhắc lại rằng hôn nhân là một trong những con đường vững vàng để nên thánh. Ông bà Louis và Zélie hẳn cũng đã từng hoài nghi điều này, và thật đáng để chúng ta tự hỏi mình, liệu trong vô thức Công giáo tập thể của chúng ta (tạm gọi như thế) có còn khái niệm rằng chỉ có thể nên thánh qua con đường thánh hiến hoặc một đời sống phi thường.

Việc tôn phong ông bà Louis và Zélie lên bậc hiển thánh, là lời khẳng định mạnh mẽ rằng gia đình có thể là nơi yêu thương mãnh liệt làm chứng cho toàn bộ thế giới về tình yêu Thiên Chúa, đồng thời cũng xác quyết rằng đời sống bình thường với Thiên Chúa có thể sinh ra những hoa trái phi thường. Bằng cách sống yêu thương đơn sơ trong cuộc sống gia đình thường ngày, yêu thương đến tận cùng, ông bà Louis và Zélie đã góp phần soi rọi ánh sáng cho toàn thế giới. Như con gái mình, hai vị ở trên thiên đàng đang làm việc thiện cho thế gian, và tôi mong các bạn cũng hãy tự mình cảm nghiệm điều này bằng cách ký thác nơi hai vợ chồng thánh này. Bạn sẽ không hối tiếc đâu.